

**KẾT QUẢ PHẢN BIỆN ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC NGÀNH Y TẾ
NĂM 2019**

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|---|---------------------|--|--------|---|---------|----------|
| 28.19.001 | Nghiên cứu thực trạng môi trường học tập, giảng dạy của học sinh và giáo viên tại các trường học huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 | TTYT huyện Phú Vang | Trương Như Sơn Trần Minh Sự Đặng Văn Tuấn Nguyễn Minh Hùng Hoàng Trọng Quý Đào Thị Kim Anh Đoàn Thị Lộc Lê Thị Na Hồ Văn Đước Lê Thị Phương Chi Đỗ Thị Kim Na Nguyễn Thị Trà Mí Trương Ngọc Đăng Than Minh Tri | 2019 | Tên đề tài: nên bỏ chữ "thực trạng" trong tên đề tài - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Trong PPNC không nên đưa nội dung tiêu chuẩn loại trừ vào Tiêu chuẩn lựa chọn. - PPNC phải nói rõ tiêu chuẩn xác định mức tụt khúc xạ học đường, tiêu chuẩn xác định bệnh cong vẹo cột sống, tiêu chuẩn xác định bệnh nghề nghiệp của giáo viên. - Kỹ thuật thu thập thông tin cần mô tả kỹ hơn. | 76.5 | Khá |
| 28.19.002 | Đánh giá kết quả điều trị ruột thừa viêm cấp bằng phương pháp phẫu thuật nội soi tại Trung tâm Y tế huyện Phú Vang | TTYT huyện Phú Vang | Lê Thanh Hà Nguyễn Minh Hùng Trần Đại Ái Lê Xuân Đức Trần Đoàn Quốc Long Lê Phước Phùng Đỗ Thị Kim Na Nguyễn Thị Kim Sương Nguyễn Thị Thùy Dương Thị Hồng Gấm Bạch Thị Diệu Ngô Ngọc Tới Võ Thị Hạnh Dung Hồ Văn Đước | 2019 | Đề tài có tính cấp thiết phù hợp với bệnh nhân đến khám và điều trị tại TTYT huyện. Đưa thời gian nghiên cứu vào tên đề tài - Tính mới và sáng tạo: Đề tài đã có nhiều tác giả nghiên cứu. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: T/g chưa nêu mức thang điểm đánh giá Kết quả nghiên cứu (thang điểm Likert) cụ thể là như thế nào? - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu nghiên cứu khá rõ ràng và phù hợp với nhu cầu của người bệnh và năng lực chuyên môn của TTYT huyện. - Nội dung nghiên cứu: Nội dung nghiên cứu rõ ràng, hợp lý. - Tài liệu tham khảo bằng tiếng Việt về kỹ thuật này còn quá ít. | 78.0 | Khá |
| 28.19.003 | Nghiên cứu văn hóa sức khỏe ở bệnh nhân mắc bệnh tăng huyết áp đang được quản lý tại các Trạm Y tế xã, thị trấn của huyện Phú Vang năm 2019 | TTYT huyện Phú Vang | Đặng Văn Tuấn Trần Minh Sự Đào Thị Kim Anh Nguyễn Minh Hùng Hồ Hữu Hoàng Trương Ngọc Đăng Đoàn Thị Lộc Than Minh Tri Nguyễn Thị Trà Mí Lê Thị Na Võ Văn Hiếu Hoàng Trọng Quý Trương Như Sơn | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài chưa cao Tính mới và sáng tạo: Đã có nghiên cứu tương tự và mức độ ảnh hưởng của đề tài rất khó lan rộng. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Ở phần nội dung và biến số nghiên cứu trang số 12 có đánh giá Điểm trung bình, phân các mức độ-cần bổ sung thêm dựa vào phân loại của tác giả nào? Tài liệu tham khảo nào? để tính khoa học của phương pháp nghiên cứu được chặt chẽ hơn - Nội dung nghiên cứu: Ở phần nội dung và biến số nghiên cứu trang số 12 cần bổ sung ở mục Văn hóa sức khỏe chung và Các nhóm văn hóa sức khỏe có đánh giá Điểm trung bình, phân các mức độ cần nêu rõ các mức độ như thế nào, phân các mức độ dựa vào những tiêu chuẩn thế nào và dựa vào phân loại của tác giả nào? Tài liệu tham khảo nào? - Tính khả thi của đề tài: Đề tài có tính khả thi, có thể thực hiện được - Thể thức trình bày: Có nhiều chữ viết tắt trong đề tài như: BKLN, THA, ĐTD trang 3, HLQ trang 7... nhưng không có trang danh mục chữ viết tắt. - Tài liệu tham khảo nên sắp theo thứ tự ABC và phần tiếng Anh riêng ra. | 74.0 | Khá |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|---|---------------------|--|--------|---|---------|----------|
| 28.19.004 | Khảo sát kiến thức, thái độ và thực hành của viên điều dưỡng, nữ hộ sinh, kỹ thuật viên về công tác khử khuẩn, tiết khuẩn tại Trung tâm Y tế huyện Phú Vang năm 2019 | TTYT huyện Phú Vang | Nguyễn Ái Thùy Phương Phan Nguyễn Văn Triều Ngô Viết Tài Nguyên Lê Thị Lành La Thành Nhơn Duong Bùi Trà Ny Hồ Thị Kim Thương Trần Mạnh Hùng Nguyễn Thị Thủy | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Đề tài có tính cấp thiết để Khảo sát kiến thức, thái độ và thực hành của viên điều dưỡng, nữ hộ sinh, kỹ thuật viên về công tác khử khuẩn, tiết khuẩn trong hoạt động khám chữa bệnh - Tính mới và sáng tạo: Đã có khá nhiều nghiên cứu về nội dung này trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên đây là đề tài mới tại khoa KSNK của BV. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Cần mở rộng nội dung khảo sát thực hành về công tác như nhiễm khuẩn, tiết khuẩn, như: trong hoạt động chăm sóc, lấy máu xét nghiệm,... - Mục tiêu nghiên cứu: 2 Mục tiêu nghiên cứu: rõ ràng, cụ thể. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu tốt, nghiên cứu toàn bộ các đối tượng tại bệnh viện - Nội dung nghiên cứu: Nội dung nghiên cứu đã giải quyết khá tốt các vấn đề nêu ra trong mục tiêu nghiên cứu - Tính khả thi của đề tài: Tốt - Tính ứng dụng: Có tính ứng dụng tại đơn vị, có thể áp dụng tại các đơn vị khác. | 72.5 | Khá |
| 28.19.005 | Khảo sát kiến thức, thực hành về việc tiêm phòng vắc xin uốn ván của đối tượng đến tiêm huyết thanh uốn ván tại phòng tiêm chủng dịch vụ Trung tâm y tế huyện Phú Vang năm 2019 | TTYT huyện Phú Vang | Hồ Hữu Hoàng Đặng Văn Tuấn Đỗ Công Tráng Nguyễn Thị Kiều Mi Bùi Nhơn Phan Nguyễn Văn Triều Võ Trọng Hùng Lê Thị Hoa Nguyễn Thị Tú Nguyễn Thị Thanh Tâm Võ Thị Thanh Thủy | 2019 | | 73.5 | Khá |
| 28.19.006 | Khảo sát tình hình vi khuẩn gây bệnh và sự đề kháng kháng sinh của các chủng vi khuẩn phân lập được trên bệnh nhân điều trị tại Trung tâm Y tế huyện Phú Vang | TTYT huyện Phú Vang | Hoàng Trọng Quý Đoàn Nguyễn Hoài Lê Phạm Hữu Tài Nguyễn Minh Hùng Nguyễn Thị Diệu Huệ Đặng Thị Kim Trúc Nguyễn Thị Nhân Nguyễn Thị Kim Sương Nguyễn Thị Phương Trương Thị Yến | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Đối với tuyến huyện nghiên cứu được là rất cần thiết, liên quan đến việc điều trị. - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu rõ ràng - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Đối tượng và đại diện mẫu phù hợp, labo đủ điều kiện, tính khoa học cao. - Nội dung nghiên cứu: Giải quyết được các mục tiêu nghiên cứu. - Đề tài khả thi - Tính ứng dụng cao - Thể thức trình bày: được | 79.5 | Khá |
| 28.19.007 | Nghiên cứu tình hình và thái độ xử trí thai từ 4000 gram trở lên ở những sản phụ đến đẻ tại Trung Tâm Y Tế Phú Vang năm 2019 | TTYT huyện Phú Vang | Nguyễn Văn Tín Bùi Dũng Phan Thị Thùy Phi Phan Thị Thùy Dương Nguyễn Thị Phương Loan Duong Thị Hoài Thương Hoàng Thị Thu Sương Lê Thị Hàng Diệu Lư Thị Hồng Liên Trần Thị Thu Hiền Lê Thị Hồng Phú | 2019 | | 70.5 | Khá |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|---|-------------------------|---|--------|---|---------|----------|
| 07.19.008 | Nghiên cứu các bệnh da do virus thường gặp ở trẻ em dưới 15 tuổi và các yếu tố liên quan tại bệnh viện Phong – Da liễu Thừa Thiên Huế năm 2019 | Bệnh viện Phong Da Liễu | Lê Thị Kiều Phương Nguyễn Thị Liên Hồng Nguyễn Nhật Nam Lê Đông Nguyễn Đình Minh Khánh Nguyễn Thị Quỳnh Hương Bùi Thị Quang Nhật Nguyễn Đắc Hanh Phạm Thị Ý Nhung Nguyễn Thanh Huy Võ Đại Học Nguyễn Thanh Sơn Trương Trọng Ngoãn Trần Thị Ngọc Hân | 2019 | <p>Đề tài có tính cấp thiết trong khảo sát các bệnh da do virus thường gặp ở trẻ em dưới 15 tuổi và các yếu tố liên quan tại Bệnh viện Phong – Da liễu Thừa Thiên Huế năm 2019, có khả năng ứng dụng địa bàn TT Huế. Kết quả của đề cương sẽ làm nền tảng cho các nghiên cứu chuyên sâu hơn về các bệnh lý về da ở trẻ em dưới 15 tuổi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề tài có tính mới - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu nghiên cứu rõ, phù hợp với nội dung nghiên cứu, phải bổ sung năm nghiên cứu vào trong mục tiêu. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Phương pháp nghiên cứu cần được chỉ ra rõ ràng hơn trong đề cương. Cần đưa ra cỡ mẫu cụ thể hoặc khoảng cỡ mẫu là bao nhiêu. Nhằm mục đích xác định được các biến số và tỉ lệ. - Nội dung nghiên cứu đạt các mục tiêu nghiên cứu. Chưa nêu rõ được nội dung nghiên cứu trong đề cương. Cần phân tích kỹ hơn các bước tiến hành thực hiện nghiên cứu. - Đề tài có tính khả thi. - Tính ứng dụng: Đề tài có tính ứng dụng cao - Tính đạo đức: Tốt - Thể thức trình bày: Tốt | 83.0 | Tốt |
| 07.19.009 | Nghiên cứu các yếu tố liên quan đến đau thần kinh sau zona của các bệnh nhân zona đến khám và điều trị tại bệnh viện Phong – Da liễu tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 | Bệnh viện Phong Da Liễu | Nguyễn Thị Khánh Ly Nguyễn Thị Quỳnh Hương Nguyễn Nhật Nam Trương Linh Nguyễn Đắc Hanh Bùi Thị Quang Nhật Phạm Thị Khánh Ly Mai Thị Ngọc Diệp Lê Thị Ngọc Túy Phạm Thị Xuân Thủy Lê Thị Thu Thủy Phan Nguyễn Diệp Hòa Nguyễn Thị Quỳnh Trang Trần Thị Xuân Hồ Văn Phước Nguyễn Thành Nhân Nguyễn Văn Thao | 2019 | <p>Đề tài cần thiết để nghiên cứu. Đề tài đặt vấn đề nghiên cứu các yếu tố liên quan đến đau thần kinh sau zona của các bệnh nhân zona đến khám và điều trị tại bệnh viện Phong – Da liễu tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019, là vấn đề khá cấp thiết trong mô hình bệnh tật hiện nay.</p> <p>Tính mới và sáng tạo: Chỉ trong phạm vi đơn vị và trong 1 năm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu nghiên cứu: Rõ ràng - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Trích dẫn các nội dung trong đề cương sơ sài. 14 tài liệu nhưng chỉ trích dẫn 2 tài liệu. - Nội dung nghiên cứu: Đủ mục tiêu nghiên cứu - Đề tài có thể thực hiện được. - Tính ứng dụng: Ứng dụng tốt trong điều trị. - Tính mới và sáng tạo: Tốt - Thể thức trình bày: Tốt | 75.0 | Khá |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|---|-------------------------|--|--------|--|---------|----------|
| 08.19.010 | Nghiên cứu kết quả điều trị phục hình cố định răng bằng sứ Cercon | Bệnh viện Răng Hàm Mặt | Nguyễn Hoàng Dạ Hợp Trần Văn Dũng Đặng Vui Võ Đăng Tuấn Võ Phương Khanh Phan Thị Quý Liên Vũ Thị Ngọc Mỹ Phạm Thị Ngọc Mai Nguyễn Thị Quỳnh Tâm Hoa Đặng Thị Kim Nhung Lê Bá Quang Nguyễn Đăng Dũng Nguyễn Thị Kim Oanh Phan Thị Khánh Ngọc Trần Thị Hào Trương Quốc Hùng Đoàn Nguyễn Quỳnh Anh Nguyễn Thị Kim Nhân Hồ Thị Ngọc Nga | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài chưa cao Tính mới và sáng tạo không cao. Mức độ ảnh hưởng của đề tài nghiên cứu chưa rộng và đề tài không phải là hoàn toàn mới - Mục tiêu nghiên cứu: Có 2 mục tiêu nghiên cứu rõ ràng tuy nhiên phần đặt vấn đề (lý do) để đưa đến nghiên cứu đề tài và 2 mục tiêu nghiên cứu nên thống nhất ở phần thuyết minh cũng như trong đề cương - Tính khả thi của đề tài: Đề tài có tính khả thi, có thể thực hiện được - Tính ứng dụng: Mức độ lan tỏa áp dụng trong toàn ngành khó thực hiện - Thể thức trình bày: Chưa theo quy định về mẫu đề cương của ngành (nên đóng thành 1 tập chứ không nên in đính kèm theo) - Lỗi chính tả như tetracyclin trang4, các từ viết tắt như IRM, ESPE trang 16 , CAM trang 7 không chú thích ở trang viết tắt và trong trang viết tắt dùng từ khó hiểu như Tetra : Nhiễm Tetracyclin hoặc SPSS viết tắt của từ gì tiếng Anh? - Tính khả thi của đề tài: Đề tài xác định cỡ mẫu # 20, nhưng không có số liệu phục hình cố định bằng sứ Cercon tại BVRHM các năm trước, vậy liệu năm 2019 có đủ mẫu để nghiên cứu? - Tính ứng dụng: Cỡ mẫu nhỏ, thời gian nghiên cứu chỉ 1 năm, nên mức độ lan tỏa ứng dụng chưa cao. - Thể thức trình bày: Tên đề tài nên bổ sung thêm "... tại Bệnh viện Răng Hàm Mặt Huế, năm 2019" (đề phù hợp với nội dung và thời gian nghiên cứu) | 75.0 | Khá |
| 08.19.011 | Nhận xét lâm sàng, X quang và đánh giá hiệu quả đặt meches iodoform dẫn lưu sau phẫu thuật nhổ răng khôn hàm dưới lệch ngầm | Bệnh viện Răng Hàm Mặt | Đặng Vui Trần Văn Dũng Trương Quốc Hùng Dương Đăng Bình An Vũ Hùng Dũng Đoàn Nguyễn Quỳnh Anh Hồ Thị Trà My Nguyễn Đăng Dũng Trần Thị Hào Đoàn Thị Lan Hương Nguyễn Thị Kim Nhân Đặng Thị Kim Nhung Trần Thị Kim Phượng Nguyễn Văn An Nhon Nguyễn Hoàng Dạ Hợp Trương Thị Thu Trang | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài chưa cao - Mục tiêu nghiên cứu: tốt, rõ. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: PPNC: Mô tả, tiền cứu, có can thiệp lâm sàng, không có nhóm chứng. - Nội dung nghiên cứu: đầy đủ - Tính khả thi của đề tài: Đề tài có tính khả thi, có thể thực hiện được. - Tính ứng dụng: Mức độ lan tỏa trong toàn ngành khó thực hiện được - Thể thức trình bày: Chưa theo quy định của mẫu đề cương mặc dù có in đính kèm (nên đóng vào thành 1 cuốn theo quy định) Lỗi chính tả như tetrycline trang 4, 38,50c ở trang 7, lệch trang 11 Đề tài dẫn chứng theo nhiều tác giả ở các phần như các phương pháp phẫu thuật, tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước như tác giả Parant, Đỗ Đức Vĩ, Hattab F.H, QueKS.L, Lê Ngọc Thanh...nhưng các tác giả này không có trong phần tài liệu tham khảo. | 75.5 | Khá |
| 05.19.012 | Khảo sát kiến thức, thái độ và thực hành về bệnh lao của bệnh nhân lao phổi AFB (+) được điều trị tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh Thừa Thiên Huế. | Bệnh viện Lao bệnh Phổi | Nguyễn Văn Vương Võ Đại Tự Nhiên Phạm Hữu Hiền Ngô Hữu Luận Lê Thị Ly Ly Hồ Vĩnh Điền Hoàng Thị Kim Yến Hoàng Thị Thu Nhung Lê Phạm Tố Trâm Hồ Thị Thu Hạnh Nguyễn Phú | 2019 | Tính mới và sáng tạo: Không mới, tính sáng tạo thấp - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Đối tượng, cỡ mẫu toàn thể nhưng cần có dự kiến theo số liệu hằng năm có được để xác định thời gian nghiên cứu. - Nội dung nghiên cứu: - Cần bổ sung bảng các biến số... nghiên cứu về thái độ, thực hành. - Tính ứng dụng: tính ứng dụng không lớn - Thể thức trình bày: Chưa đầy đủ bổ sung phần dự kiến kết quả. | 71.0 | Khá |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|--|-------------------------|--|--------|--|---------|------------|
| 05.19.013 | Khảo sát kiến thức và thái độ của nhân viên y tế tuân thủ các biện pháp kiểm soát nhiễm khuẩn lao tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tỉnh Thừa Thiên Huế, năm 2019 | Bệnh viện Lao bệnh Phổi | Phan Thị Thanh Thùy Huỳnh Bá Hiếu Lê Tấn Dũng Nguyễn Đức Tâm Hoàng Thị Thu Hà Thị Xuân Hoàng Quốc Khanh Nguyễn Thị Thanh Thủy Phạm Thị Như Hoàng Nguyễn Thị Hằng Nguyễn Thị Ngọc Trinh | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Đề tài nên mở rộng nghiên cứu về cả kiến thức, thái độ và thực hành... vì phần thực hành ở đây rất quan trọng. Vì vậy mục tiêu nghiên cứu cũng như thiết kế bảng các biến số nghiên cứu cần đầy đủ để đảm bảo được mục tiêu nghiên cứu (chú ý đặt nặng phần thực hành các biện pháp kiểm soát nhiễm khuẩn lao trong bệnh viện và cộng đồng). - Tính mới và sáng tạo: Không mới, tính sáng tạo chưa cao. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: cỡ mẫu quá nhỏ. Độ tin cậy thấp - Thể thức trình bày: Tài liệu tham khảo quá ít. | 69.5 | Trung bình |
| 05.19.014 | Nghiên cứu tình hình tác dụng phụ của thuốc kháng lao hàng 1 trên bệnh nhân điều trị lao tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Thừa Thiên Huế năm 2019 | Bệnh viện Lao bệnh Phổi | Phan Thiện Nhật Võ Đại Tự Nhiên Huỳnh Bá Hiếu Phan Thiện Nhật Phạm Hữu Hiền Hà Văn Tuấn Phùng Hữu Phan Nguyễn Thị Cẩm Tiên Nguyễn Văn Bi Hoàng Thị Huyền Trang Nguyễn Thị Mỹ Nga Lê Kim Quỳnh Nguyễn Thị Thúy Dung Hoàng Thị Thu Nhung Huỳnh Ngọc Ân | 2019 | Đề tài có tính cấp thiết, có tính khả thi | 72.0 | Khá |
| 05.19.015 | Phát hiện và chẩn đoán sớm bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính ở bệnh nhân điều trị tại Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Thừa Thiên Huế năm 2019 | Bệnh viện Lao bệnh Phổi | Nguyễn Đức Tâm Huỳnh Bá Hiếu Phạm Hữu Hiền Ngô Hữu Luận Lê Tấn Dũng Nguyễn Thanh Khoa Phan Thiện Nhật Phạm Thị Mỹ Hương Hoàng Thị Thu Hà Thị Xuân Nguyễn Thị Hằng Hoàng Quốc Khanh Phan Thị Thanh Thủy Nguyễn Phú | 2019 | Đề cương có tính cấp thiết đối với việc nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Có tính phù hợp với sự phát triển của ngành Y tế. Tên đề tài nên đổi là: Nghiên cứu tình hình phát hiện và chẩn đoán sớm BPTNMT tại Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Thừa Thiên Huế năm 2019. - Tính mới và sáng tạo: Đề cương không mới tuy nhiên kết quả nghiên cứu nếu hoàn thành tốt sẽ là nền tảng cho các nghiên cứu trong tương lai. - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu không sát với đặt vấn đề của đề cương: Tên đề cương và lý do chọn đề cương đề cập tới đưa ra một quy trình chuẩn về chẩn đoán BPTNMT. Nhưng mục tiêu chỉ xác định tỉ lệ và đánh giá hiệu quả của thăm dò chức năng. (Nếu đi theo tên đề tài thì cần đưa ra quy trình hoặc giải pháp giảm thiểu BPTNMT.....). 2 mục tiêu nghiên cứu nên là: Mục tiêu 1: Nghiên cứu tình hình BPTNMT tại Bệnh viện Lao và bệnh Phổi Thừa Thiên Huế năm 2019 Mục tiêu 2: Đánh giá hiệu quả của thăm dò chức năng hô hấp trong chẩn đoán phát hiện sớm BPTNMT. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Tùy theo tình hình bệnh nhân của bệnh viện, chủ đề tài nên đưa ra khoảng độ tuổi nhất định để nghiên cứu tránh tình trạng nhiễu các biến số sau này khi nghiên cứu. Nên khái quát tiêu chuẩn GOLD là gì? Các mức độ GOLD 1,,GOLD 4 cụ thể là như thế nào?; - Nội dung nghiên cứu: Nội dung nghiên cứu chưa bám sát vào mục tiêu nghiên cứu; - Đề tài có tính khả thi; - Tính ứng dụng: Có tính thực tiễn; - Thể thức trình bày: tương đối. | 71.0 | Khá |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|--|-------------------------|---|--------|---|---------|----------|
| 05.19.016 | Khảo sát sự tuân thủ điều trị của bệnh nhân lao tại Khoa Lâm sàng Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Thừa Thiên Huế năm 2019 | Bệnh viện Lao bệnh Phổi | Phạm Thị Mỹ Hương Huỳnh Bá Hiếu Hà Văn Tuấn Phùng Hữu Phan Hoàng Thị Kim Yến Hà Thị Xuân Nguyễn Thị Thơm Hoàng Thị Thu Nguyễn Thị Mỹ Nga Ngô Thị Thắm Hoàng Thị Thu Nhung Nguyễn Thị Mỹ Duyên Võ Thị Châu Thanh Nguyễn Đức Tâm | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Đề cương nghiên cứu có ý nghĩa thực tiễn. Tuy nhiên phân lý do chọn đề tài cần phân tích sâu hơn về thực trạng của việc điều trị bệnh Lao trong ngành Y tế. Đề tài này nghiên cứu rất cần thiết để áp dụng cho BV. Tính mới và sáng tạo: Kết quả của đề tài mang ý nghĩa thống kê đối ngành Y tế. - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu rõ ràng, bám sát với tên đề cương đưa ra. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Tương đối tốt. Tuy nhiên, đối với đề cương mang tính chất khảo sát, nhóm nghiên cứu nên xây dựng cụ thể các bảng hỏi mang tính định lượng. Trong đề cương có đề cập tuy nhiên chưa cụ thể. Đề tài có sử dụng bảng hỏi và thu thập thông tin bằng cách phỏng vấn thì phương pháp nghiên cứu cần bổ sung nghiên cứu định tính và định lượng. - Nội dung nghiên cứu: Nội dung nghiên cứu cần đi sâu vào 2 mục tiêu đề ra. - Đề tài có tính khả thi. - Thể thức trình bày: Tương đối | 77.0 | Khá |
| 26.19.017 | Đánh giá hiệu quả điều trị Liệt dây thần kinh VII ngoại biên do lạnh bằng phương pháp điện châm kết hợp bài thuốc Đại tân giao thang gia giảm tại Trung tâm y tế Phong Điền năm 2019 | TTYT huyện Phong Điền | Hoàng Trung Chính Nguyễn Thị Thu Hoàng Công Truyền Hoàng Đăng Đức Đặng Quốc Trường Nguyễn Khắc Bình Dương Đức Vũ Phan Quang Mỹ Nguyễn Thị Ngọc Hằng Lê Thị Phương Nguyễn Thị Minh Huyền Lê Thị Khánh Như Trương Duy Hưng Đông Hữu Phước Tuấn | 2019 | Đề cương không mới đối với chuyên ngành Y học cổ truyền. Tuy nhiên, nếu tác giả đi vào nghiên cứu sâu và chi tiết sẽ là nền tảng cho những nghiên cứu sau này. - Tính cấp thiết của đề tài: Đề cương nghiên cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII có ý nghĩa đối với ngành Y tế nói chung và Y học cổ truyền nói riêng. Cần đưa thêm thực trạng của các Bệnh viện Y học cổ truyền khác để có thêm tính thuyết phục trong phần đặt vấn đề. - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu súc tích, rõ ràng và cụ thể. Sát với tên đề cương đưa ra. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu khá rõ ràng. Tuy nhiên, chưa đưa công thức tính cỡ mẫu, nếu nghiên cứu toàn thể phải nói khoảng cỡ mẫu nhất định. Trong nội dung nghiên cứu xác định được các biến số cần thiết cho việc nghiên cứu. - Nội dung nghiên cứu: Nội dung nghiên cứu bám khá sát với mục tiêu đề ra, tuy nhiên cần đưa ra được nhiều nội dung chi tiết hơn. Cần ghi rõ: từ 3-5 ngày đầu: xoa bóp, chườm điện châm - Tính ứng dụng: Có tính ứng dụng cấp ngành - Thể thức trình bày: Tương đối | 82.5 | Tốt |
| 26.19.018 | Đánh giá kết quả điều trị bảo tồn nắn bó bột gãy đầu dưới xương quay tại khoa ngoại tổng hợp Trung tâm y tế Phong điền năm 2019 | TTYT huyện Phong Điền | Hoàng Duy Thành Nguyễn Văn Phước Hoàng Hồng Sơn Trần Thanh Bình Lê Viết Tùng Hoàng Thị Hương Nguyễn Thị Minh Hào Võ Thị Tươi Nguyễn Thị Hoài Ngân Nguyễn Thị Thùy Nguyễn Thị Minh Tiến Hoàng Thị Khánh Nhi Trần Thị Thu Hà Hồ Thị Hai Nguyễn Thị Hồng Vân | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Chưa nổi bật tính cấp thiết để nghiên cứu đề tài - Tính mới và sáng tạo: Có tính mới tại đơn vị - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Đề nghị chỉnh lại PPNC: Mô tả, theo dõi dọc, có can thiệp lâm sàng, không đối chứng. Chưa có cỡ mẫu. Bổ sung phương pháp tính toán. Hoặc nếu cỡ mẫu toàn thể phải ước tính bao nhiêu | 76.0 | Khá |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|--|-----------------------|---|--------|--|---------|----------|
| 26.19.019 | Thực trạng và kiến thức, thực hành phân loại, thu gom, xử lý rác thải của nhân viên y tế ở các khoa tại Trung Tâm Y tế Phong Điền và 16 trạm y tế/Thị trấn Huyện Phong Điền năm 2019 | TTYT huyện Phong Điền | Nguyễn Thị Thu Hoàng Trung Chính Hoàng Công Truyện Nguyễn Thị Nhật Phương Đông Hữu Hoàng Long Trần Thị Thu Phi Nguyễn Dương Vương Đỗ Quang Hoàn Hoàng Thị Tố Linh Nguyễn Thị Tùng Ngô Thị Kim Chi Nguyễn Hoàng Lam Nguyễn Thị Thu Thủy Nguyễn Thị Kim Cương Nguyễn Thị Minh Hương Đoàn Bảo | 2019 | <p>Tính cấp thiết của đề tài: Phần đặt vấn đề cần tập trung vào những bệnh liên quan đến nước và vệ sinh môi trường để thấy được tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu (đưa ra các con số cụ thể về bệnh).</p> <p>Phần đặt vấn đề cần tập trung vào những hậu quả của rác thải lên vấn đề sức khỏe để thấy được tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu. Cần ngắn gọn, súc tích (tối đa 2 trang).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính mới và sáng tạo: Đề tài chỉ ảnh hưởng đến công tác kiểm soát nhiễm khuẩn tại đơn vị. Trùng lặp các nghiên cứu trước đây của CDC tỉnh TT Huế - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu rõ ràng cụ thể tuy nhiên từ "nhận thức" cần thay thành "kiến thức, thực hành" theo đề tài nghiên cứu - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Tổng quan đầy đủ các nội dung nghiên cứu. <p>Phương pháp nghiên cứu chưa khoa học. Các biến số cần trình bày đầy đủ và có đưa ra tiêu chuẩn đánh giá. Chưa đề cập đến phân phân tích số liệu.</p> <p>Phần phương pháp thu thập số liệu cần chi tiết hơn. Cần xây dựng bảng kiểm quan sát thực tế để mỗi điều tra viên thống nhất cách thức đánh giá.</p> <p>Cần bổ sung hạn chế nghiên cứu: nghiên cứu là nhận xét trực quan của điều tra viên quan sát được.</p> <p>Tác giả cần viết lại các tài liệu tham khảo theo quy định từ TLTK số 4-16</p> <p>Thiếu bộ câu hỏi thu thập cho mục tiêu 1 là mô tả các hoạt động thu gom tại TTYT và tại 16 TYT cần bổ sung.</p> <p>Đề đảm bảo tính khoa học viết lại một số nghiên cứu trong tổng quan tài liệu, chứ không phải tình hình rác thải nói chung.</p> <p>Cần quan tâm các kết quả để tìm mối liên quan.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu nghiên cứu: Tên đề tài và mục tiêu 1 cần bổ sung thêm "Rác thải" y tế". Mục tiêu 2 phải sửa là đánh giá kiến thức và thực hành - Nội dung nghiên cứu: Nội dung nghiên cứu phù hợp với mục tiêu nghiên cứu - Đề tài khả thi - Tính ứng dụng: cấp đơn vị - Thể thức trình bày: Đề cương trình bày rõ ràng, thiếu một số đề mục theo quy định. Cần chỉnh sửa lỗi chính tả ở toàn bộ đề cương. Phần viết tắt cần sắp xếp theo thứ tự a-z. Xem lại hình thức và nguyên tắc trích dẫn tài liệu | 74.0 | Khá |
| 26.19.020 | Khảo sát kiến thức và sự tham gia các hoạt động phòng chống dịch của nhân viên y tế thôn bản huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 | TTYT huyện Phong Điền | Cao Thuyết Nguyễn Đức Lợi Lê Thị Thủy Nguyễn Văn Khoa Trần Hữu Hoài Nguyễn Dương Vương Trần Thị Thúy Hằng Nguyễn Quang Minh Hoàng Đán Nguyễn Đại Anh Nguyễn Thị Thảo Nguyễn Thị Quý Nguyễn Thị Thu Thủy Trần Thị Thu Phi Hoàng Thị Minh Trang | 2019 | <p>Đề tài có tính cấp thiết</p> <p>Tính mới và sáng tạo: đã có nhiều nghiên cứu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu nghiên cứu: mục tiêu rõ ràng - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Phòng vấn đối tượng cần bổ sung phỏng vấn người dân, cán bộ địa phương thu thập số liệu báo cáo của trạm y tế để có thông tin có tính thực tế cao hơn. <p>Cần bổ sung bộ công cụ phỏng vấn người dân, cán bộ địa phương, học sinh, báo cáo của y tế thôn tại trạm y tế. Các tiêu chí đánh giá cần xác định được ý nghĩa của nghiên cứu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung nghiên cứu: Nội dung bộ phỏng vấn chưa hợp lý. <p>Chưa hợp lý khi đưa vào các nội dung của hoạt động phòng chống dịch, cần đi sâu các nội dung hơn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề tài có tính khả thi - Tính ứng dụng tại đơn vị. | 79.5 | Khá |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|---|-----------------------|--|--------|--|---------|------------|
| 26.19.021 | Khảo sát Kiến thức, thực hành phòng biến chứng tăng huyết áp và một số yếu tố liên quan của bệnh nhân đang điều trị tại các Trạm Y tế huyện Phong Điền, Thừa Thiên Huế năm 2019 | TTYT huyện Phong Điền | Nguyễn Thị Yến NGUYỄN NGỌC TRUNG TRẦN THỊ THU HẰNG LÊ THỊ THU NGUYỄN THỊ SIM LÊ THỊ QUỶ TRẦN THỊ HUYỀN NHUNG ĐỖ QUANG TUẤN TRẦN ĐỨC CỨ NGUYỄN THỊ THÂN TRẦN THỊ PHƯƠNG NGUYỄN THỊ NĂM TRƯƠNG DUY HÙNG | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Đề cương đưa ra nhiều dẫn chứng trong nước và ngoài nước khá chi tiết. Tuy nhiên, không có minh chứng từ tài liệu tham khảo. Cần bổ sung tài liệu tham khảo rõ ràng hơn. - Tính mới và sáng tạo: nghiên cứu thực hiện tốt sẽ là cơ sở tốt để đưa ra các phương pháp cũng như - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu số 1 cần xem lại: "Mô tả" Kiến thức. tác giả nên dùng thuật ngữ khác thay thế. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Đối tượng và phương pháp chọn mẫu rõ ràng. Công thức tính cỡ mẫu, nên chọn $d=0,05$ thay cho $d=0,07$ sẽ phù hợp hơn. Xác định địa điểm nghiên cứu là tại Trạm y tế hay phòng khám Trung tâm Y tế. Theo đó nên chọn địa điểm nghiên cứu tại cộng đồng thông qua danh sách bệnh nhân đã quản lý từ các Trạm Y tế để phỏng vấn theo bộ câu hỏi đã soạn sẵn. Số xã chọn nghiên cứu nên 5 hay 7 ngẫu nhiên ở cả 3 vùng của huyện. Đối tượng chọn ngẫu nhiên trên danh sách (nếu được) có sẵn của trạm y tế. - Nội dung nghiên cứu: Nội dung nghiên cứu chưa thực sự bám sát với mục tiêu nghiên cứu. - Đề tài có tính khả thi - Tính ứng dụng: có tính ứng dụng cấp ngành - Thể thức trình bày: thiếu mục tài liệu tham khảo. | 73.0 | Khá |
| 32.19.022 | Nghiên cứu kiến thức, thái độ và thực hành về phòng, chống HIV của người dân từ 15-49 tuổi tại thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019. | TTYT TX Hương Trà | Nguyễn Quốc Phòng Lê Đình Thao Dương Vĩnh Hồng Lê Đức Thịnh Trần Hữu Quang Trần Thị Ngân Đặng Văn Chót Hồ Xuân Vĩnh Bạch Thị Kim Cúc Phạm Văn Khâm Dương Thị Thanh Thảo Lê Đình Tuấn Hà Hoàng Kiều Nhi Trần Thị Hạnh 1 Hoàng Thị Lệ Uyên | 2019 | Đề tài có tính cấp thiết - Tính mới và sáng tạo: Đã có nhiều đề tài nghiên cứu - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu 1 nên điều chỉnh: Khảo sát kiến thức, thái độ, thực hành tại Thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 - Thể thức trình bày đạt. Chữ viết tắt phải đưa ra trước mục lục. | 85.5 | Tốt |
| 32.19.023 | Nghiên cứu tình hình thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại Trung tâm Y tế Thị xã Hương Trà, Tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2016 – 2018. | TTYT TX Hương Trà | Lê Thị Thùy Nhung Lê Đình Thao Nguyễn Thị Linh Đa Trần Thị Chơi Hoàng Thị Thanh Hồ Thị Ngọc Nhung Trần Giang Đông Hà Hoàng Kiều Nhi Ngô Thanh Tài Hoàng Thị Ngọc Trâm Trần Thanh Thiên | 2019 | Mục tiêu nghiên cứu: Không có mục tiêu cụ thể rõ ràng. Mục tiêu đang nêu chung chung. Cần phải nêu rõ những yếu tố nào tác động đến cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập. - Nội dung nghiên cứu: Chưa đầy đủ để giải quyết mục tiêu nghiên cứu. Vì các yếu tố tác động đến cơ chế tài chính cả các đơn vị sự nghiệp y tế công lập không thể thiếu trang thiết bị y tế và cơ sở vật chất. | 66.5 | Trung bình |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|---|-------------------|---|--------|--|---------|------------|
| 32.19.024 | Nghiên cứu hiệu quả gây tê tùy sống bằng bupivacaine kết hợp với fentanyl liều thấp để phẫu thuật trĩ tại bệnh viện Hương Trà | TTYT TX Hương Trà | Lê Thị Ánh Tuyết Nguyễn Văn Vinh Nguyễn Văn Mạnh Huỳnh Thị Thanh Hải Nguyễn Thị Hoa Lê Đặng Thị Thúy Oanh Trần Thị Hoài An Phan Thị Thu Hà Nguyễn Thị Mong Trần Thị Thúy Tống Thị Hoài Nhung Nguyễn Thị Như Ngọc Nguyễn Thị Xuân Lan Nguyễn Thị Như Thành Trịnh Thị Thu Hường | 2019 | Đề tài có tính cấp thiết. Tinh mới và sáng tạo chưa cao. - Mục tiêu nghiên cứu: Nên đưa đề tài có 2 mục tiêu : MT1: Nghiên cứu tác dụng của gây tê tùy sống bằng Bupivacaine 0,5% MT2: Kết quả của gây tê tùy sống bằng Bupivacaine 0,5% liều thấp 5mg trong mổ trĩ tại Khoa phẫu thuật gây mê hồi sức Bệnh viện Hương Trà. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Bổ sung cơ mẫu, cán bộ gây tê. - Đề tài có tính khả thi, có thể thực hiện được. - Tính ứng dụng: Mức độ lan tỏa trong toàn ngành khó thực hiện. - Thể thức trình bày khá tốt. Một số lỗi chính tả như tếp, dấu cách khoảng giữa các từ cần sửa đổi ở trang 16. Bổ sung trong danh mục viết tắt ASA I, ASA II ở trang 13. | 82.5 | Tốt |
| 32.19.025 | “Khảo sát kiến thức, thái độ thực hành về chăm sóc sau sinh thường của các bà mẹ tại khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản Trung tâm Y tế thị xã Hương Trà năm 2019” | TTYT TX Hương Trà | Phan Thị Minh Thùy Lê Quang Hiệp Duong Vĩnh Hồng Huỳnh Thị Thanh Hải Trần Thị Hoài An Lê Thị Thu Nguyệt Lê Thị Thường Trang Nguyễn Thị Kim Chi Hoàng Thị Bích Huyền Trịnh Thị Thu Hường Nguyễn Thị Nhân Hà Hoàng Kiều Nhi Đoàn Thị Thu Nga Trần Thanh Vũ Hoàng Tăng Phái | 2019 | Đề tài này đã được thực hiện nhiều trong các năm qua. Hiện nay vấn đề cần quan tâm là Trầm cảm sau sinh và các can thiệp giảm tác hại đến trầm cảm sau sinh. | 63.5 | Trung bình |
| 32.19.026 | Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và một số nguyên nhân gây đau bụng cấp ở trẻ em dưới 16 tuổi đến khám và điều trị tại bệnh viện đa khoa thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 | TTYT TX Hương Trà | Thái Văn Tuấn Lê Đình Thao Lê Quang Hiệp Trần Lưu Quế Duong Vĩnh Hồng Trần Duy Kiến Đỗ Tài Lê Thị Mai Hương Đình Thị Vân Lê Thị Lành Lê Viết Ngân Lê Thị Loan Phan Thị Hiền Nhi Nguyễn Thị Hồng Nhi Ngô Thanh Tài | 2019 | Đề tài có tính cấp thiết Tinh mới và sáng tạo: Đề tài mới tại đơn vị - Mục tiêu nghiên cứu: rõ ràng. Cần thống nhất tên và mục tiêu. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Cần có cơ mẫu cụ thể. - Nội dung nghiên cứu: Chưa trình bày nội dung mục tiêu 2. | 77.0 | Khá |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|--|--------------------|--|--------|---|---------|----------|
| 32.19.027 | Nghiên cứu tỷ lệ nhiễm Helicobacter Pylori ở bệnh nhân viêm, loét dạ dày - tá tràng đến khám và điều trị tại Bệnh viện đa khoa của TTYT thị xã Hương Trà qua nội soi năm 2019. | TTYT TX Hương Trà | Dương Vĩnh Hồng Lê Thị Ánh Tuyết Thái Văn Tuấn Trần Lưu Quế Trần Duy Kiên Nguyễn Văn Phương Nguyễn Văn Vinh Bùi Quang Dũng Trần Hữu Quang Bạch Thị Kim Cúc Đặng Văn Chót Nguyễn Thị Thu Sương Võ Minh Kỳ Đoàn Thị Thu Nga Trần Thị Hoài An Dương Vĩnh Khánh Trà Thành Nhân Trần Thanh Vũ Nguyễn Quốc Phòng Nguyễn Xuân Việt | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: lý do chọn đề tài rõ ràng, các thông tin đưa vào khá chi tiết và thực tế. Đề tài có tính cấp thiết phù hợp với bệnh nhân đến khám và điều trị tại TTYT huyện. Tính mới và sáng tạo: Đề tài đã có nhiều tác giả nghiên cứu. Nghiên cứu có ý nghĩa thống kê cho ngành y tế - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu 1 khá rõ ràng. Mục tiêu 2 cần xem lại? - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: đối tượng, cỡ mẫu khá rõ ràng. Các biến số nghiên cứu nên đưa vào bảng biểu. - Nội dung nghiên cứu: Đề tài chưa chi tiết nội dung nghiên cứu. - Tính khả thi của đề tài: có tính khả thi - Tính ứng dụng: có tính ứng dụng cấp ngành - Thể thức trình bày: đề cương chưa theo form chuẩn quy định. | 76.0 | Khá |
| 32.19.028 | Nghiên cứu tỷ số giới tính khi sinh tại thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2018. | TTYT TX Hương Trà | Ngô Văn Vinh Dương Vĩnh Hồng Dương Thị Nữ Phan Nhật Tân Trần Thị Kiều Trâm Hà Thị Thu Ngân Hà Thị Bích Toàn Đặng Thị Mỹ Nhi Trương Thị Kiều My Lê Thị Hằng | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Mất cân bằng giới tính khi sinh là vấn đề quan trọng trong chiến lược phát triển của đất nước, đề tài này đã được nghiên cứu nhiều trong 4 năm gần đây. Tính mới và sáng tạo: Đề tài mới tại đơn vị - Mục tiêu nghiên cứu: Rõ ràng, cụ thể và phù hợp tính cấp thiết. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu đạt - Nội dung nghiên cứu: Còn thiếu các nội dung giải quyết mục tiêu 1. - Đề tài có tính khả thi. - Tính ứng dụng: Đề tài có tính ứng dụng tại đơn vị. | 72.5 | Khá |
| 09.19.029 | Nghiên cứu tình hình rối loạn lo âu lan tỏa và các yếu tố liên quan ở người chăm sóc chính bệnh nhân Tâm thần phân liệt điều trị nội trú tại Bệnh viện Tâm thần Huế năm 2019 | Bệnh viện Tâm Thần | Nguyễn Ngọc Thuột Trần Thị Trà My Bùi Minh Bảo Nguyễn Đoàn Thanh Mai Lê Đình Hùng Nguyễn Hữu Tuấn Châu Văn Hậu Nguyễn Thị Mai Hiền Nguyễn Thị Định Nguyễn Thái Phú Lê Đình Thông Hà Thúc Nhật Hoàng Trọng Nghĩa Nguyễn Thị Tuyết Huệ Nguyễn Khoa Thanh Sơn Hồ Thị Mộng Hằng Cầm Thị Tuyết Nhung | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Đề cương chưa nêu rõ được lý do chọn đề tài. Các dẫn chứng đưa ra không được đính kèm tài liệu tham khảo. Tác giả nên thống nhất NCS (người chăm sóc) và người chăm sóc chính. - Tính mới và sáng tạo: Kết quả của nghiên cứu có ý nghĩa thống kê với đơn vị và ngành y tế. - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu khá rõ ràng và cụ thể, bám sát vào tên đề cương. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Đối tượng và cỡ mẫu rõ ràng. - Phương pháp nghiên cứu chưa rõ ràng. - Nội dung nghiên cứu: Nội dung nghiên cứu chưa bám sát vào mục tiêu nghiên cứu. - Đề tài có tính khả thi. - Tính ứng dụng: có tính ứng dụng cấp ngành. - Thể thức trình bày: Sắp xếp các mục chưa đúng với form yêu cầu của 1 NCKH cấp ngành của SYT đưa ra. | 79.0 | Khá |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|---|-----------------------|---|-------------|--|---------|----------|
| 09.19.030 | Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và yếu tố liên quan của trầm cảm sau sinh ở bệnh nhân điều trị tại Bệnh viện Tâm thần Huế | Bệnh viện Tâm Thần | Bùi Minh Bảo Nguyễn Ngọc Thướt Trần Thị Trà My Lê Đình Hùng Nguyễn Hữu Tuấn Nguyễn Huỳnh Nhật Quang Lê Đình Thông Nguyễn Thái Phú Nguyễn Thị Định Nguyễn Đoàn Thanh Mai Nguyễn Thị Mai Hiền Hà Thúc Nhật Nguyễn Khoa Thanh Sơn Nguyễn Thị Hà Giang Trương Thị Diệu Tiên Nguyễn Thị Hương Tuyền Huỳnh Trần Hương Dương Châu Văn Hậu | 2019 - 2020 | Tính cấp thiết của đề tài: Trầm cảm sau sinh là bệnh cảnh khá phổ biến hiện nay, đặc biệt ở các nước phát triển, chưa có nhiều công trình nghiên cứu về lĩnh vực này, đặc biệt là đề xuất phương pháp dự phòng và can thiệp - Mục tiêu nghiên cứu: Không thấy tác giả nêu trong đề cương, chỉ thấy nêu phần kết quả dự kiến. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Tác giả chưa nêu cụ thể phương pháp, các bước tiến hành nghiên cứu. | 80.0 | Tốt |
| 29.19.031 | Nghiên cứu thực trạng cung ứng thuốc tại các Trạm Y tế xã/thị trấn thuộc Trung Tâm Y tế Quảng Điền - tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 | TTYT huyện Quảng Điền | Lê Hòa Nguyễn Phương Tuấn Nguyễn Văn Phúc Nguyễn Hoài Nhân Nguyễn Thị Hợp Phạm Công Quang Nguyễn Thị Hậu Nguyễn Thị Cúc Phan Dũng Trần Công Hữu Đặng Công Hưng Hồ Quang Huy Võ Truyền Lê Nguyễn Tuyền Lê Tiến Cao Thị Mai Nguyễn Lanh Hồ Việt Hy Lê Quang Phan Thị Yến Phạm Văn Đề Nguyễn Thị Thiện | 2019 | Tên đề tài không phù hợp với nội dung nghiên cứu. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: chưa phù hợp. - Nội dung nghiên cứu: không giải quyết được các mục tiêu nghiên cứu. | 70.0 | Khá |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|--|-----------------------|---|--------|---|---------|----------|
| 29.19.032 | Khảo sát tình hình bệnh tật ở người cao tuổi điều trị nội trú tại Trung tâm Y tế Quảng Điền năm 2019 | TTYT huyện Quảng Điền | Nguyễn Thị Hợp Nguyễn Phương Tuấn Nguyễn Văn Phúc Nguyễn Hoài Nhân Lê Hòa Phan Thị Yến Lê Quang Trần Thị Cẩm Vân Hoàng Thị Thu Sương Nguyễn Thành Doanh Nguyễn Văn Phú Trần Thị Kim Oanh Đặng Thành Nhân Hồ Ngọc Sơn Hà Hà Thị Mộng Thùy Nguyễn Thị Nga Nguyễn Hoàng Trương Đình Khoa Quách Thị Kim Châu Hồ Quang Huy Lê Khắc Minh Lý Nguyễn Thị Hậu Phan Lê Thùy Trang Phan Thị Luyến | 2019 | Tính mới và sáng tạo: Trong phạm vi đơn vị và trong 1 năm. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Cần tính cỡ mẫu. Không nên nghiên cứu toàn bộ bệnh viện là người cao tuổi vì chi phí rất lớn. Cần nghiên cứu thêm các yếu tố nguy cơ. - Nội dung nghiên cứu: Phiếu thu thập thông tin cần bổ sung thêm ở mục chẩn đoán lúc ra viện: Bệnh kèm 3 (nếu có), để đáp ứng và phù hợp với nội dung nghiên cứu đề cương đã đề ra. - Tính ứng dụng: Trong phạm vi đơn vị. | 75.5 | Khá |
| 29.19.033 | Đánh giá hiệu quả của điện châm kết hợp bài thuốc Tam tỷ thang trong điều trị thoái hóa khớp gối tại trung tâm y tế huyện Quảng Điền | TTYT huyện Quảng Điền | Nguyễn Thị Xuân Thương Nguyễn Phương Tuấn Nguyễn Hoài Nhân Nguyễn Văn Phúc Nguyễn Đình Trí Trần Thế Kiệt Trần Thị Minh Phụng Phan Văn Thân Hoàng Kim Thông Nguyễn Thị Thanh Kim Huệ Nguyễn Thị Hợp Hồ Minh Nhật Nguyễn Thị Hậu Lê Thị Hương Ngô Thị Thu Nhân | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Lý do chọn đề tài khá chi tiết có tính thuyết phục cao. Các tài liệu tham khảo được trích rõ ràng. - Tính mới và sáng tạo: Đề tài có ý nghĩa thống kê về mặt Y học cổ truyền. - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu 1 rõ ràng. Mục tiêu 2 cần xem lại: không nên viết Đánh giá hiệu quả của phương pháp "này". - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: tùy vào tình hình thực tế tại đơn vị mà tác giả nghiên cứu, nên đưa ra được khoảng cỡ mẫu nhất định để xác định các yếu tố liên quan. - Nội dung nghiên cứu: Chưa nêu rõ được nội dung nghiên cứu theo 2 mục tiêu đã đưa ra. Cần đưa ra các ý sẽ thực hiện trong đề cương. Nghiên cứu, phân tích, xử lý số liệu trong năm 2019 (tác giả ghi 2017). - Đề tài có tính khả thi. - Tính ứng dụng: có tính ứng dụng cấp ngành. - Thể thức trình bày: Đề cương trình bày chưa đúng với mẫu đưa ra. Font chữ chưa được định dạng chuẩn (phần tài liệu tham khảo). Giãn dòng giữa các mục chưa chuẩn. | 78.0 | Khá |
| 29.19.034 | Nghiên cứu thực trạng các trường hợp ối vỡ non, ối vỡ sớm đến đề tại TTYT Quảng Điền năm 2019 | TTYT huyện Quảng Điền | Nguyễn Minh Trung Nguyễn Phương Tuấn Hoàng Thế Phương Quách Thị Kim Châu Đặng Thị Phương Nhi Trương Thị Bình Trần Thị Chi Nguyễn Thị Kiều Ni Phan Thị Luyến Nguyễn Thị Quỳnh Lư Trương Thị Lánh Lê Khắc Minh Lý Phan Thị Yến Trần Thị Kim An Nguyễn Thị Hợp Nguyễn Thị Hậu | 2019 | Tính mới và sáng tạo: Đã có nhiều đề tài nghiên cứu trên địa bàn tỉnh TT Huế - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu 2 chưa đầy đủ và cụ thể. - Nội dung nghiên cứu: Nội dung nghiên cứu còn thiếu chưa giải quyết được hết vấn đề mà mục tiêu đưa ra. | 72.0 | Khá |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|--|-----------------------|---|--------|---|---------|------------|
| 29.19.035 | Mô hình bệnh tật của bệnh nhân đến khám và điều trị ngoại trú tại Khoa khám bệnh của TTYT huyện Quảng Điền | TTYT huyện Quảng Điền | Nguyễn Lương Thái Hồ Ngọc Tuấn Nguyễn Tấn Phát Văn Thị Điềm Trần Thị Thủy Lệ Nguyễn Thị Ngọc Ái Nguyễn Thị Phương Phạm Thị Ngọc Ánh Cao Thị Chiêm Thi Trần Thị Tâm Phan Thị Thùy Trang Nguyễn Thị Thùy Dương Lê Thị Ngọc Nhung Hồ Minh Nhật Nguyễn Thị Khánh Nhi Đặng Ngọc Phước | 2019 | <p>Tính cấp thiết của đề tài: Đề tài mang tính cấp thiết, tuy nhiên trong phần đặt vấn đề cũng nên đề cập khái quát tình hình bệnh tật cũng như mô hình bệnh tật của người dân trên địa bàn huyện trong những năm gần đây. Cần bổ sung số liệu đề tăng tính cấp thiết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính mới và sáng tạo: Mới tại đơn vị - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Cần bổ sung TLTK ở mỗi số liệu. Đặc biệt là số liệu ở phần chọn mẫu để đảm bảo tính khoa học. Đối tượng nghiên cứu quá nhiều (30.000), nên chọn cho phù hợp. Chưa nêu rõ phương pháp thu thập số liệu (dựa vào phiếu Nghiên cứu hay chỉ kết xuất phần mềm) - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu nghiên cứu: chỉ nêu lên 1 mục tiêu nghiên cứu là chưa phù hợp với việc đặt vấn đề về tính cấp thiết được đưa ra - Nội dung nghiên cứu: Nội dung nghiên cứu ít lại đề bám sát mục tiêu đề ra. Nội dung và mục tiêu nghiên cứu không thống nhất. Nội dung nghiên cứu chưa hợp lý và chưa cụ thể. - Tính ứng dụng: Mức độ ứng dụng tại đơn vị - Thể thức trình bày: Dài so với quy định. Còn nhiều lỗi chính tả và trình bày không đúng theo mẫu đề cương quy định. Trình bày đậm nhạt quá tùy tiện. Tài liệu tham khảo ít và không trích dẫn cụ thể. - Tính khả thi của đề tài: Đề tài ít có tính khả thi vì đối tượng quá lớn. | 67.5 | Trung bình |
| 29.19.036 | Đặc điểm nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính ở trẻ em dưới 5 tuổi điều trị tại khoa nhi – Trung tâm y tế Quảng Điền năm 2019 | TTYT huyện Quảng Điền | Đoàn Thị Thu Oanh Trương Đình Khoa Nguyễn Khắc Thị Hoàng Anh Hoàng Thị Thu Sương Thái Thị Ngọc Nhung Phan Thị Hiệp Nguyễn Thị Huệ Lê Thị Hoa Dương Thủy Dung Nguyễn Thị Ngọc Ái Trần Thị Kim Liên | 2019 | <p>Tính cấp thiết của đề tài: Nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính ở trẻ dưới 5 tuổi là bệnh phổ biến, có nguy cơ tử vong cho trẻ</p> <p>Phần đặt vấn đề còn sơ sài, không nêu số liệu để chứng minh sự phổ biến, quan trọng của đề tài.</p> <p>Tính mới và sáng tạo: Đã có nhiều nghiên cứu trước</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Tác giả chưa nêu tiêu chuẩn chẩn đoán đối với các Nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính ở trẻ dưới 5 tuổi. Đối tượng nghiên cứu thiếu. Phần cận lâm sàng chỉ đánh giá Công thức máu là quá sơ sài không đủ tiêu chuẩn để chẩn đoán các thể NKHHCT. Phương pháp tiến hành nghiên cứu chưa rõ ràng. - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu 2 chưa phù hợp và không được nhắc đến trong tên đề tài. Mục tiêu 2 là bà mẹ của trẻ nhưng chưa đề cập đến trong đối tượng. Mục tiêu 1 : đối tượng là trẻ bị NKHHCT tại Khoa Nhi. - Nội dung nghiên cứu: Chưa có tính logic trong nội dung, nên tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến trẻ mắc bệnh. - Thể thức trình bày: Lỗi chính tả. | 59.5 | Trung bình |
| 29.19.037 | Tuổi thọ trung bình người dân huyện Quảng Điền năm 2018 | TTYT huyện Quảng Điền | Phan Mậu Dưỡng Nguyễn Văn Toàn Nguyễn Phương Tuấn Nguyễn Thị Hợp Mai Thị Yên Trâm Phan Lê Thùy Trang Nguyễn Thị Kim Xoa Dương Thế Vinh | 2019 | <p>Tính cấp thiết của đề tài: Đề tài có tính cấp thiết</p> <p>Tính mới và sáng tạo không cao.</p> <p>Tên đề cương: Thống kê hoặc đánh giá giá hoặc khảo sát hoặc nghiên cứu, ghi: tuổi thọ trung bìnhkhông rõ ràng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu nghiên cứu: rõ ràng, cụ thể - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Nên bổ sung số lượng cỡ mẫu cụ thể. Bổ sung TLTK và Phiếu phỏng vấn. - Nội dung nghiên cứu: Bổ sung nội dung nghiên cứu. - Tính khả thi của đề tài: Có tính khả thi tại đơn vị. - Tính ứng dụng: Có mức độ ứng dụng tại đơn vị. - Thể thức trình bày: Phần tổng quan tài liệu nên bổ sung phần tuổi thọ trung bình của tỉnh. | 71.0 | Khá |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|---|-----------------------|---|--------|---|---------|----------|
| 26.19.038 | Khảo sát kiến thức và thực hành về vệ sinh an toàn thực phẩm của người trực tiếp chế biến thực phẩm tại các cơ sở nấu ăn thuê huyện Phong Điền tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 | TTYT huyện Phong Điền | Nguyễn Quang Minh Nguyễn Đại Anh Hoàng Đán Hoàng Thị Quỳnh Chi Nguyễn Thị Ngọc Hằng Nguyễn Văn Khoa Nguyễn Thị Thảo Trần Thị Thúy Hằng Nguyễn Khoa Nam Nguyễn Thị Thùy Nguyễn Văn Thảo Nguyễn Đức Trung Phan Thúc Lưu Hoàng Thị Hương | 2019 | Tính mới và sáng tạo: Trong phạm vi của huyện - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu chưa rõ ràng, cụ thể. Mục tiêu 1 xác định tỷ lệ cơ sở đảm bảo ATVSTP theo Thông tư 30/TT-BYT, nhưng phần thiết kế NC và nội dung NC lại đánh giá theo TT 15/TT-BYT ? Địa điểm NC vừa ở các cơ sở nấu ăn, vừa tại các địa điểm tổ chức bữa ăn đồng người thì việc xác định tỷ lệ số cơ sở nấu ăn đảm bảo báo VSATTP có phù hợp? (Mục tiêu 1). Có thể nên thêm một mục tiêu (số 2) về đánh giá về kiến thức, thực hành vệ sinh an toàn thực phẩm của ĐTNC. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Mẫu đánh giá thực hành chỉ có 10 câu, nhưng nội dung NC đề ra thực hành đúng 9/13 câu là đạt? - Nội dung nghiên cứu: Nội dung NC đánh giá theo TT 15/TT-BYT, nhưng mục tiêu nghiên cứu lại đánh giá theo TT 30/TT-BYT? Câu 6, Câu 10 các mốc trùng lặp, khó đánh giá chính xác - Tính ứng dụng: Trong phạm vi của huyện. | 71.0 | Khá |
| 31.19.039 | Nghiên cứu thực trạng bệnh quanh răng ở bệnh nhân đái tháo đường typ2 đến khám và điều trị tại Trung tâm Y tế thị xã Hương Thủy năm 2019. | TTYT TX Hương Thủy | Nguyễn Thị Huyền Nguyễn Văn Vỹ Đương Thị Thu Hằng Nguyễn Thị Kim Thu Nguyễn Thị Kim Dung Nguyễn Thanh Hoàng Trương Quang Phới Trương Thị Nhung Lê Hoàng Thiên Vũ Hoàng Thị Bích Châu Đương Thị Ngọc Trần Thị Hà Võ Thị Minh Thúy | 2019 | Đề tài đạt | 85.0 | Tốt |
| 31.19.040 | Nghiên cứu tình hình bệnh tật, chất lượng sống và các yếu tố liên quan ở người cao tuổi đến khám và điều trị tại Bệnh viện thị xã Hương Thủy năm 2019. | TTYT TX Hương Thủy | Nguyễn Thị Kim Thu Nguyễn Văn Vỹ Đương Thị Thu Hằng Lê Hoàng Thiên Vũ Nguyễn Thị Huyền Phan Thị Thu Thảo Trương Quang Phới Nguyễn Thị Kim Dung Hoàng Thị Bích Châu Trần Thị Hà Đương Thị Ngọc Võ Thị Hạnh Trinh Nguyễn Thị Mai Ly Lê Thị Hải Quyên Lê Thị Ly Ly Nguyễn Tiến Vinh | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Tên đề tài thay đổi thành "Nghiên cứu tình hình bệnh tật và các yếu tố liên quan chất lượng sống..." - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu 1/Các mục tiêu nghiên cứu cụ thể nên sửa lại là Tìm hiểu tình hình bệnh tật và mô hình bệnh tật ở người cao tuổi vào khám và điều trị tại Bệnh viện Thị xã Hương Thủy. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Phiếu khảo sát: Căn cứ theo Khuyến cáo, Hướng dẫn nào? | 81.0 | Tốt |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|--|--------------------|---|--------|--|---------|------------|
| 31.19.041 | Khảo sát kiến thức, thái độ thực hành về bệnh viêm gan siêu vi B ở những thai phụ đến sinh tại khoa CSSKSS bệnh viện Hương Thủy năm 2019 | TTYT TX Hương Thủy | Hoàng Thị Bích Châu Võ Thị Kim Cúc Tôn Thất Phúc Đương Thị Thu Hằng Nguyễn Thị Kim Thu Lê Thị Thanh Đặng Thị Mai Liễu Võ Thị Ân Nguyễn Thị Mai Ly Nguyễn Thanh Phong | 2019 | <p>Tính cấp thiết của đề tài: Viêm gan siêu vi B là bệnh nhiễm trùng khá phổ biến, ở Việt Nam tỷ lệ nhiễm còn cao. Lý do chọn đề tài nên nói thêm sự lây truyền VGB từ mẹ sang con.</p> <p>- Tính mới và sáng tạo: Nên đổi tên đề tài là "Nghiên cứu tình hình nhiễm viêm gan siêu vi B ở những thai phụ đến sinh tại Trung tâm Y tế Hương Thủy năm 2019"</p> <p>Phần đặt vấn đề còn quá sơ sài, không dẫn số liệu chứng minh và các biểu chứng dấu hiệu nguy hiểm của bệnh để chứng minh</p> <p>- Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Tác giả chưa nêu chọn Đối tượng nghiên cứu rõ ràng (khẳng định có mắc VGB hay không?)</p> <p>Phương pháp tiến hành nghiên cứu chưa rõ ràng, chỉ có một phiếu nghiên cứu làm sao có thể Phỏng vấn sâu, định tính?</p> <p>Trong phiếu nghiên cứu và phương pháp tiến hành tác giả chưa nêu cách thực hiện Mục tiêu nghiên cứu thứ hai.</p> <p>- Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu cần đổi lại như sau:</p> <p>1. Nghiên cứu tỷ lệ nhiễm viêm gan siêu vi B ở những thai phụ đến sinh tại Trung tâm Y tế Hương Thủy năm 2019</p> <p>2. Khảo sát kiến thức, thái độ, thực hành và các yếu tố liên quan nhiễm viêm gan siêu vi B ở những thai phụ đến sinh tại Trung tâm Y tế Hương Thủy năm 2019.</p> <p>- Nội dung nghiên cứu: Nội dung nghiên cứu cần bổ sung thêm:</p> <p>Tỷ lệ nhiễm viêm gan siêu vi B ở những thai phụ đến sinh tại Trung tâm Y tế Hương Thủy năm 2019.</p> <p>Một số yếu tố (kiến thức, thái độ, thực hành) liên quan nhiễm viêm gan siêu vi B ở những thai phụ đến sinh tại Trung tâm Y tế Hương Thủy năm 2019.</p> <p>- Tính khả thi của đề tài: Cần điều chỉnh lại theo ý kiến phản biện thì đề tài có giá trị hơn.</p> | 62.5 | Trung bình |
| 31.19.042 | Khảo sát kiến thức, thái độ, thực hành về phòng, chống bệnh lao của bệnh nhân lao phổi mới, đến đăng ký điều trị tại Trung tâm y tế thị xã Hương Thủy 2019 | TTYT TX Hương Thủy | Hồ Trọng Suốt Lê Thị Cẩm Nhung Nguyễn Thị Xuân Thảo Võ Thị Bích Thủy | 2019 | <p>Mục tiêu nghiên cứu: Đề cương chỉ có 1 mục tiêu không phù hợp cho một nghiên cứu.</p> <p>- Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Tài liệu tham khảo quá cũ. Tác giả lại sắp xếp sai quy định không trích dẫn trong đề cương cần chỉnh sửa lại.</p> <p>Không có cỡ mẫu, không có phương pháp chọn mẫu.</p> <p>không có thời gian nghiên cứu, không có tiêu chuẩn chọn bệnh. Không có tiêu chí đánh giá. không có mục xử lý số liệu cần bổ sung.</p> | 55.3 | Trung bình |
| 31.19.043 | Nghiên cứu kiến thức thái độ và thực hành đối với việc hút thuốc lá của học sinh tại trường Trung học phổ thông Phú Bài - thị xã Hương Thủy năm 2019 | TTYT TX Hương Thủy | Nguyễn Thị Mai Ly Nguyễn Thị Cẩm Nhung Trần Thị Thu Hà Nguyễn Thị Trà My Trần Thị Hà Võ Thị Minh Thúy Hoàng Thị Vân Lê Thị Ly Ly Lê Anh Tuấn Trần Đức Tuấn Trương Quang Phới Nguyễn Văn Dũng Nguyễn Thanh Sơn Nguyễn Tiến Vinh | 2019 | <p>Nội dung nghiên cứu: Chưa thấy có nội dung (Bảng câu hỏi) nên khó đánh giá khả năng giải quyết mục tiêu.</p> | 66.5 | Trung bình |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|---|--------------------|--|--------|---|---------|----------|
| 31.19.044 | “Kiến thức, thực hành về tiêm an toàn của Điều dưỡng, nữ hộ sinh và một số yếu tố liên quan tại Trung tâm y tế thị xã Hương Thủy năm 2019 | TTYT TX Hương Thủy | Võ Thị Trai Lê Văn Minh Nguyễn Minh Trí Trần Lũy Ngô Văn Nghĩa Trương Quang Phới Lê Thị Bích Ngọc Nguyễn Thị Phương Thảo Nguyễn Tiến Vinh Lê Thị Nhi Nguyễn Thị Mai Ly Võ Thị Minh Thúy Võ Thị Thủy Ly Trần Thị Thu Hà Nguyễn Thị Trà My | 2019 | Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Đây là nghiên cứu với cỡ mẫu toàn thể, tuy nhiên cũng phải ước tính con số là bao nhiêu điều dưỡng. Vì vậy, PPNC cũng không được viết "Tiến hành cho đến khi thu thập đủ số mũi tiêm cần quan sát trong nghiên cứu tại 5 khoa lâm sàng". Các hình ở trong báo cáo đề cương không ghi tên và không trích dẫn từ tài liệu tham khảo nào cần bổ sung Cần cho biết số người cụ thể của 5 khoa lâm sàng hiện có để đưa vào mẫu. Cần bổ sung các biến số nghiên cứu liên quan đến đặc điểm đối tượng, các biến số kiến thức, các biến số thực hành. Tổng số điểm cho từng nội dung vào nội dung nghiên cứu. - Nội dung nghiên cứu: PPNC phải có mục "Nội dung nghiên cứu", trong đó cần nêu các nhóm thông tin trong nghiên cứu (tóm tắt bảng thu thập số liệu). | 74.5 | Khá |
| 31.19.045 | THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ NGUY CƠ NHIỄM GIUN TRUYỀN QUA ĐẤT TRÊN NGƯỜI DÂN XÃ THỦY VÂN, THỊ XÃ HƯƠNG THỦY TỈNH THỪA THIÊN HUẾ NĂM 2019 | TTYT TX Hương Thủy | Phan Thị Hương Nguyễn Thị Kim Thu Nguyễn Thị Hồng Ngọc Nguyễn Thị Lành Nguyễn Thị Kim Phượng Phan Thị Thúy Nguyễn Tiến Hồ Thủy Châu Khanh Nguyễn Thị Ngọc Hà Phan Thị Như Huê | 2019 | Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu nghiên cứu rõ ràng, mạch lạc. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Tác giả cần bổ sung p=0,65 của tác giả Ngô Chân nhưng không có trong TLTK. Tác giả cần nói rõ cách chọn mẫu vì dân số quá lớn mà chỉ chọn 350 thì chọn khoảng cách bao nhiêu hộ chọn 1 hộ. Cần bổ sung xét nghiệm ở đâu, ai trả kết quả. Trong phụ lục cần bổ sung phiếu lấy mẫu phân và trả kết quả. - Tài liệu tham khảo quá cũ trên 10-15 năm | 79.5 | Khá |
| 31.19.046 | Nghiên cứu tình hình vệ sinh an toàn thực phẩm tại bếp ăn tập thể ở các trường mầm non trên địa bàn thị xã Hương Thủy năm 2019 | TTYT TX Hương Thủy | Nguyễn Đình Minh Nhật Nguyễn Minh Trí Dương Thị Thu Hằng Trương Thị Ngọc Diệp Trần Đức Tuấn Võ Thị Thu Nhung Huỳnh Nghĩa | 2019 | Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu 2 đánh giá về kiến thức, thái độ, thực hành của nhân viên chế biến thực phẩm... - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Tài liệu tham khảo quá cũ và thiếu các TLTK liên quan đề tài cần bổ sung. | 77.0 | Khá |
| 31.19.047 | Khảo sát thực trạng văn hóa an toàn người bệnh theo đánh giá của nhân viên y tế Trung tâm y tế thị xã Hương Thủy năm 2019 . | TTYT TX Hương Thủy | Võ Thị Thu Nhung Dương Thị Thu Hằng Trương Thị Ngọc Diệp Trương Quang Phới Trần Đức Tuấn Huỳnh Nghĩa | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Đề tài hướng đến việc đánh giá thực trạng văn hóa an toàn người bệnh theo đánh giá của nhân viên y tế Trung tâm y tế thị xã Hương Thủy năm 2019. Là căn cứ để có các giải pháp nâng cao chất lượng điều trị tại đơn vị. (Đã có đề tài nghiên cứu cùng nội dung trên địa bàn tỉnh "Khảo sát Văn hóa An toàn người bệnh tại Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2017"). - Tính mới và sáng tạo: Đề tài là mới tại đơn vị, nhưng đã có đơn vị nghiên cứu cùng nội dung, Đơn vị cần tham khảo: "Khảo sát Văn hóa An toàn người bệnh tại Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2017" - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu cụ thể - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu phù hợp - Nội dung nghiên cứu: Nội dung nghiên cứu giải quyết khá tốt được các mục tiêu nghiên cứu. - Đề tài khả thi. - Tính ứng dụng: Đề tài có tính ứng dụng tại đơn vị, có thể nhân rộng các cơ sở Y tế trên địa bàn. - Tính đạo đức: Tốt - Thể thức trình bày: Bổ sung thêm DỰ KIẾN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU. | 75.0 | Khá |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|---|--------------------|--|--------|---|---------|------------|
| 31.19.048 | “Nghiên cứu kiến thức, thái độ và thực hành về chế độ ăn của bệnh nhân Đái tháo đường type 2 đến điều trị tại Trung tâm Y tế thị xã Hương Thủy năm 2019” | TTYT TX Hương Thủy | Trần Đức Tuấn Đương Thị Thu Hằng Trương Thị Ngọc Diệp Võ Thị Thu Nhung Nguyễn Thị Thanh Hương Lê Thị Hải Quỳnh Nguyễn Thị Thu Hiền Huỳnh Nghĩa Nguyễn Đình Minh Nhật Hoàng Thị Bích Châu Trần Thị Thu Hà Nguyễn Thị Mai Ly Võ Thị Minh Thúy Bùi Thị Linh Võ Thị Trai Nguyễn Thị Hồng Ngọc | 2019 | Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Bổ sung tiêu chuẩn chẩn đoán ĐTĐ Thiếu Bộ câu hỏi liên quan kiến thức, thái độ và thực hành ở bệnh nhân ĐTĐ típ 2. Thời gian nghiên cứu cần xác định chính xác: 01/2019-30/11/2019 (P1) hay tháng 4/2019 đến 11/2019 (P14)? - Bổ sung phần Nội dung nghiên cứu và Phiếu phỏng vấn. | 64.0 | Trung bình |
| 31.19.049 | Khảo sát kiến thức, thái độ và thực hành ở những bệnh nhân điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên do lạnh tại Khoa YHCT-PHCN Trung tâm y tế thị xã Hương Thủy 2019. | TTYT TX Hương Thủy | Công Thị Hoa Lựu Lê Anh Tuấn Nguyễn Thị Kim Oanh Lê Việt Nguyên Tuấn Trần Thị Hà Nguyễn Thị Thanh Nhân Trương Thị Ngọc Diệp Mai Thăng Oanh Phan Thị Thu Thảo Trần Thị Là Lê Thị Thu Hiền | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Đặt vấn đề rõ ràng. Tuy nhiên, đề thêm tính thuyết phục tác giả cần bổ sung các tài liệu tham khảo vào các dẫn chứng. - Tính mới và sáng tạo: kết quả của đề cương có ý nghĩa thống kê và là tiền đề cho các đề tài nghiên cứu sâu hơn. - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu nghiên cứu rõ ràng - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Cần làm rõ hơn về phương pháp nghiên cứu. - Nội dung nghiên cứu: Nội dung nghiên cứu chưa thể hiện rõ 2 mục tiêu đề ra. - Tính khả thi của đề tài: có tính khả thi - Tính ứng dụng: tính ứng dụng cấp ngành - Thể thức trình bày: cần chỉnh lại định dạng của đề cương đúng với yêu cầu. | 76.5 | Khá |
| 31.19.050 | Nghiên cứu kiến thức, thái độ và thực hành cho trẻ bú mẹ sau sinh của các bà mẹ sinh thường đường âm đạo tại trung tâm y tế thị xã Hương Thủy năm 2019. | TTYT TX Hương Thủy | Nguyễn Thành Tiến Đương Thị Thu Hằng Nguyễn Thị Kim Thu Tôn Thất Phúc Võ Thị Kim Cúc Đường Thị Huyền Trần Thị Kim Lai Võ Thị Ân Nguyễn Thị Thùy Trinh Huỳnh Thị Hiền Lê Thị Tâm Phúc Nguyễn Thị Cẩm Nhung Đặng Thị Mai Liễu Hoàng Thị Bích Châu Lê Phương Chi Trần Thị Thu Hằng Lê Thị Thanh | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Nuôi con bằng sữa mẹ là một nội dung chính trong công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản và đã có nhiều nghiên cứu về lĩnh vực này. Hiện nay việc triển khai quy trình chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau sinh, sau mổ sinh theo quy định của Bộ Y tế đã tác động lớn đến việc cho trẻ bú mẹ sớm ngay sau sinh, tuy nhiên chưa có nghiên cứu nào đề cập đến vấn đề này, tác giả nên tập trung vào nội dung này mang tính cập nhật hơn. - Tính mới và sáng tạo: Chưa có tính sáng tạo - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu không rõ ràng. Thiếu nội dung trong NC ở mục tiêu - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Tác giả không nêu cách tính cỡ mẫu. Phương pháp nghiên cứu chưa rõ ràng. Chưa nêu rõ đối tượng, cỡ mẫu 200 chưa nêu lý do chọn. - Nội dung nghiên cứu: Phần dẫn nội dung về NCBSM còn thiếu cập nhật. Chưa hợp lý trong phần nội dung nghiên cứu và phân đánh giá, còn thiếu nội dung và nội dung sơ sài. - Thể thức trình bày: Sai chính tả nhiều, phong chữ không đồng nhất, trình bày không đúng quy định. Tài liệu tham khảo tiếng Việt quá ít, đặc biệt không trích dẫn các Quyết định của Bộ Y tế về chương trình NCBSM và Chăm sóc thiết yếu BMTSS... | 56.5 | Trung bình |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|--|--------------------|--|--------|---|---------|------------|
| 31.19.051 | Khảo sát kiến thức về an toàn tiêm chủng của cán bộ y tế xã, phường, thị xã Hương Thủy năm 2019 | TTYT TX Hương Thủy | Trương Thị Ngọc Diệp Dương Thị Thu Hằng Trần Đức Tuấn Võ Thị Thu Nhung Trần Thị Hà Nguyễn Đình Minh Nhật Trương Quang Phới Lê Thị Ly Ly Nguyễn Thị Quỳnh Trâm Hoàng Thị Bích Châu Nguyễn Tiến Trần Như Việt | 2019 | Đề cương đạt | 81.0 | Tốt |
| 31.19.052 | Nghiên cứu tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên và các yếu tố liên quan của phụ nữ có chồng ở tại phường Thủy Châu, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế'' | TTYT TX Hương Thủy | Nguyễn Thị Hồng Ngọc Nguyễn Thị Kim Thu Phan Thị Hương Nguyễn Thị Kim Phụng Trần Đức Tuấn Nguyễn Tiến Võ Đức Chu Ngô Đắc Sỹ Tôn Thất Phụng Ngô Việt Thùy Trịnh Văn Hùng Bùi Thị Thu Nguyễn Thị Lành | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Bổ sung số liệu để tăng tính cấp thiết. - Tính mới và sáng tạo: Mới tại đơn vị - Mục tiêu nghiên cứu: Phân mục tiêu và đối tượng chưa logic. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Phải thống nhất đối tượng nghiên cứu là "Phụ nữ 15-49 tuổi có chồng" ở các phần. Phương pháp chọn mẫu cần cụ thể hơn. - Nội dung nghiên cứu: Giải quyết được các mục tiêu - Đề tài khả thi. - Thể thức trình bày: Chưa đầy đủ theo quy định. Bổ sung TLTK và phiếu phỏng vấn. Phân tổng quan dài so với quy định. | 76.0 | Khá |
| 31.19.053 | Khảo sát kiến thức, thực hành về rửa tay thường quy của cán bộ y tế tại các khoa lâm sàng TTYT Thị xã Hương Thủy Tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 | TTYT TX Hương Thủy | Nguyễn Thị Ngọc Hải Lê Văn Minh Lê Thị Trường Lê Thị Mỹ Nhung Hồ Thị Văn Hiếu Lê Thị Thúy Vân Võ Thị Cẩm Tú Nguyễn Văn Dũng Nguyễn Thanh Sơn Lê Thị Ly Ly Trần Như Việt | 2019 | Đề tài có tính cấp thiết. - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu 1: Xác định tỷ lệ kiến thức đúng về ... - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Cỡ mẫu là toàn bộ cán bộ nhân viên nên không tính cỡ mẫu. Mục tiêu quá đơn giản. Chỉ mang tính thống kê trong báo cáo hàng năm của bệnh viện. - Tính ứng dụng: Tại đơn vị - Thể thức trình bày: Đề cương viết chưa đúng thể thức. TLTK sắp xếp chưa đúng. | 66.0 | Trung bình |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|--|------------------------------|---|--------|---|---------|------------|
| 31.19.054 | “Khảo sát Sự hài lòng người bệnh điều trị ngoại trú tại khoa Khám bệnh-Trung tâm y tế thị xã Hương Thủy năm 2019” | TTYT TX Hương Thủy | Trương Quang Phới Nguyễn Thị Kim Thu Đương Thị Thu Hằng Nguyễn Thị Huyền Trương Thị Ngọc Diệp Lê Thị Bích Ngọc Võ Thị Trai Lê Thị Thủy Lan Đương Thị Ngọc Nguyễn Thị Kim Dung Lê Thị Hải Quyên Võ Thị Kim Cúc Nguyễn Thị Xuân Thảo Lê Thị Trường Bùi Thị Linh Võ Thị Ân Trần Thị Hà Phan Thị Thu Thảo Nguyễn Thị Mai Ly | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Đánh giá sự hài lòng người bệnh là hoạt động hàng năm phải thực hiện. Không nên viết " từ trước đến nay chưa có khảo sát hay nghiên cứu nào tại TTYT Hương Thủy để đánh giá sự hài lòng người bệnh..." Đề tài liên quan Khảo sát Sự hài lòng người bệnh điều trị ngoại trú tại bệnh viện, là đề tài có cùng nội dung : +Đánh giá sự hài lòng của người bệnh điều trị nội trú và ngoại trú tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Thừa Thiên Huế 2017 +Khảo sát sự hài lòng của người bệnh điều trị ngoại trú tại khoa Khám bệnh – Trung tâm Y tế huyện Phú Lộc năm 2018 +Khảo sát sự hài lòng của người bệnh ngoại trú và thân nhân tại Trung tâm y tế huyện A Lưới năm 2018 - Tính mới và sáng tạo: Có tính mới khi nghiên cứu trên bệnh nhân ngoại trú - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu rõ - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Đề tài đã có nhiều nghiên cứu cùng nội dung trên địa bàn. - Nội dung nghiên cứu: Nội dung nghiên cứu đạt mục tiêu. Nên bổ sung thêm một số nội dung đặc thù cho đối tượng bệnh nhân ngoại trú và tham khảo góp ý của người bệnh. - Tính khả thi của đề tài: Đề tài có tính khả thi - Tính ứng dụng: Có tính ứng dụng tại đơn vị. - Thể thức trình bày: Tốt. | 67.5 | Trung bình |
| 04.19.055 | Đánh giá công tác chăm sóc bệnh nhân tai biến mạch máu não điều trị nội trú tại Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 | Bệnh viện Phục Hồi Chức Năng | Huỳnh Thị Kim Ngân Trần Công Chính Lê Thị Hồng Trần Thị Ánh Hồng Trương Đức Minh Lê Thị Thùy Trang Nguyễn Thị Linh Nguyễn Thị Hải Đường | 2019 | Cần thiết nên chỉnh lại tên đề tài là "Đánh giá công tác chăm sóc bệnh nhân TBMMN điều trị PHỤC HỒI nội trú tại Bệnh viện PHCN tỉnh TTH năm 2019", vì bệnh nhân vào đây là điều trị phục hồi chứ không phải con cấp của TBMMN. | 78.5 | Khá |
| 04.19.056 | Đánh giá chất lượng sống của bệnh nhân thoát vị đĩa đệm cột sống tại bệnh viện phục hồi chức năng tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 | Bệnh viện Phục Hồi Chức Năng | Trần Công Chính Huỳnh Thị Kim Ngân Lê Thị Hồng Phạm Thị Thu Hiền Đặng Đức Cường Trần Thị Lý Nguyễn Trường An Trương Thị Trân Châu Lê Thanh Hải | 2019 | Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Bổ sung phương tiện nghiên cứu. | 79.0 | Khá |
| 04.19.057 | Nhu cầu dịch vụ chăm sóc phục hồi chức năng ngoài giờ, tại nhà và khả năng đáp ứng của Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 | Bệnh viện Phục Hồi Chức Năng | Nguyễn Thị Ngọc Anh Nguyễn Quang Hiền Nguyễn Trọng Chương Nguyễn Thị Phùng Diễm Nguyễn Thị Bạch Lan Trương Minh Quốc Trương Thị Hương Giang Phạm Duy Duân Lê Thị Hồng Phương Lê Thị Nhung Phạm Thị Thu Hiền Trần Thị Khánh Vân Hà Thị Huệ Đương Văn Kính Trương Quang Định | 2019 | Đề tài có tính cấp thiết Tính mới và sáng tạo: Thời gian nghiên cứu ngắn và trong phạm vi đáp ứng của bệnh viện. - Mục tiêu nghiên cứu: Các mục tiêu nghiên cứu cụ thể, rõ ràng, phù hợp với những vấn đề đặt ra. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Cỡ mẫu nghiên cứu: 384, tuy nhiên phụ thuộc số bệnh nhân đến bệnh viện trong năm 2019. Thời gian thu thập số liệu chỉ 6 tháng (tháng 3-8/2019), chưa biết được số lượng bệnh nhân sẽ điều trị nội trú trong năm, vậy lập danh sách và chọn khoảng cách mẫu bằng cách nào, để chọn mẫu? - Tính khả thi của đề tài: Phụ thuộc số bệnh nhân đến Bệnh viện PHCN trong năm 2019. - Tính ứng dụng: Trong phạm vi bệnh viện - Thể thức trình bày: Thể thức trình bày khá tốt, đúng theo quy định. Cần bổ sung thêm phần danh mục chữ viết tắt. | 77.0 | Khá |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|---|------------------------------|--|--------|---|---------|------------|
| 04.19.058 | Đánh giá hiệu quả điều trị đau thắt lưng do thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng bằng điện từ trường kết hợp kéo giãn cột sống tại Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 | Bệnh viện Phục Hồi Chức Năng | Đặng Đức Cường Phạm Duy Duẩn Hoàng Thị Ý Nhi Dương Thị Hiền Đặng Thị Thanh Huyền Phạm Thị Hồng Nhung Trương Thị Thu Hoài Phan Vĩnh Đức Nguyễn Thị Như Hoa Hoàng Nguyễn Tô Tâm Tôn Nữ Thu Hằng Trần Thị Thu Lan Nguyễn Thị Sương | 2019 | Đề cương đạt | 80.5 | Tốt |
| 04.19.059 | Đánh giá hiệu quả cắt cơn đau dạ dày bằng phương pháp điện châm tại Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Thừa Thiên Huế | Bệnh viện Phục Hồi Chức Năng | Võ Đại Quỳnh Hoàng Thị Ý Nhi Dương Thị Hiền Đặng Thị Thanh Huyền Phan Vĩnh Đức Phạm Thị Hồng Nhung | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Rất cần thiết để thực hiện đề tài này, tuy nhiên chọn cỡ mẫu 20 thì không đủ. - Tính mới và sáng tạo: Nghiên cứu ảnh hưởng tốt tại bệnh viện và có thể nhân rộng - Mục tiêu nghiên cứu: Rõ ràng - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu, chọn 20 mẫu không đủ - Nội dung nghiên cứu: Đạt - Tính khả thi của đề tài: không khả thi vì chỉ có 20 bệnh. | 73.5 | Khá |
| 04.19.060 | Đánh giá kết quả điều trị phục hồi chức năng vận động bệnh nhân liệt nửa người sau tai biến mạch máu não tại Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 | Bệnh viện Phục Hồi Chức Năng | Nguyễn Mạnh Hà Trần Công Chính Đặng Đức Cường Lê Thị Hồng Hoàng Thị Giang | 2019 | Tính mới và sáng tạo: Trong phạm vi đơn vị. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Phụ thuộc số bệnh nhân nhập viện trong năm 2019 - Tính khả thi của đề tài: Phụ thuộc số bệnh nhân nhập viện trong năm 2019. - Tính ứng dụng: Trong phạm vi đơn vị | 77.5 | Khá |
| 04.19.061 | Khảo sát tình hình sử dụng thuốc giảm đau chống viêm không steroid trong điều trị bệnh cơ xương khớp tại Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 | Bệnh viện Phục Hồi Chức Năng | Cao Thị Lan Anh Nguyễn Quang Hiến Nguyễn Thái Long Trần Công Chính Đặng Văn Thân Nguyễn Thị Kim Nguyễn Thanh Hải Hoàng Thị Ý Nhi Phạm Duy Duẩn Hoàng Thị Giang Hồ Việt Khánh Hoàng Nguyễn Tô Tâm Phan Vĩnh Đức Lê Thị Hồng Trương Quang Định Trương Thị Thu Hoài Nguyễn Hoàng Nhân | 2019 | Đề tài không mới - Mục tiêu nghiên cứu: Viết lại mục tiêu 1 - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Chưa có căn cứ để xây dựng mẫu 180 bệnh nhân. - Tính khả thi của đề tài: Đề tài có tính khả thi - Thể thức trình bày: Tài liệu tham khảo quá cũ (2005). | 67.5 | Trung bình |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|--|------------------------------|---|--------|---|---------|----------|
| 04.19.062 | Nghiên cứu hội chứng chuyển hoá ở bệnh nhân tai biến mạch máu não điều trị tại Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 | Bệnh viện Phục Hồi Chức Năng | Hoàng Thị Giang Nguyễn Quang Hiền La Vinh Cường Nguyễn Thái Long Hoàng Thị Ý Nhi Đặng Đức Cường Nguyễn Thị Như Hoa Nguyễn Mạnh Hà Đặng Thị Thanh Huyền Phạm Thị Thanh Hương Hồ Việt Khánh Trương Thị Thu Hoài Đặng Văn Thân Cao Thị Lan Anh Phan Vĩnh Đức Nguyễn Hoàng Nhân Hoàng Thị Vân Nguyễn Văn Thanh | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Cần thiết để thực hiện đề tài này. - Tính mới và sáng tạo: Thực hiện tốt tại đơn vị và có thể nhân rộng. - Mục tiêu nghiên cứu: rõ ràng - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu và tính đại diện mẫu đạt - Nội dung nghiên cứu: Giải quyết được mục tiêu nghiên cứu. Nội dung nghiên cứu: Chỉnh sửa lại: Glucose 100mg/dL tương đương 5,6 mmol/L. - Đề tài khả thi. | 78.5 | Khá |
| 04.19.063 | Đánh giá tác dụng giảm đau trong điều trị bệnh thoái hóa cột sống cổ bằng xoa bóp bấm huyệt kết hợp với dòng điện xung tại Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 | Bệnh viện Phục Hồi Chức Năng | Nguyễn Thị Như Hoa Đặng Đức Cường La Vinh Cường Duong Thị Hiền Đặng Thị Thanh Huyền Phạm Thị Hồng Nhung Hồ Việt Khánh Nguyễn Công Ngãi Hoàng Thị Ý Nhi Phan Vĩnh Đức Nguyễn Văn Hàng Võ Xuân Hải Hoàng Thị Giang Cao Thị Lan Anh Mai Thị Bảo Tâm Nguyễn Thị Ánh Nhật Trần Thị Trang Phạm Thành Phi | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Đề tài khảo sát vấn đề đánh giá tác dụng giảm đau trong điều trị bệnh thoái hóa cột sống cổ bằng xoa bóp bấm huyệt kết hợp với dòng điện xung tại Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019. Tuy nhiên tại đơn vị đã có một số nghiên cứu trước đây cần khảo sát cùng nội dung đánh giá: + Nghiên cứu điều trị bệnh nhân thoái hóa cột sống thắt lưng tại Bệnh viện điều dưỡng phục hồi chức năng tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2011 + Nghiên cứu kết quả điều trị bệnh nhân thoái hóa cột sống cổ bằng phương pháp vật lý trị liệu tại bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi Chức năng Huế năm 2014. + Nghiên cứu kết quả điều trị bệnh nhân thoái hóa cột sống thắt lưng tại Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2017. - Tính mới và sáng tạo: Mức độ ảnh hưởng của Đề tài là tương đối tốt để áp dụng kết quả trong BV - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu phù hợp với nghiên cứu. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Phù hợp. Cần đưa công thức tính mẫu. - Nội dung nghiên cứu: Khá tốt, giải quyết được mục tiêu nghiên cứu - Tính khả thi của đề tài: Có tính khả thi - Tính ứng dụng: Có tính ứng dụng tại bệnh viện. - Thể thức trình bày: Tốt | 74.5 | Khá |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|--|------------------------------|--|--------|--|---------|------------|
| 04.19.064 | Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý bệnh viện tại bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 | Bệnh viện Phục Hồi Chức Năng | Dương Thế Mạnh Nguyễn Quang Hiền Nguyễn Trọng Chương Phạm Duy Duẩn Nguyễn Thị Hòa Trương Minh Quốc Mai Thị Ngọc Ý Võ Xuân Hải Đặng Xuân Tùng Dương Văn Kính Hà Thị Huệ Lê Thị Nhung Nguyễn Thị Phùng Diễm Phạm Thị Thanh Hương Trần Thị Khánh Vân Trần Thị Lý Nguyễn Trường An Trương Thị Trân Châu Lê Thanh Hải | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Đề tài có tính cấp thiết trong việc đánh giá thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý bệnh viện tại bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 - Tính mới và sáng tạo: Có tính thực tiễn và sáng tạo. - Mục tiêu nghiên cứu: 2 mục tiêu nghiên cứu rõ. Mục tiêu 2 của đề tài là đề xuất các giải pháp trong đó chú ý phải có giải pháp về tổng thể kiến trúc dữ liệu tại bệnh viện, đặc biệt là mô tả các trục liên thông với Sở Y tế, BHXH,... khi triển khai các ứng dụng tại Bệnh viện. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Khá tốt - Nội dung nghiên cứu: Nội dung nghiên cứu về thành toán viện phí bằng thẻ, Hệ thống thẻ từ cần làm rõ hơn trong nội dung nghiên cứu. Nên vẽ mô tả công việc đúng ý nghĩa trong biểu đồ Gantt. - Tính khả thi của đề tài: Có tính khả thi - Tính ứng dụng: Tính ứng dụng tốt áp dụng triển khai CNTT tại bệnh viện - Thể thức trình bày: Khá | 82.0 | Tốt |
| 04.19.065 | Đánh giá hiệu quả sử dụng dụng cụ trợ giúp của người khuyết tật vận động tại cộng đồng ở tỉnh Thừa Thiên Huế từ năm 2015 – 2018 | Bệnh viện Phục Hồi Chức Năng | Phạm Duy Duẩn Nguyễn Quang Hiền Nguyễn Trọng Chương Mai Thị Ngọc Ý Trương Thị Hương Giang Đặng Đức Cường Đặng Văn Thân Cao Thị Lan Anh Nguyễn Thị Phùng Diễm Đặng Xuân Tùng Võ Xuân Hải Dương Thế Mạnh Dương Phan Huy Miên Lê Thị Nhung Hà Thị Huệ Lê Thị Hồng Phương Dương Văn Kính Đoàn Văn Uyển | 2019 | Tính mới và sáng tạo: Tính mới và sáng tạo chưa cao, mức độ ảnh hưởng của đề tài nghiên cứu chưa rộng - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Trong phần tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả sử dụng dụng cụ trợ giúp của người khuyết tật không nên dùng từ dựa bảo bộ câu hỏi khảo sát mà phải đưa ra thêm một số tiêu chuẩn đánh giá có tính khách quan để tăng tính thuyết phục trong nghiên cứu (trang 8) - Nội dung nghiên cứu: Phần thời gian nghiên cứu từ tháng 12 năm 2017 đến tháng 11 năm 2018 khác thời gian trong phương pháp chọn mẫu (trang 7) - Đề tài có tính khả thi, có thể thực hiện được - Tính ứng dụng: Mức độ lan tỏa áp dụng trong toàn ngành khó thực hiện - Thể thức trình bày: Thể thức trình bày khá tốt. Phần tài liệu tham khảo cần theo thứ tự ABC, các tài liệu tham khảo số 6,7 nên thể hiện tham khảo ở trang nào? Dùng tài liệu tham khảo không chính thống (Nhân dân, facebook). | 70.5 | Khá |
| 13.19.066 | Đánh giá siêu âm đàn hồi gan trên bệnh nhân tăng men gan đến khám và điều trị tại Phòng BVSK cán bộ Tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 | Phòng bảo vệ sức khỏe cán bộ | Hồ Thị Ngọc Anh Văn Thị Thanh Vân Hồ Thúy Mai Lê Viết Khâm Lê Trung Quân Huỳnh Công Minh Trương Văn Chánh Huỳnh Thị Sáu Nguyễn Thị Thanh Thúy Nguyễn Thị Hằng Huỳnh Thế Thiện Giác Bùi Quang Vinh Hoàng Ngọc Hiếu Trọng Đặng Anh Tuấn | 2019 | Đề tài có tính cấp thiết. Tính mới và sáng tạo: Cần nói rõ các nghiên cứu trước đây về vấn đề này để thấy tính mới của đề tài. - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu nghiên cứu cụ thể. Cần ghi đầy đủ ở MT1: ... ở bệnh nhân tăng men gan đến khám và điều trị tại Phòng Bảo vệ sức khỏe... năm 2019. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Phần kỹ thuật thu thập số liệu cần chi tiết, cụ thể hơn. Cỡ mẫu cần nhấn mạnh là nghiên cứu toàn thể. Tiêu chí đánh giá xơ gan trên siêu âm đàn hồi gan là gì, phải mô tả cụ thể kỹ thuật này. - Nội dung nghiên cứu: Đề cương viết sơ sài, không trình bày rõ các biến nghiên cứu. - Thể thức trình bày: TLTK ít, cần cập nhật thêm TLTK gần đây. Mô tả cụ thể trong Phiếu điều tra. | 69.5 | Trung bình |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|--|------------------------------|--|--------|--|---------|----------|
| 13.19.067 | Đánh giá hiệu quả điều trị của phác đồ rabeprazole, amoxicillin, metronidazole, bismuth 14 ngày ở bệnh nhân nhiễm Helicobacter pylori | Phòng bảo vệ sức khỏe cán bộ | Lê Viết Khâm Văn Thị Thanh Vân Bùi Quang Vinh Trương Văn Chánh Huỳnh Công Minh Lê Trung Quân Hồ Thủy Mai Huỳnh Thế Thiện Giác Nguyễn Thị Thanh Thúy Huỳnh Thị Sáu Đặng Anh Tuấn Hoàng Ngọc Hiếu Trọng | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: lý do chọn đề tài rõ ràng, được trích dẫn tài liệu tương đối tốt. Tuy nhiên, tên đề tài tác giả cần đưa vào nơi (bệnh viện) tác giả sẽ tiến hành nghiên cứu là ở đâu. - Tính mới và sáng tạo: Đề tài mới. Kết quả đề tài có ý nghĩa thống kê với ngành Y tế. - Mục tiêu nghiên cứu: tác giả đưa ra 2 mục tiêu khá rõ ràng và xúc tích. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: tác giả không đưa ra đối tượng, cỡ mẫu hay phương pháp nghiên cứu - Nội dung nghiên cứu: Tác giả viết rất nhiều về lý thuyết chuyên môn. Tuy nhiên không bám sát mục tiêu nào mà tác giả đã đưa ra trong phần mục tiêu nghiên cứu. - Thể thức trình bày: Sai mẫu quy định của đề cương NCKH cấp ngành. | 75.5 | Khá |
| 24.19.068 | “ Nghiên cứu đánh giá kết quả điều trị vàng da tăng bilirubin tự do ở trẻ sơ sinh bằng liệu pháp ánh sáng đèn tuýp (đèn huỳnh quang) điều trị tại đơn nguyên sơ sinh khoa Nội TH – Nhi, Trung tâm Y tế huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 ”. | TTYT huyện A Lưới | Trần Văn Dân Lê Quang Phú Nguyễn Thị Thu Hiền Lê Thị Thu Thương Lê Quang Thiét Hồ Thị Huệ Trần Văn Tâm Phan Thị Thanh Nhung Hồ Thị Kim Ngân Lê Thị Diễm Phúc Nguyễn Thị Bông Trần Nguyễn Uyên Phương Phạm Trường Giang Trần Thị Hay Hồ Thanh Lê Lê Thị Liên Nguyễn Thị Hoài Phương Võ Thị Kim Loan Hoàng Thị Mỹ Linh Lê Thị Hồng Nga Trần Kê Y Nhi Nguyễn Thị Hứa Nguyễn Thành Long Dương Văn Phước Trần Duy Anh | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Vàng da do tăng bilirubin là một biểu hiện thường gặp ở sơ sinh, có thể gây di chứng và tử vong cho trẻ, các nghiên cứu này ở tuyến cơ sở rất ít. | 71.5 | Khá |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|--|-------------------|--|--------|--|---------|------------|
| 24.19.069 | “Đánh giá thực trạng giao tiếp của nhân viên y tế Bệnh viện A Lưới năm 2019” | TTYT huyện A Lưới | Hồ Thị Huệ Lê Quang Phú Hồ Bách Thắng Nguyễn Văn Thứ Đoàn Thị Mỹ Châu Nguyễn Thị Trà Linh Hồ Thị Thu Hà Nguyễn Thị Thu Hiền Lê Hoàng An Lê Thị Diễm Phúc Trần Văn Dân Nguyễn Thị Thủy Hà Nguyễn Thị Xuân Tinh Phạm Văn Trung Phan Thị Thoi Hoàng Thị Vân Hà Thị Sang Trương Thị Lý Trương Ánh Nguyệt Dương Đình Quang Duy Thân Nguyễn Tám Nguyễn Văn Sĩ Trịnh Thị Ninh Nguyễn Quốc Hùng Hồ Văn Thế Hồ Thị Hoa | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Đề tài có ý nghĩa, mới và thực tiễn. - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu không bám theo tên đề tài (mục tiêu là điều dưỡng, tên đề tài là nhân viên y tế) - Nội dung nghiên cứu: Tìm thêm những yếu tố liên quan đến khả năng giao tiếp tốt... Nội dung còn thiếu cho mục tiêu 2. | 63.5 | Trung bình |
| 24.19.070 | Đánh giá hiệu quả kết hợp xương cẳng tay với gậy tê đám rối thần kinh cánh tay vị trí trên xương đòn trong phẫu thuật chi trên tại bệnh viện A Lưới năm 2019 | TTYT huyện A Lưới | Hồ Bách Thắng Trần Thuán Hồ Thị Huệ Lê Quang Phú Võ Văn Hoàn Nguyễn Thanh Giang Nguyễn Thành Long Lê Văn Khay Lê Quang Đạo Nguyễn Văn Thanh Trần Ngọc Lánh Vân Thị Lan Dung Phạm Thị Tuyết Minh Nguyễn Thanh Nguyễn Thị Bông Lê Văn Ngọc Trần Chiến Vời Hà Thị Sang Hồ Văn Thời Lê Thị Bích Liên Phạm Trường Giang Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Ngọc Hùng Trần Anh Quyết Hồ Thị Thu Hà Đoàn Thị Mỹ Châu Trần Thị Phan Trần Văn Tâm Nguyễn Thị Bích Thủy | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Vấn đề tác giả đưa ra NC không rõ ràng: đề tài là nghiên cứu tính hiệu quả áp dụng phương pháp gậy tê đám rối thần kinh cánh tay trong phẫu thuật kết hợp xương cẳng tay nhưng t/g nêu vấn đề chung chung, chưa nêu rõ vì sao phải nghiên cứu lĩnh vực này, số lượng phẫu thuật mỗi năm về kết hợp xương cẳng tay là bao nhiêu... - Tính mới và sáng tạo: Có thể triển khai tại các cơ sở y tế tuyến huyện. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Không rõ tiêu chuẩn đối tượng NC. Cách chọn mẫu không đúng, số lượng &t 30 ca bệnh. PPNC không đạt - Nội dung nghiên cứu: Không cụ thể các tiêu chí để giải quyết mục tiêu NC đề ra. - Tính ứng dụng: Tại đơn vị - Thể thức trình bày: Không theo mẫu ban hành của Sở Y tế. | 50.0 | Trung bình |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|---|-----------------------------------|--|--------|--|---------|------------|
| 00.19.071 | Đánh giá thực trạng kê đơn và bán thuốc kê đơn ở tỉnh Thừa Thiên Huế, năm 2019 | Văn phòng Sở Y tế | Võ Đức Bảo Lê Viết Bắc Hồ Thị Vui Ngô Thị Thanh Xuân | 2019 | Tính mới và sáng tạo: Trong phạm vi tỉnh Thừa Thiên Huế. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Đề tài đánh giá thực trạng kê đơn và bán thuốc kê đơn ở tỉnh TT Huế, nhưng chỉ chọn 240 nhà thuốc ở thành phố Huế và tại mỗi nhà thuốc chỉ phỏng vấn 2 khách hàng đến mua thực phẩm chức năng là chưa phù hợp đối tượng và mục tiêu nghiên cứu. Phương pháp chọn mẫu chưa mang tính đại diện. Đề nghị điều chỉnh lại tên đề tài phù hợp với địa bàn nghiên cứu, cũng như phương pháp chọn mẫu, đối tượng nghiên cứu để đạt được các mục tiêu của đề tài đề ra. Bổ sung phương pháp đánh giá nhận thức của 3 đối tượng nghiên cứu dựa vào bảng câu hỏi. - Nội dung nghiên cứu: Nội dung nghiên cứu đề ra sẽ khó đạt được các mục tiêu nghiên cứu của đề tài. Đề nghị điều chỉnh lại để phù hợp với các mục tiêu đã đề ra. - Tính ứng dụng: Trong phạm vi của tỉnh. - Thể thức trình bày: Đồng 15dl sửa chữ “thực phẩm chức năng” thành “thuốc”. | 72.0 | Khá |
| 11.19.072 | “Đánh giá thực trạng thực hiện dịch vụ công trong lĩnh vực An toàn thực phẩm tuyển tỉnh trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019” | Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm | Ngô Ngọc Tuấn Trương Thị Lan Hương Hồ Văn Tuấn Huỳnh Trường Ngo Huỳnh Kim Hoàng Ngô Ngọc Tuấn Dương Xuân Hồng Võ Đông Nhật Nguyễn Thị Thủy Lê Văn Quảng | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Đề tài nghiên cứu đánh giá thực trạng thực hiện dịch vụ công trong lĩnh vực An toàn thực phẩm tuyển tỉnh trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 là vấn đề cấp thiết trong cải cách TTHC. Tuy nhiên đã có đề tài NC khá trùng lặp nội dung: Đánh giá, đo lường sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với dịch vụ hành chính công về lĩnh vực an toàn thực phẩm tại Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Thừa Thiên Huế 2017. - Tính mới và sáng tạo: Đề tài chưa có tính mới - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu rõ, cụ thể - Nội dung nghiên cứu: Bổ sung nội dung nghiên cứu để phù hợp với thực tiễn đang triển khai DVCTT của tỉnh nói chung và cũng như tại đơn vị hiện nay. - Đề tài khả thi. - Tính ứng dụng: Có tính ứng dụng - Thể thức trình bày: Cần tìm hiểu thêm về thể thức trình bày nghiên cứu khoa học đã được hướng dẫn. Tổng quan tài liệu chưa đầy đủ. Thiếu mẫu phiếu điều tra. | 68.5 | Trung bình |
| 11.19.073 | Thực trạng kiến thức, thái độ, thực hành về an toàn thực phẩm của người quản lý, người sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng thực phẩm tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 | Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm | Lê Viết Thiện Lương Văn Định Trương Thị Lan Hương Ngô Ngọc Tuấn Lê Văn Quảng Trần Thị Hồng Vân Đỗ Thị Kim Phương Võ Đông Nhật | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Cần nêu số liệu (%) công tác xác nhận kiến thức ATTP cho cơ sở cũng như số liệu tập huấn ATTP cho nhà quản lý để làm rõ mục đích nghiên cứu. - Mục tiêu nghiên cứu: Rõ ràng - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Đạt các nội dung mang tính khoa học. Ngô đọc thực phẩm liên quan đến tất cả các nhóm TP thuộc nhiều Bộ quản lý, tuy nhiên trong đề tài này chỉ nghiên cứu đến đối tượng thuộc ngành y tế quản lý. Trong đối tượng nghiên cứu có người lãnh đạo quản lý, người quản lý doanh nghiệp, tuy nhiên cỡ mẫu lại không có người quản lý doanh nghiệp. - Nội dung nghiên cứu: Đạt mục tiêu nghiên cứu - Đề tài khả thi. - Tính ứng dụng: Ứng dụng tốt cho đơn vị. | 79.0 | Khá |
| 11.19.074 | Đánh giá thực trạng chất lượng nước uống đóng chai sản xuất tại tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 | Chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm | Dương Xuân Hồng Võ Đông Nhật Nguyễn Thị Thủy Huỳnh Trường Ngo Huỳnh Kim Hoàng Ngô Ngọc Tuấn | 2019 | Tính mới và sáng tạo: Trong phạm vi tỉnh và trong 1 năm. - Tính khả thi của đề tài: Nguồn kinh phí quá lớn (90 triệu), 73 cơ sở và khảo sát toàn bộ nhân viên trong thời gian 1 năm, liệu có đạt được kế hoạch và mục tiêu đề ra? - Tính ứng dụng: Trong phạm vi tỉnh. | 79.5 | Khá |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|--|--------------------|---|--------|---|---------|----------|
| 27.19.075 | ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ ĐIỀU TRỊ ĐAU THÂN KINH TỌA BẰNG PHƯƠNG PHÁP ĐIỆN CHÂM KẾT HỢP VỚI THUYẾT CHÂM TẠI TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN PHÚ LỘC NĂM 2019 | TTYT huyện Phú Lộc | Trần Hoàng Phương Nguyễn Lợi Nguyễn Thị Thu Lê Thị Hân Đình Trọng Tín Lê Phú Trường Hà Văn Tịnh Bùi Khắc Sơn Dương Trần Thị Thùy Ninh Lê Thị Kim Oanh Trần Thị Lượm Trương Thị Thanh Hà Trần Thị Bích Liễu | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Lý do chọn đề tài tương đối tốt. Trích dẫn tài liệu rõ ràng. - Tính mới và sáng tạo: có ý nghĩa thống kê với ngành y tế. - Mục tiêu nghiên cứu: Rõ ràng, cụ thể. Phù hợp với tên đề cương đưa ra - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Tốt - Nội dung nghiên cứu: Chưa làm rõ được nội dung sẽ nghiên cứu theo 2 mục tiêu đề ra. - Đề tài có tính khả thi cao. - Tính ứng dụng: Có tính ứng dụng cấp ngành. - Thể thức trình bày: tương đối. | 78.5 | Khá |
| 27.19.076 | KHẢO SÁT KIẾN THỨC, THỰC HÀNH VỀ PHÒNG CHỐNG BỆNH TAY CHÂN MIỆNG CỦA BÀ MẸ CÓ CON DƯỚI 5 TUỔI TẠI HUYỆN PHÚ LỘC TỈNH THỪA THIÊN HUẾ NĂM 2019 | TTYT huyện Phú Lộc | Trần Thị Ánh Nguyệt Hoàng Nguyễn Thanh Bình Lê Quang Đăng Phan Văn Minh Hồ Ngọc Huy Hồ Trung Dũng Lê Ngọc Thuận Trần Đình Ánh Tống Phước Cường Nguyễn Thị Tiên Trần Thị Việt Ni Huỳnh Văn Quý Võ Thị Lợi Nguyễn Thị Thanh Trà Nguyễn Ngọc Chung | 2019 | Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Trong kỹ thuật chọn mẫu phải dựa vào số lượng thống kê gần nhất để tính toán cụ thể số lượng từng thôn, xã. - Vì đối tượng nghiên cứu là bà mẹ có con dưới 5 tuổi nên không được dựa vào số lượng trẻ dưới 5 tuổi để tính toán. - Nội dung nghiên cứu: Tiêu chuẩn đánh giá kiến thức, thực hành dựa vào đâu để chọn số 80%? Nên chọn lọc nội dung để đánh giá và dùng biến nhị phân. | 76.5 | Khá |
| 27.19.077 | ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG ĐIỀU KIỆN VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA CÁN TIN TẠI CÁC TRƯỜNG HỌC TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN PHÚ LỘC, NĂM 2019 | TTYT huyện Phú Lộc | Trần Quốc Thiện Lê Quang Đăng Hoàng Nguyễn Thanh Bình Huỳnh Thị Hằng Cái Thị Bình Nguyễn Thị Thương Nguyễn Việt Bình Nguyễn Ngọc Chung | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Cần có số liệu cụ thể để tăng tính cấp thiết của đề tài - Tính mới và sáng tạo: Mới tại đơn vị - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu là từ tháng 3/2018 đến tháng 9/2019 nhưng tên đề tài là năm 2018. Tác giả cần sắp xếp lại thứ tự các tài liệu tham khảo theo vần A,B,C tên tác giả. Trong chọn mẫu cần nói rõ huyện Phú lộc có bao nhiêu trường học và bao nhiêu trường có căn tin để chọn. Nếu giới hạn loại trừ các trường mầm non thì tên đề tài phải bổ sung là các trường phổ thông cơ sở và trung học phổ thông vào. - Trong Nội dung nghiên cứu ở trang 7 thiếu phần thực hành, thiếu các tiêu chuẩn đánh giá của mục tiêu 1 và thiếu cách tính điểm cắt đánh giá đạt và không đạt về kiến thức và thực hành Tác giả cần lấy từ phụ lục 3 đưa vào phần này để hoàn chỉnh. - Tính khả thi của đề tài: Có tính khả thi tại đơn vị. - Tính ứng dụng: tại đơn vị. | 73.5 | Khá |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|---|--------------------|---|--------|---|---------|----------|
| 27.19.078 | Tìm hiểu kiến thức và thực hành về sử dụng thuốc xịt cắt cơn tại nhà của bệnh nhân hen phế quản được điều trị tại khoa Hồi sức cấp cứu, trung tâm Y tế Phú Lộc năm 2019 | TTYT huyện Phú Lộc | Lê Viết Cường Phạm Thị Đoan Trang Nguyễn Thị Bích Huyền Trương Thị Minh Sang Huỳnh Trai Trần Văn Tuyển Đương Thị Ngọc Bích Nguyễn Thị Huệ Phan Thị Hoài Phương Trương Ngọc Bảo Nhi Đoàn Thị Hải Dương | 2019 | Mục tiêu nghiên cứu: Nên thiết kế thành 02 mục tiêu nghiên cứu: Trong đó, gộp mục tiêu 2 và 3 thành một: “Tìm hiểu kiến thức, thực hành sử dụng thuốc xịt cắt cơn hen tại nhà...” - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Đề nghị tác giả cập nhật tiêu chuẩn chẩn đoán mới nhất và trình bày phương pháp nghiên cứu đầy đủ, cụ thể hơn. - Phiếu khảo sát: Bổ sung Mục khảo sát các tác dụng không mong muốn khi sử dụng thuốc xịt cắt cơn hen tại nhà. | 75.0 | Khá |
| 27.19.079 | KHẢO SÁT MỘT SỐ BỆNH LÝ CỘT SỐNG THẤT LƯNG THƯỜNG GẶP BẰNG HÌNH ẢNH XQUANG TRUNG TÂM Y TẾ PHÚ LỘC 2019 | TTYT huyện Phú Lộc | Cái Công Thạch Nguyễn Đức Vui Tông Phước Hào Võ Lê Tấn Tài Huỳnh Thị Huệ Võ Thị Ái Vân Nguyễn Duy Hưng Cái Thị Bình Phạm Huy Ngọc | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Tính cấp thiết đề tài chưa cao. Tính mới và sáng tạo: Tính sáng tạo chưa cao. - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu nghiên cứu khá rõ ràng, cụ thể. Mục tiêu 2 còn hạn chế để đạt được tính cấp thiết của đề tài. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Đáp ứng yêu cầu của một nghiên cứu khoa học ở mức khá. Cỡ mẫu lớn đủ đại diện. - Nội dung nghiên cứu khá tốt. - Tính khả thi của đề tài khá tốt. - Tính ứng dụng: Mức độ ở đơn vị. - Thể thức trình bày còn hạn chế. | 77.0 | Khá |
| 27.19.080 | Nghiên cứu tình hình thực thi luật phòng chống tác hại thuốc lá và thực hiện môi trường không khói thuốc lá tại các cơ quan, xí nghiệp trên địa bàn huyện Phú Lộc, năm 2019 | TTYT huyện Phú Lộc | Phan Văn Minh Lê Quang Đăng Lê Thị Quỳnh Giao Trần Thị Ánh Nguyệt Trương Trần Bảo Châu Hồ Ngọc Huy Nguyễn Thị Thanh Hòa Trần Quốc Thiện Hoàng Văn Hương Nguyễn Thị Hồng Thủy Lê Phú Trường Hoàng Nguyễn Thanh Bình | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Đề tài có tính thiết thực với ngành y tế nói riêng và cộng đồng nói chung. Phù hợp với chủ trương chính sách của nhà nước. Tính mới và sáng tạo: Kết quả của đề tài sẽ là tiền đề cho việc xây dựng các kế hoạch, tuyên truyền của đơn vị và ngành Y tế. - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu 1 khá rõ ràng. Mục tiêu 2 nên đưa thêm giải pháp nâng cao ý thức, thái độ... cho cán bộ. - Nội dung nghiên cứu: Nội dung nghiên cứu tác giả viết khá dài. Tuy nhiên cần bám sát vào mục tiêu nghiên cứu để phân tích theo từng phần để đạt được hiệu quả tốt nhất - Tính khả thi của đề tài: Có tính khả thi cao - Tính ứng dụng: Có tính ứng dụng cấp ngành - Thể thức trình bày: Bổ sung thêm tài liệu tham khảo. | 79.5 | Khá |
| 27.19.081 | Nghiên cứu tình hình "Giám Kỳ thị và phân biệt đối xử liên quan đến HIV trong các cơ sở y tế" của cán bộ Trung tâm Y tế huyện Phú Lộc, năm 2019 | TTYT huyện Phú Lộc | Hồ Trung Dung Lê Quang Đăng Lê Thị Quỳnh Giao Phạm Thị Mỹ Hạnh Nguyễn Thị Tuyết Huỳnh Minh Châu Nguyễn Thị Tiên Hoàng Nguyễn Thanh Bình Hồ Ngọc Huy Nguyễn Thị Bích Huyền Huỳnh Văn Tùng | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Đề tài có tính thiết thực, góp phần tăng cường cho công tác phòng chống HIV/AIDS. Tính mới và sáng tạo: Trong phạm vi đơn vị - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu hai có thể đánh giá như là khả năng thực hành về Giám kỳ thị và phân biệt đối xử đối với người nhiễm HIV. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Thời gian nghiên cứu (từ tháng 3/2018 đến tháng 7/2018): Không phù hợp Khảo sát theo từng nhóm và cán bộ y tế tự điền câu trả lời theo hiểu biết hay quan điểm của cá nhân? - Nội dung nghiên cứu: Thời gian nghiên cứu (từ tháng 3/2018 đến tháng 7/2018)? - Tính ứng dụng: Trong phạm vi đơn vị. | 70.0 | Khá |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|---|--------------------|--|--------|---|---------|------------|
| 27.19.082 | Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống biến chứng bệnh của người bệnh đái tháo đường typ 2 tại Khoa Khám bệnh Trung tâm Y tế huyện Phú Lộc, năm 2019 | TTYT huyện Phú Lộc | Nguyễn Đình Lập Lê Quang Đăng Lê Thịnh Trị Lê Việt Cường Phan Văn Minh Hồ Trung Dung Hồ Ngọc Huy Huỳnh Văn Tùng Nguyễn Thị Tiên Phạm Xuân Kiên Ngô Huyền Hà Uyên Trần Minh Châu | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Đề tài có tính thiết thực, góp phần đến chăm sóc sức khoẻ người dân. Tính mới và sáng tạo: Trong phạm vi đơn vị và nghiên cứu trong 1 năm - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Chọn khoảng cách mẫu trong danh sách 650 người bệnh ĐTĐ đang được quản lý tại khoa - Phiếu phỏng vấn: Điều chỉnh lại Câu 55 (PKĐK L.N.Quyển?). | 77.5 | Khá |
| 27.19.083 | Đánh giá kết quả phát đồ điều trị viêm loét dạ dày, tá tràng nhiễm Helicobacter pylori tại Bệnh Viện Phú Lộc. | TTYT huyện Phú Lộc | Trần Văn Chương Trần Minh Châu Trương Trần Bảo Châu Lê Tự Hoàn Nguyễn Thanh Hoà Cao Thị Loan Võ Thị Thanh Thân Nguyễn Thị Thanh Mai Huỳnh Văn Trung Trương Chúng | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Tên đề tài nên là: Đánh giá kết quả điều trị viêm loét dạ dày tá tràng nhiễm HP bằng phác đồ ALP tại Bệnh viện Phú Lộc, năm 2019. Tính mới và sáng tạo: Đề tài đã có nhiều tác giả nghiên cứu - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu 1: Mô tả đặc điểm lâm sàng và hình ảnh nội soi của bệnh nhân viêm loét dạ dày tá tràng nhiễm HP tại Bệnh viện Phú Lộc, năm 2019. - Nội dung nghiên cứu: Dự kiến cỡ mẫu n=? - Tác giả chưa đưa ra nội dung nghiên cứu - Tính ứng dụng: Tại đơn vị. | 71.5 | Khá |
| 27.19.084 | KHẢO SÁT TỶ LỆ MẮC BỆNH GOUT Ở NHỮNG BỆNH NHÂN ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH LÀM XÉT NGHIỆM ACID URIC VÀ NHỮNG YẾU TỐ LIÊN QUAN CỦA BỆNH NHÂN ĐẾN KHÁM VÀ ĐIỀU TRỊ TẠI BỆNH VIỆN PHÚ LỘC NĂM 2019 | TTYT huyện Phú Lộc | Huỳnh Văn Quý Hoàng Nguyễn Thanh Bình Nguyễn Duy Hưng Võ Lê Tấn Tài Diệp Thị Bích Hiền Trần Thị Thảo Nguyên Phạm Thị Kiều Nhi | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Tính cấp thiết của đề tài không cao. Tính mới và sáng tạo: Tính mới và sáng tạo chưa cao, không phải đề tài là mới do lần đầu tiên được thực hiện tại huyện phú Lộc như tác giả viết trong trang 3 - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Trong phần tiêu chuẩn đánh giá dựa theo tác giả Bennett và Wood (trang 7) cần đưa vào trong tài liệu tham khảo có 2 tác giả này để có tính thuyết phục về tính khoa học của phương pháp nghiên cứu - Nội dung nghiên cứu: Đạt ở mức độ trung bình. Tại sao không đánh giá mối liên quan giữa nồng độ Acid uric với tỷ lệ mắc bệnh gút, mối liên quan giữa nồng độ Acid uric và các yếu tố nguy cơ của bệnh gút? - Tính khả thi của đề tài: Đề tài có tính khả thi - Tính ứng dụng: Mức độ lan tỏa áp dụng trong toàn ngành khó thực hiện - Thể thức trình bày: Cần bổ sung vào danh mục chữ viết tắt một số chữ có trong đề cương như HPRT, BN trang 4. Tài liệu tham khảo số 8,9, 10 chưa thể hiện tham khảo ở trang nào Các tài liệu tiếng Anh để nguyên từ tiếng Anh chứ không dịch ra (tài liệu số 8 đến số 12). | 66.0 | Trung bình |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|--|--------------------|--|--------|--|---------|----------|
| 27.19.085 | ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SỎI THẬN Ở BỆNH NHÂN CÓ CHỈ ĐỊNH SIÊU ÂM BỤNG TỔNG QUÁT TẠI TRUNG TÂM Y TẾ PHÚ LỘC NĂM 2019 | TTYT huyện Phú Lộc | Nguyễn Đức Vui Cái Công Thạch Tống Phước Hào Diệp Thị Bích Hiền Phan Thị Thảo Cái Thị Bình Võ Thị Ái Vân Nguyễn Đăng | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Tên đề tài nên chỉnh là: Nghiên cứu tình hình sỏi thận phát hiện bằng siêu âm tại TTYT Phú Lộc năm 2019. - Tính mới và sáng tạo: Đề tài có tính mới tại đơn vị. - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu 1: Xác định tỷ lệ sỏi thận phát hiện bằng siêu âm tại TTYT Phú Lộc năm 2019. Mục tiêu 2: Tìm hiểu một số yếu tố liên quan về bệnh sỏi thận của các đối tượng nghiên cứu. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Tính đại diện các mẫu không cao. Đối tượng loại trừ NC là gì? Đề nghị chỉnh lại Phương pháp NC là: Phương pháp mô tả, cắt ngang, không can thiệp lâm sàng, không có nhóm chứng. - Nội dung nghiên cứu: Các phụ lục 2,3 4,5,6,9 đưa vào phần Đối tượng và Phương pháp nghiên cứu. Phụ lục 7,8 đưa vào sau phần Nội dung nghiên cứu - Thể thức trình bày: TLTK viết chưa đúng. | 70.0 | Khá |
| 27.19.086 | Nghiên cứu thực trạng theo dõi phản ứng sau tiêm chủng của bà mẹ có con dưới 1 tuổi tại huyện Phú Lộc, năm 2019 | TTYT huyện Phú Lộc | Lê Quang Đăng Nguyễn Đình Lập Phan Văn Minh Trần Thị Ánh Nguyệt Nguyễn Thị Tuyết Cái Quang Nghiệm Nguyễn Thị Thanh Hòa Trương Thị Hồng Ngọc Nguyễn Thị Tú Oanh Hoàng Văn Hương Hồ Thị Lan Anh Lê Thị Quỳnh Giao | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Cần có những số liệu cụ thể của các nghiên cứu trong và ngoài nước để tăng tính cấp thiết. - Tính mới và sáng tạo: mới tại đơn vị. - Mục tiêu nghiên cứu: rõ ràng, cụ thể - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Khi tính cỡ mẫu thì số liệu nêu ra phải có căn cứ cụ thể. - Đề tài có tính khả thi. - Sắp xếp TLTK theo đúng thứ tự A, B, C. | 82.5 | Tốt |
| 27.19.087 | Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến phòng chống tai biến của bệnh nhân tăng huyết áp đã điều trị tại Phòng khám đa khoa Vinh Giang, Trung tâm Y tế Phú Lộc, năm 2019 | TTYT huyện Phú Lộc | Trần Minh Châu Trần Văn Chương Huỳnh Văn Tùng Phan Thị Hạnh Nguyễn Thị Tiên Trương Trần Bảo Châu Đoàn Thị Ái Mỹ Lê Quang Đăng Lê Tự Hoàn Lê Thị Ngọc Ánh | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Đề cương có tính cấp thiết cao. Giúp người bệnh có biện pháp dự phòng và bổ sung kiến thức về những biến chứng của bệnh THA. Tính mới và sáng tạo: Đề tài có tính mới so với các đề tài có cùng hướng nghiên cứu trước đây. - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu khá rõ ràng và bám sát với tên đề tài, tuy nhiên ở mục tiêu 1 cần xem lại từ "Mô tả kiến thức" nên thay thế bằng thực trạng kiến thức. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Tương đối rõ ràng và chi tiết. Bổ sung phương pháp định lượng. - Nội dung nghiên cứu: Nội dung nghiên cứu còn chưa bám sát vào mục tiêu đề ra. Cần đưa ra nhiều trường mục con hơn trong phần này. - Đề tài có tính khả thi. - Tính ứng dụng: Có tính ứng dụng cấp ngành. - Thể thức trình bày: tương đối. | 81.5 | Tốt |
| 27.19.088 | KHẢO SÁT KIỂU HÌNH VẬT CHỨA VÀ KIẾN THỨC, THỰC HÀNH VỀ PHÒNG CHỐNG BỆNH SỐT XUẤT HUYẾT CỦA NGƯỜI DÂN XÃ VINH HIỀN, HUYỆN PHÚ LỘC NĂM 2019 | TTYT huyện Phú Lộc | Nguyễn Thị Tú Oanh Trần Văn Hoá Nguyễn Thị Thanh Phương Trương Thị Ái Nhi Đoàn Thị Liên Cao Thị Thu Thảo Cao Hoàng Ngọc Duyên Trần Minh Châu Trần Thị Việt Ni Huỳnh Thị Thanh | 2019 | Đề tài không mới - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu nghiên cứu cụ thể. - Nội dung nghiên cứu đạt - Tính ứng dụng: Ứng dụng tại đơn vị - Thể thức trình bày: Sắp xếp TLTK chưa đúng. | 80.0 | Tốt |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|--|---------------------------|---|--------|---|---------|------------|
| 27.19.089 | PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH BỆNH TẬT CỦA BỆNH NHÂN ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ TẠI BỆNH VIỆN HUYỆN PHÚ LỘC TỪ NĂM 2017 ĐẾN 2019 | TTYT huyện Phú Lộc | Nguyễn Thị Thanh Thù Lê Viết Cường Phạm Duy Nguyễn Ngọc Chung Lê Thị Phương Thảo Nguyễn Thị Thanh Trà Nguyễn Thị Ngọc Trai | 2019 | <p>Tính cấp thiết của đề tài: Đề tài mang tính cấp thiết và phù hợp với chính sách phát triển của ngành, phục vụ công tác CSSKBD.</p> <p>Tính mới và sáng tạo: Đề tài không mang tính mới. Tên đề tài giữa trang bìa, đơn và phần lý do chọn đề tài không thống nhất.</p> <p>- Mục tiêu nghiên cứu: Hai mục tiêu có nội dung trùng nhau (mục tiêu 2 là hệ quả từ mục tiêu 1). Nên chọn mục tiêu 2 là mối liên quan giữa mô hình bệnh tật và các đặc điểm của đối tượng NC (giới, tuổi, nghề nghiệp,...)</p> <p>- Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Đối tượng NC sau khi loại trừ các đối tượng không đủ tiêu chuẩn còn rất lớn (hơn 20.000 bệnh nhân) nên chọn cỡ mẫu phù hợp hơn. Không có phiếu NC.</p> <p>Thời gian nghiên cứu đến tháng mấy năm 2019.</p> <p>- Nội dung nghiên cứu: Nội dung nghiên cứu và 2 mục tiêu nêu ra là chưa thống nhất.</p> <p>- Tính khả thi của đề tài: Xem lại thời gian chọn đối tượng để đảm bảo tính khả thi.</p> <p>- Tính ứng dụng: Mức độ lan toả không lớn trong phạm vi ngành.</p> <p>- Thể thức trình bày: Tài liệu tham khảo ít, không trích dẫn tài liệu vào đề cương. Bỏ sung TLTK.</p> | 71.5 | Khá |
| 27.19.090 | Khảo sát kiến thức, thực hành về vệ sinh sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật và các yếu tố liên quan của nông dân các xã ven biển, đầm phá huyện Phú Lộc tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 | TTYT huyện Phú Lộc | Hoàng Nguyễn Thanh Bình Lê Quang Đảng Phan Văn Minh Hồ Trung Dung Trần Thị Ánh Nguyệt Phạm Thị Mỹ Hạnh Hồ Ngọc Huy Trần Quốc Thiện Lê Thị Quỳnh Giao Huỳnh Văn Tùng Nguyễn Thị Thu Nguyễn Thị Tú Oanh Nguyễn Thị Bích Huyền Trương Trần Bảo Châu Trương Thị Hồng Ngọc | 2019 | <p>Tính cấp thiết của đề tài: Chưa phù hợp định hướng phát triển của ngành.</p> <p>- Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Chưa đại diện các xã ven biển, đầm phá. Vì sao chỉ chọn 5 xã, mà không chọn 8 (Thiếu Lộc Bình, Lộc Vĩnh, Thị trấn Lăng Cô)</p> <p>- Đề tài có tính khả thi.</p> | 66.0 | Trung bình |
| 10.19.091 | Đánh giá kiến thức, thái độ và tỷ lệ tuân thủ vệ sinh tay của nhân viên y tế trước và sau can thiệp tại bệnh viện Y học cổ truyền | Bệnh viện Y học Cổ Truyền | Lê Thị Ánh Tuyết Lê Thị Tường Vy Lê Minh Quỳnh Anh Bùi Uyên Thi Bửu Huyền Hạnh Trần Thị Mỹ Liên Cao Tâm Hiền Võ Thị Thùy Như | 2019 | <p>Đề tài có tính cấp thiết.</p> <p>Tên đề tài nên chỉnh sửa: Đánh giá kiến thức, thái độ và thực hành vệ sinh tay của nhân viên y tế trước và sau can thiệp tại Bệnh viện Y học cổ truyền, tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019</p> <p>- Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu 1: Khảo sát kiến thức, thái độ, thực hành vệ sinh tay của ...</p> <p>- Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Cần xem lại:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Không có tính cỡ mẫu. 2. Không phân bố mẫu cho các khoa (pp chọn mẫu). 3. Xem lại cách thức tiến hành. <p>+ Giai đoạn 1: Đánh giá kiến thức thái độ. + Giai đoạn 2: Can thiệp: Tập huấn, cung cấp phương tiện. + Giai đoạn 3: Đánh giá lại các nội dung giai đoạn 2 phải được triển khai thường xuyên.</p> <p>- Tính ứng dụng: tại đơn vị</p> <p>- Thể thức trình bày: đạt, đầy đủ các phần theo yêu cầu.</p> | 70.0 | Khá |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|---|------------------------------|---|--------|--|---------|----------|
| 10.19.092 | ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ BÀI THUỐC QUY TỶ THANG GIA GIẢM KẾT HỢP ĐIỆN CHÂM TRONG ĐIỀU TRỊ BỆNH MẮT NGŨ KHÔNG THỰC TÔN THÊ TÂM TỶ HƯ TẠI BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN TỈNH THỪA THIÊN- HUẾ | Bệnh viện Y học Cổ Truyền | Lê Ngọc Hùng Lê Thị Hoài Thu Lê Minh Chung Hoàng Thị Mỹ Phương Phan Đình Hoà Lê Chí Thuần Trương Thị Thu Hà Phan Thị Huyền Nghi Huỳnh A Trương Thị Diệu Hoàng Ngô Quý Chí Hồ Nhã Uyên Hoàng Thị Nam Lê Thị Ngọc Huyền Hồ Thị Thanh Nguyễn Thị Thanh Phù Yên Bình Trương Thị Nhật Vĩ Nguyễn Thị Ngọc Bích Nguyễn Thành Nhân Phan Thị Ngọc Bích | 2019 | Đề tài đạt khá, có tính cấp thiết. | 77.5 | Khá |
| 23.19.093 | Đánh giá tình hình sử dụng thuốc lá và kết quả thực hiện Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá tại tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 | Trung tâm kiểm soát bệnh tật | Nguyễn Văn Cương Phan Đăng Tâm Lương Văn Định Hầu Văn Nam Hà Thị Mỹ Dung Thái Văn Khoa Trần Bá Thanh Phan Văn Quý Hồ Thị Thanh Hiếu Đặng Trần Hữu Hạnh Hồ Minh Duy Nguyễn Quốc Huy Phan Thị Hải Yến Ngô Thị Trà My Đoàn Ngọc Thạch Trần Thị Thu Hằng Cao Thị Hồng Hạnh Hoàng Phước Nhật Nguyễn Phúc Duy | 2019 | Tính mới và sáng tạo: Phạm vi ở tỉnh Tính khả thi của đề tài: Đây là một đề tài lớn, phạm vi nghiên cứu rộng trên địa bàn toàn tỉnh trong thời gian 1 năm, trong lúc nguồn lực (kinh phí và số người tham gia nghiên cứu) lại quá ít so với quy mô của đề tài? Tính ứng dụng: Phạm vi toàn tỉnh | 83.0 | Tốt |
| 23.19.094 | Nghiên cứu thực trạng táo hôn và kiến thức, thái độ, thực hành về táo hôn của phụ nữ trong độ tuổi từ 15 – 49 tại huyện A Lưới tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 | Trung tâm kiểm soát bệnh tật | Phan Đăng Tâm Nguyễn Văn Cương Ngô Thị Trà My Võ Thị Ngọc Nga Cao Thị Hồng Hạnh Phan Thị Hải Yến Hồ Minh Duy Lê Quang Phú Phan Văn Quý | 2019 | Đề tài mang tính cấp thiết Tính mới và sáng tạo: đề tài mới - Mục tiêu nghiên cứu: rõ ràng, cụ thể - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Phần tính điểm kiến thức táo hôn ở câu Đ 1 và Đ 2 số điểm là 02 chứ không phải là 01 ở mỗi câu trả lời đúng. Phần đánh giá thực hành táo hôn nên quy ước mỗi câu trả lời đúng là 02 để tổng 3 câu ở phần này là 6. khi đó lấy điểm cắt là quá bán. - Nội dung nghiên cứu: đầy đủ - Đề tài khả thi, có tính ứng dụng cao. - Thể thức trình bày: Đạt nhưng hơi dài so với quy định. | 90.5 | Xuất sắc |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|--|------------------------------|--|--------|--|---------|----------|
| 23.19.095 | Điều tra kiến thức, Thái độ, Thực hành của bệnh nhân tiền Tăng huyết áp, Tăng huyết áp được quản lý tại 3 Trạm y tế xã, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 | Trung tâm kiểm soát bệnh tật | Trần Đạo Phong Nguyễn Đình Sơn Lê Đình Quang Huỳnh Văn Hào Lê Văn Hoàn Võ Thị Ngọc Nga Lê Thị Sông Hương Đặng Như Vinh Nguyễn Thị Thu Hằng Trần Đạo Vinh Hoàng Đức Thuận Lam Phan Lien Nhi Cao Thị Hồng Hạnh Trương Thị Liên Lê Thị Phùng Mỹ | 2019 | <p>Tính cấp thiết của đề tài: Đề tài nghiên cứu kiến thức, Thái độ, Thực hành của bệnh nhân tiền Tăng huyết áp, Tăng huyết áp được quản lý tại 3 Trạm y tế xã, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019, có liên quan đến công tác chăm sóc và bảo vệ SK nhân dân trên địa bàn. Đề tài có ý nghĩa cao đối với sức khỏe cộng đồng cao. Nâng cao nhận thức và thái độ của người bệnh, nhằm đưa ra liệu pháp, để hạn chế cũng như điều trị được bệnh tăng huyết áp.</p> <p>Đã có khá nhiều đề tài nghiên cứu cùng nội dung trên địa bàn tỉnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tìm hiểu kiến thức - thái độ - thực hành của bệnh nhân điều trị tại bệnh viện YHCT Thừa Thiên Huế về phòng, chống bệnh tăng huyết áp 2013 + Đánh giá kiến thức, thái độ và thực hành về bệnh tăng huyết áp của người dân đến khám chữa bệnh tại trung tâm y tế Quảng Điền năm 2013 + Khảo sát kiến thức, thực hành phòng biến chứng tăng huyết áp và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân tăng huyết áp đang điều trị ngoại trú tại Trung tâm y tế huyện Phong Điền, Thừa Thiên Huế, năm 2016 + Tìm hiểu tình hình tăng huyết áp và hiệu biết của người dân về bệnh tăng huyết áp tại Phòng khám đa khoa khu vực II- TTYT TP Huế 2017. <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu rõ ràng, phù hợp với tên đề tài đưa ra. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu phù hợp. Tương đối đầy đủ. Tuy nhiên, cần viết rõ hơn ở các trường mục như: Tiêu chuẩn lựa chọn và Tiêu chuẩn loại trừ. - Nội dung nghiên cứu: Nội dung nghiên cứu cần bám sát hơn theo mục tiêu nghiên cứu. Cần vạch ra các ý lớn cần thực hiện trong nội dung nghiên cứu hơn. - Đề tài khả thi, có tính ứng dụng. - Thể thức trình bày: Tốt | 79.0 | Khá |
| 23.19.096 | Nghiên cứu tình hình nhiễm vi rút viêm gan B và kiến thức trong nhóm người trưởng thành tại tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 | Trung tâm kiểm soát bệnh tật | Lê Văn Sanh Võ Đăng Huỳnh Anh Cao Thị Thuận Phan Thị Hồng Nhạn Nguyễn Ngọc Duy Nguyễn Minh Việt Lê Văn Hoàn Đông Thị Hồ Vy Nguyễn Quốc Phòng Dương Minh Trí Trương Thị Phượng | 2019 | <p>Tính cấp thiết của đề tài: Rất cần thiết để nghiên cứu Tính mới và sáng tạo: Đề tài không mới nhưng mức độ ảnh hưởng lớn trong cộng đồng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu nghiên cứu: Rõ ràng, phù hợp - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Có tính khoa học cao trong phương pháp nghiên cứu. - Nội dung nghiên cứu: Giải quyết tốt các vấn đề nghiên cứu. - Đề tài khả thi. - Tính ứng dụng: ứng dụng được trong cộng đồng. | 79.0 | Khá |
| 23.19.097 | Nghiên cứu thang điểm zwolle trong tiên lượng bệnh nhân nhồi máu cơ tim sau nong mạch vành tại bệnh viện trung ương huế | Trung tâm kiểm soát bệnh tật | Lê Thanh Hiếu Hồ Xuân Vũ Nguyễn Thị Quỳnh Chi Hoàng Trọng Dạ Thảo Nguyen Huu Tri Nguyễn Văn Lâm Mai Thị Ngọc Ý Hoàng Đức Thanh | 2019 | <p>Tính cấp thiết của đề tài: Đặt vấn đề khá tốt</p> <p>Tính mới và sáng tạo: Khá mới, mức độ ảnh hưởng đề tài ở lĩnh vực điều trị tuyến Trung ương.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu nghiên cứu: Có 2 mục tiêu khá tốt. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Tốt - Nội dung nghiên cứu: Thiếu các biểu mẫu đánh giá khảo sát. - Tính ứng dụng: Mức độ lan tỏa chi tại tuyến điều trị ở Trung ương rất hạn chế tại đơn vị công tác. | 81.5 | Tốt |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|--|------------------------------|---|--------|--|---------|----------|
| 23.19.098 | Nghiên cứu tình hình người dân sử dụng vắc xin dịch vụ 6 trong 1 tại Phòng tiêm chủng dịch vụ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 | Trung tâm kiểm soát bệnh tật | Nguyễn Thị Hà Phương Huỳnh Văn Hào Võ Thị Ngọc Nga Lê Hữu Sơn Nguyễn Văn Quang Phan Thị Hải Yến Trần Lê Ngọc Dung | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Lý do nghiên cứu đưa ra chưa rõ với mục đích nghiên cứu, chưa làm rõ việc giải quyết khó khăn người dân ngại không tiêm 6 trong 1. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Phương pháp nghiên cứu chưa rõ ràng. Bộ câu hỏi chưa đủ, cũng như một số câu thiếu trọng tâm nội dung nghiên cứu. - Nội dung nghiên cứu: Chưa hợp lý trong phần nội dung nghiên cứu và phần đánh giá - Thể thức trình bày: Sai chính tả nhiều, phong chữ không đồng nhất, trình bày chưa rõ ràng. | 71.0 | Khá |
| 23.19.099 | Nghiên cứu tình trạng sử dụng, bảo quản công trình cấp nước, nhà vệ sinh và kiến trúc, thực hành vệ sinh phòng bệnh của giáo viên các trường mầm non ở vùng nhiều rui ro huyện Quảng Điền và Nam Đông năm 2019 | Trung tâm kiểm soát bệnh tật | Trần Bá Thanh Nguyễn Đình Sơn Phan Đăng Tâm Hồ Thị Thanh Hiếu Nguyễn Văn Cương Đặng Trần Hữu Hạnh Hồ Minh Duy Lê Nguyễn Thu Phương Nguyễn Anh Thư Lê Thị Sông Hương Trần Thị Quỳnh Như Nguyễn Phúc Duy | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài chưa cao. Tính mới và sáng tạo: Mức độ ảnh hưởng của đề tài nghiên cứu khó lan rộng - Mục tiêu nghiên cứu: Trong mục tiêu nghiên cứu 1 nên bỏ phần bảo quản vì nếu đưa vào anh phải biết tiêu chuẩn xây dựng lúc đầu thế nào, đã sử dụng bao nhiêu năm rồi mới đánh giá được bảo quản công trình thế nào - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Lưu ý: Phải xác định rõ "vùng nhiều rui ro" thuộc huyện Quảng Điền, Nam Đông là vùng nào, dựa vào văn bản nào để xác định và phải chọn mẫu ở vùng này chứ không toàn huyện. Vì vậy, chọn 50% số trường toàn huyện là không có cơ sở. Xem lại cách chọn trường đưa vào nghiên cứu. - Tính khả thi của đề tài: Đề tài có tính khả thi, có thể thực hiện được nếu bỏ phần đánh giá bảo quản. - Tính ứng dụng: Mức độ lan tỏa áp dụng trong toàn ngành khó thực hiện. - Thể thức trình bày: Thể thức trình bày khá tốt. Bổ sung thêm trong danh mục viết tắt MN trang số 8. | 72.5 | Khá |
| 23.19.100 | Nghiên cứu tình hình sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh và kiến trúc, thái độ, thực hành của người dân tại các xã huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 | Trung tâm kiểm soát bệnh tật | Đặng Trần Hữu Hạnh Nguyễn Đình Sơn Trần Bá Thanh Hồ Thị Thanh Hiếu Nguyễn Văn Cương Hồ Minh Duy Nguyễn Thị Thu Hằng Lê Thị Sông Hương Lê Văn Hoàn Trần Thị Quỳnh Như | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài khá tốt Tính mới và sáng tạo: Tính mới và sáng tạo chưa cao. Ảnh hưởng về nghiên cứu để chỉ đạo thuộc huyện A Lưới - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu khá rõ ràng, cụ thể - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Đảm bảo tính khoa học của một nghiên cứu - Nội dung nghiên cứu: Giải quyết được các mục tiêu. - Đề tài khả thi. - Tính ứng dụng: Tính ứng dụng tại địa phương. | 78.0 | Khá |
| 23.19.101 | Nghiên cứu kiến trúc, thái độ, thực hành của cán bộ làm công tác thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải y tế của 152 Trạm y tế, tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 | Trung tâm kiểm soát bệnh tật | Hồ Thị Thanh Hiếu Nguyễn Đình Sơn Trần Bá Thanh Đặng Trần Hữu Hạnh Hồ Minh Duy Nguyễn Văn Cương Lê Thị Sông Hương Hoàng Thị Huệ Trần Thị Quỳnh Như | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Đề tài có tính cấp thiết đến công tác y tế trên địa bàn. Tính mới và sáng tạo: Rất tốt cho việc xử lý rác Y tế cho các trạm. - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu nghiên cứu khá rõ ràng, cụ thể. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Đạt yêu cầu một nghiên cứu khoa học - Nội dung nghiên cứu: Nội dung nghiên cứu đủ và hợp lý để đạt mục tiêu. - Tính khả thi của đề tài: Cần có phương án tốt nhất để thu thập thông tin. - Tính ứng dụng: Ứng dụng trong ngành. | 77.0 | Khá |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|--|------------------------------|--|--------|---|---------|------------|
| 23.19.102 | Thực trạng nguồn nhân lực y tế thôn bản và một số yếu tố liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của nhân viên y tế thôn bản tại huyện Phong Điền, Thừa Thiên Huế năm 2019 | Trung tâm kiểm soát bệnh tật | Nguyễn Văn Cương Phan Đăng Tâm Trần Bá Thanh Hồ Thị Thanh Hiếu Đặng Trần Hữu Hạnh Hồ Minh Duy Trần Thị Thu Hằng Nguyễn Ngọc Trung Phan Văn Quý Cao Thuyết Trương Thị Dành Nguyễn Thị Thanh Lệ Trần Thị Quỳnh Như | 2019 | Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Mục tiêu 2: "Mô tả thực hiện nhiệm vụ của NVYTTB", nhưng lại sử dụng phương pháp phỏng vấn thì kết quả sẽ không trung thực. Cần sử dụng phương pháp khảo sát thực tế. Bộ câu hỏi quá dài. | 63.0 | Trung bình |
| 23.19.103 | Khảo sát hiệu quả của isoflavone trong điều trị cải thiện rối loạn chức năng vận mạch ở phụ nữ tiền mãn kinh, mãn kinh đến khám tại Phòng khám Sản Nhi – Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 | Trung tâm kiểm soát bệnh tật | Hà Thị Mỹ Dung Nguyễn Khoa Nguyên Trương Phước Thanh Khuê Trần Thị Diệu Trang Phạm Thị Chi Lê Khắc Quỳnh Nga Nguyễn Thị Nhiều Phùng Bảo Nhân Trần Đoàn Sao Ly Hồ Diệu Thương Trương Diệu Thảo | 2019 | Đề tài có tính cấp thiết - Tính mới và sáng tạo: mới tại đơn vị - Mục tiêu nghiên cứu: rõ ràng, cụ thể - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu trong thời gian tháng 1/2019 đến Tháng 12/2019 không phù hợp với thời gian thực hiện đề tài. Có nên dời lại thời gian nghiên cứu để đảm bảo mục tiêu 2. - Nội dung nghiên cứu: đầy đủ - Tính khả thi của đề tài: xem lại thời gian và lựa chọn đối tượng - Tính ứng dụng: ứng dụng tại đơn vị - Trình bày dài so với quy định. | 84.0 | Tốt |
| 23.19.104 | "Nghiên cứu thực trạng và một số yếu tố liên quan đến việc sử dụng Sổ theo dõi sức khỏe bà mẹ và trẻ em trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, năm 2019" | Trung tâm kiểm soát bệnh tật | Nguyễn Văn Quang Nguyễn Khoa Nguyên Lê Văn Lượng Huỳnh Văn Hào Võ Thị Ngọc Nga Nguyễn Thị Hà Phương Phan Thị Hải Yến Lê Hữu Sơn Hồ Diệu Thương Đình Thị Đoàn Trinh Nguyễn Thị Hiệp | 2019 | Đề tài có tính cấp thiết - Tính mới và sáng tạo: không có tính mới - Mục tiêu nghiên cứu: rõ ràng, cụ thể - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: đạt - Nội dung nghiên cứu: Giải quyết được các mục tiêu nghiên cứu. - Đề tài khả thi. - Thể thức trình bày: hơi dài so với quy định | 79.5 | Khá |
| 23.19.105 | Thực trạng bỏ trị, ra khỏi chương trình và quay lại điều trị tại Cơ sở điều trị Methadone thuộc Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Thừa Thiên Huế từ tháng 11/2014-10/2019 | Trung tâm kiểm soát bệnh tật | Nguyễn Lê Tâm Nguyễn Khoa Nguyên Lý Văn Sơn Đoàn Chí Hiền Châu Văn Thức Võ Đăng Huỳnh Anh Lê Hoài Nguyên Hương Nguyễn Văn Mỹ Phùng Thị Bảo Châu Trương Thị Mỹ Thanh Bùi Thị Kiều Linh | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài chưa cao Tính mới và sáng tạo: Nghiên cứu để có hướng giải quyết cho chương trình. - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu nghiên cứu số 1 và số 2 có thể kết hợp lại và đề tài nên chỉ có 2 mục tiêu nghiên cứu. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Có tính khoa học cao - Tính khả thi của đề tài: Đề tài có tính khả thi, có thể thực hiện được - Tính ứng dụng: Mức độ lan tỏa áp dụng trong toàn ngành khó thực hiện. - Thể thức trình bày: Bổ sung thêm trong danh mục chữ viết tắt như NMT, STI trang số 6 và sửa lỗi chính tả như bảng hỏi (bảng câu hỏi) trang số 5. | 75.5 | Khá |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|--|------------------------------|---|--------|--|---------|----------|
| 23.19.106 | Nghiên cứu hành vi nguy cơ lây nhiễm HIV ở nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới tại thành phố Huế - Năm 2019 | Trung tâm kiểm soát bệnh tật | Đoàn Chí Hiền Nguyễn Lê Tâm Võ Đăng Huỳnh Anh Lý Văn Sơn Châu Văn Thức Nguyễn Phương Huy Nguyễn Văn Mỹ Phùng Thị Bảo Châu Trần Hoài Thư Phạm Hoàng Ngọc Yến Phan Thị Diễm Ly | 2019 | Đề tài mang tính cấp thiết Đề tài mới - Mục tiêu nghiên cứu: rõ ràng, cụ thể - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: - TLTK nên sắp xếp lại cho đúng thứ tự A, B, C. - Nội dung nghiên cứu: đầy đủ - Tính cấp thiết của đề tài: Quan hệ tình dục đồng giới Nam là một hiện tượng dần khá phổ biến ở nước ta và trên địa bàn tỉnh, các nghiên cứu về nhóm này còn ít, đặc biệt về liên quan bệnh lý HIV/AIDS. | 75.0 | Khá |
| 23.19.107 | Đánh giá hiệu quả điều trị nghiện chích Heroin bằng Methadone ở tỉnh Thừa Thiên Huế từ năm 2014 -2019 | Trung tâm kiểm soát bệnh tật | Lý Văn Sơn Nguyễn Văn Mỹ Nguyễn Lê Tâm Châu Văn Thức Lương Văn Định Đoàn Chí Hiền Lê Hữu Sơn Lê Hiệp Trương Thị Mỹ Thanh Hoàng Thị Phương Nhung Lê Thanh Tùng Hoàng Thị Hiền Trang Trần Thị Hiếu Đào Thị Thanh Vân Lê Hoài Nguyên Hương | 2019 | Đề cương đạt. | 76.5 | Khá |
| 23.19.108 | Đánh giá kiến thức, thái độ và hành vi về phòng, chống HIV/AIDS của người dân từ 15 đến 49 tuổi tại tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 | Trung tâm kiểm soát bệnh tật | Nguyễn Văn Mỹ Nguyễn Đình Sơn Nguyễn Lê Tâm Đoàn Chí Hiền Lý Văn Sơn Lương Văn Định Lê Hữu Sơn Lê Hiệp Nguyễn Phương Huy Bùi Thị Kiều Linh Phạm Hoàng Ngọc Yến Trần Hoài Thư Phùng Thị Bảo Châu Phan Thị Diễm Ly Phan Minh Nhân | 2019 | Đề tài có tính cấp thiết Tính mới và sáng tạo không cao, mức độ ảnh hưởng của đề tài khó lan rộng. - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu nghiên cứu là tốt tuy nhiên có thực hiện được trên toàn tỉnh hay không? Địa bàn toàn tỉnh rất rộng - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Trong quy trình chọn mẫu chọn 30 cụm trong tỉnh Thừa Thiên Huế nếu trong cụm có những địa bàn ở những xã xa thuộc huyện A Lưới , Nam Đông...có thực hiện được không? nếu không nên chỉ tiến hành trong Thành Phố Huế và đổi tên đề tài phản tỉnh Thừa Thiên Huế thành Thành Phố Huế. - Nội dung nghiên cứu: Cần nêu rõ nội dung chi tiết. - Tính khả thi của đề tài: Địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế khá rộng, nếu thu hẹp lại địa bàn nghiên cứu sẽ có tính khả thi cao hơn. - Tính ứng dụng: Mức độ lan tỏa áp dụng trong toàn ngành khó thực hiện - Thể thức trình bày: Bổ sung thêm danh mục chữ viết tắt vì trong đề cương có thể hiện chữ viết tắt. | 75.0 | Khá |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|--|------------------------------|--|--------|--|---------|----------|
| 23.19.109 | Nghiên cứu thực trạng nhiễm giun tròn đường ruột và một số yếu tố nguy cơ liên quan đến tỷ lệ nhiễm các loại giun tròn đường ruột của học sinh tiểu học tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 | Trung tâm kiểm soát bệnh tật | Nguyễn Quốc Huy Nguyễn Bảo Trí Nguyễn Thanh Phước Tôn Nữ Phương Dung Nguyễn Chí Hùng Lê Đình Hữu Lê Thị Phương Nhi Nguyễn Thị Hằng Nguyễn Thị Phương Lan Võ Thị Hồng Ngân Hoàng Thị Thu Thương Trần Chí Thanh Hồ Đắc Thịnh Hồ Thị Minh Châu Cao Thuyết | 2019 | <p>Đề tài có liên quan công tác chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng. Rất cần thiết để nghiên cứu.</p> <p>Tính mới và sáng tạo: Ảnh hưởng lớn cho toàn tỉnh.</p> <p>- Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu nghiên cứu khá rõ ràng, cụ thể.</p> <p>- Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu phạm vi tình hình nhiễm giun của tỉnh, đối tượng nghiên cứu tập trung chỉ 03 trường tiểu học của 03 huyện trên toàn tỉnh nên tính đại diện không thuyết phục. Chọn tỷ lệ mắc tại cộng đồng bằng con số ước đoán 20% là không phù hợp.</p> <p>- Nội dung nghiên cứu: Thông tin thu thập để xác định yếu tố liên quan còn thiếu để có được kết quả nghiên cứu để đạt mục tiêu 2.</p> <p>- Đề tài rất khả thi.</p> <p>- Tính ứng dụng: ứng dụng cao trong tỉnh.</p> | 71.5 | Khá |
| 23.19.110 | Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học, sinh thái học của 2 véc-tơ chính Anopheles minimus, Anopheles dirus và tìm hiểu các yếu tố thời tiết ảnh hưởng đến sự lan truyền sốt rét ở 2 huyện miền núi Nam Đông, A Lưới thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 | Trung tâm kiểm soát bệnh tật | Lê Thị Phương Nhi Nguyễn Đình Sơn Trần Bá Nghĩa Nguyễn Bảo Trí Nguyễn Quốc Huy Lê Đình Hữu Nguyễn Chí Hùng Bùi Thị Lộc Tôn Nữ Phương Dung | 2019 | <p>Tính khả thi của đề tài: Kết quả chẩn đoán phụ thuộc kết quả xét nghiệm của các viện khu vực và Trung ương.</p> | 76.5 | Khá |
| 23.19.111 | Thực trạng căng thẳng và các yếu tố liên quan đến căng thẳng nghề nghiệp ở công nhân công ty Thủy sản Huế năm 2019 | Trung tâm kiểm soát bệnh tật | Nguyễn Thị Quỳnh Chi Hồ Xuân Vũ Hoàng Trọng Dạ Thảo Bùi Khắc Nghi Nguyễn Lê Diệu Huyền Lê Thanh Hiếu Lê Thị Phùng Mỹ Nguyễn Hữu Trí Hà Văn Hoàng Đoàn Thị Cẩm Nhung Hoàng Thị Hiền Trang | 2019 | <p>Tính cấp thiết đề tài chưa cao. Bổ sung TLTK ở mỗi số liệu nêu ra để tăng tính cấp thiết.</p> <p>Tính mới và sáng tạo: Tính mới và sáng tạo không cao, mức độ ảnh hưởng của đề tài khó lan rộng.</p> <p>- Mục tiêu nghiên cứu: - Rõ ràng, cụ thể</p> <p>- Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Phần thang đánh giá trầm cảm- lo âu - Stress (DASS 42) là quan trọng trong đề tài cần thể hiện tham khảo ở tài liệu nào và đưa vào tài liệu tham khảo để có tính khoa học, sức thuyết phục của đề tài.</p> <p>Cần bổ sung TLTK ở từng số liệu đưa ra để đảm bảo tính khoa học.</p> <p>Chưa có số lượng cỡ mẫu cụ thể.</p> <p>- Nội dung nghiên cứu: đầy đủ</p> <p>- Đề tài có tính khả thi</p> <p>- Tính ứng dụng: Mức độ lan tỏa áp dụng trong toàn ngành khó thực hiện</p> <p>- Thể thức trình bày: Bổ sung thêm danh mục chữ viết tắt vì trong đề cương có nhiều chữ viết tắt.</p> <p>Tài liệu tham khảo nên xếp theo thứ tự ABC, các tài liệu tham khảo từ số 11 đến số 17 cần thể hiện tham khảo ở trang nào trong tài liệu.</p> | 75.5 | Khá |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|--|--------------------|---|--------|--|---------|------------|
| 30.19.112 | ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ ĐAU VAI GÁY DO THOÁI HÓA CỘT SỐNG CÓ BẰNG PHƯƠNG PHÁP ĐIỆN CHÂM KẾT HỢP XOA BÓP BẨM HUYẾT TẠI KHOA YHCT-PHCN, TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ HUẾ | TTYT Thành Phố Huế | Đoàn Văn Uyển Nguyễn Đình Hoàng Lê Quý Thiếu Hải Đoàn Thị An Thủy Hồ Thị Kim Huệ Trần Cao Đoàn Trang Lê Thị Thi Ngô Thị Hằng Nguyễn Hữu Quỳnh Nhi Hứa Thị Kiều Anh Hà Anh Tú Hồ Đình Chiến Hồ Thị Thùy Nhi | 2019 | Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Cần chia 2 lô để so sánh. Cỡ mẫu = 40. Chuyên 2 nội dung cuối của mục 3.4 trang 20 thành mục 3.5. Tiêu chuẩn loại trừ. Thế thức trình bày: còn sai về chính tả | 78.5 | Khá |
| 30.19.113 | ĐÁNH GIÁ THỰC HÀNH QUY TRÌNH THAY BĂNG VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU DƯỠNG, HỘ SINH TẠI CÁC KHOA LÂM SÀNG THUỘC TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ HUẾ NĂM 2019. | TTYT Thành Phố Huế | Phan Thị Hiếu Trần Quốc Hùng Trương Đình Hải Phạm Hữu Nhân Hoàng Thị Kim Lan Võ Thị Kim Anh Nguyễn Hoài Thu Nguyễn Thị Hậu Hồ Thị Ngọc Khuê Nguyễn Thị Kim Ngân Hoàng Thị Phương Thảo Hà Anh Tú Lê Thị Diệu Huyền Võ Thị Thu Huyền Võ Hồ Linh Thy | 2019 | Tính mới và sáng tạo: Chưa có tính sáng tạo - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: PPNC trình bày lộn xộn, cần sắp xếp lại. Thời gian nghiên cứu chỉ cần ghi từ tháng 1/2019 - 11/2019. Nội dung còn lại + địa điểm nghiên cứu đưa vào phần kỹ thuật thu thập thông tin. Cỡ mẫu nghiên cứu thì chỉ đề cập đến số lượng bao nhiêu, nếu nghiên cứu toàn thể thì ước lượng là bao nhiêu. Bỏ câu "Đảm bảo thông tin thu thập trung thực, khách quan".. - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu nghiên cứu rõ, cụ thể. - Nội dung nghiên cứu: Nội dung giải quyết được mục tiêu nghiên cứu. Tuy nhiên vấn đề này không còn tính cấp thiết - Đề tài có tính khả thi. | 65.0 | Trung bình |
| 30.19.114 | Tìm hiểu kiến thức và thái độ chăm sóc thai nghén của phụ nữ từ 18 đến 45 tuổi khám tại Phòng khám đa khoa Khu vực II - Trung tâm Y tế thành phố Huế. | TTYT Thành Phố Huế | Võ Thị Kim Anh Lê Đắc Trung An Hồ Văn Thứ Lê Thị Mỹ Hạnh Nguyễn Trường An Lê Thị Anh Đào Nguyễn Thị Quý Hòa Nguyễn Hoài Thu Phan Thị Hiếu Võ Thị Anh Thư Nguyễn Thị Kim Loan Đoàn Thị Kim Nhung Lê Ngọc Diệp Anh Lê Thị Thu Thủy Cao Thị Ngọc Ánh Đàm Thị Việt Hương Trần Thị Phương Lê Thị Vinh Hoàng Phạm Vũ Hồng Loan Hoàng Nguyên Đăng Hồ Thị Ngọc Khuê | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Chăm sóc thai nghén (CSTN) là nội dung quan trọng trong chăm sóc sức khỏe sinh sản, đã có nhiều đề tài thực hiện trước đây. Hiện nay, CSTN là một phần trong chương trình Chăm sóc 1000 ngày đầu đời của trẻ trong đó BHYT đã ban hành nhiều quy trình kỹ thuật trong thực hiện chăm sóc, quản lý thai nghén, tác giả chưa đề cập nội dung này - Mục tiêu nghiên cứu: Đề nghị viết lại mục tiêu 2. Không nên viết mục tiêu là góp phần....Mục tiêu nghiên cứu thứ hai mang tính chung chung. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: - phiếu nghiên cứu thiết kế thiếu những nội dung cập nhật của BHYT - Nội dung nghiên cứu: Chưa cập nhật các nội dung, quy định mới của BHYT Tài liệu nghiên cứu trích dẫn Hướng dẫn quốc gia về CSSKSS năm 2007 là quá cũ (hiện tại 2016). | 57.5 | Trung bình |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|--|--------------------|---|--------|---|---------|----------|
| 30.19.115 | NGHIÊN CỨU TÌNH TRẠNG SUY DINH DƯỠNG Ở TRẺ EM < 5 TUỔI BỊ VIÊM PHỔI ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ TẠI TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ HUẾ NĂM 2019 | TTYT Thành Phố Huế | Nguyễn Thị Thu Nga Hoàng Nhật Lê Phan Cát Tiên Trần Ngọc Hiền Nguyễn Thị Như Liên Hồ Văn Huyền Nguyễn Thị Hoài Phương Lê Thương Nguyễn Văn Hào Võ Thị Thu Huyền Nguyễn Thị Hải Trần Thị Như Ý Phan Trần Thảo Nguyên Nguyễn Trần Uyên Nhi Nguyễn Bảo Huy Phan Thị Hiếu Nguyễn Hoài Thu | 2019 | <p>Đề tài có tính cấp thiết. Viêm phổi là bệnh thường gặp ở trẻ dưới 5 tuổi, trong đó Suy dinh dưỡng là nguyên nhân cũng là hậu quả của bệnh lý này, nghiên cứu này ít được thực hiện tại tuyến y tế cơ sở.</p> <p>Tính mới và sáng tạo: trùng lặp với các nghiên cứu trước.</p> <p>- Mục tiêu nghiên cứu: rõ ràng, cụ thể</p> <p>- Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu trong khoảng thời gian từ T1 đến Tháng 10/2019 có đảm bảo được cỡ mẫu đại diện không.</p> <p>Phương pháp nghiên cứu chọn cỡ mẫu thuận tiện không nên sử dụng.</p> <p>Mỗi số liệu nêu ra cần chú thích TLTK cụ thể.</p> <p>- Nội dung nghiên cứu: chưa đảm bảo được các mục tiêu đề ra. Cần cụ thể nội dung cho từng mục tiêu.</p> | 72.0 | Khá |
| 30.19.116 | Khảo sát kiến thức, thái độ và thực hành phòng, chống HIV/AIDS ở nhóm phụ nữ bán dâm trên địa bàn thành phố Huế năm 2019. | TTYT Thành Phố Huế | Nguyễn Vũ Nhật Chi Hồ Công Khả Phan Thị Mơ Trần Ngọc Thành Nhân Nguyễn Thị Ngọc Huyền Nguyễn Văn Diên Vân Thị Hiệp Nguyễn Thị Thu Hồng Trần Thị Sao Ly Ngô Thị Thanh Hương Phạm Xuân Hiếu Trần Thị Lý Nguyễn Thị Trà My Võ Thị Thu Vân Hoàng Thị Thúy Anh | 2019 | <p>Mục tiêu nghiên cứu:</p> <p>Có thể thay đổi mục tiêu 2 là: Tìm hiểu một số yếu tố liên quan về kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống HIV ở phụ nữ bán dâm trên địa bàn TP Huế.</p> <p>- Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Tài liệu tham khảo tác giả cần sắp xếp lại thứ tự theo vần A,B,C tên tác giả TLTK.</p> <p>- Trong nội dung nghiên cứu không thấy tác giả đề cập đến mục tiêu 2. Có nên chăng nên sửa lại mục tiêu 2 là " Tìm hiểu các yếu tố liên quan đến kiến thức thái độ thực hành của phụ nữ bán dâm tại thành phố Huế" là phù hợp hơn và dễ thực hiện. Vì mục tiêu 2 là đánh giá cả hoạt động của mạng lưới bao gồm y tế, đồng đẳng và các đoàn thể ...</p> | 77.5 | Khá |
| 30.19.117 | Đánh giá kết quả phẫu thuật thay van động mạch chủ cơ học | TTYT Thành Phố Huế | Phan Vũ Nghĩa Lộc Phạm Như Minh Trần Tấn Phan Thị Thùy Dương Đỗ Thị Tơ Trương Thị Như Ý Trần Thị Hạnh Tôn Nữ Tố Ngân Nguyễn Thị Nhật Linh Hồ Thị Cẩm Cát Đặng Mai Thùy Phương Võ Thị Thu Vân Nguyễn Hoài Thu Nguyễn Sanh Châu Nguyễn Thị Quý Hòa Hoàng Thị Ý Nhi | 2019 | <p>Tính cấp thiết của đề tài khá tốt. Tên đề tài nên thay đổi " Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, CLS và kết quả phẫu thuật ở bệnh nhân...thay van động mạch chủ...".</p> <p>Tính mới và sáng tạo: Đây là Đề tài nghiên cứu tại BVTW Huế tại khoa Ngoại Tim mạch vào thời điểm từ tháng 3/2016 đến tháng 3/2018.</p> <p>- Mục tiêu nghiên cứu: khá rõ</p> <p>- Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Cần thống nhất thời điểm nghiên cứu để phù hợp thời điểm đăng ký NCKH (theo t/g đề tài đã được nghiên cứu vào thời điểm từ tháng 3/2016 đến tháng 3/2018).</p> <p>Đề nghị chỉnh lại PPNC là: phương pháp mô tả, có can thiệp lâm sàng, theo dõi dọc và không có nhóm chứng.</p> <p>- Nội dung nghiên cứu: Khá tốt</p> <p>- Tính khả thi của đề tài: Đề tài chỉ triển khai tại BVTW Huế khảo phẫu thuật tim mạch...do đó, chỉ khai thi khi học tập hoặc công tác tại địa điểm NC.</p> <p>- Tính ứng dụng: Có tính ứng dụng tuyến Trung ương.</p> <p>- Thể thức trình bày: Thiếu biểu bảng NC.</p> | 78.5 | Khá |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|---|--------------------|--|--------|--|---------|------------|
| 30.19.118 | Đánh giá công tác nội kiểm tra chất lượng xét nghiệm một số chỉ số Hóa sinh tại Khoa Xét nghiệm – Trung tâm Y tế thành phố Huế năm 2019. | TTYT Thành Phố Huế | Nguyễn Đức Quý Trần Quốc Hùng Trương Đình Hải Nguyễn Vũ Nhật Chi Hồ Văn Huyền Hoàng Hạ Long Hoàng Thị Hải Thuận Đặng Quang Phương Phan Thị Phương Võ Thị Hồng Vân Lê Thị Ngọc Ánh Bùi Trương Thị Vinh Hà Trương Quang Thi Nguyễn Thị Thủy Dương Thanh Tùng | 2019 | Đề tài có tính cấp thiết, khả thi | 71.0 | Khá |
| 30.19.119 | Đánh giá sự hài lòng của người bệnh đến khám bệnh ngoại trú qua việc thực hành Quy tắc ứng xử của Điều dưỡng viên tại Khoa khám bệnh Trung tâm Y tế Thành phố Huế năm 2019. | TTYT Thành Phố Huế | Nguyễn Thị Hậu Phạm Hữu Nhân Hoàng Hạ Long Hoàng Thị Kim Lan Nguyễn Đình Hoàng Nguyễn Anh Tem Hồ Thị Ngọc Khuê Phan Thị Hiếu Nguyễn Thị Lan Hương Lê Diên Quang Trần Thị Mỹ Trang Nguyễn Thị Thanh Tâm Phạm Thị Mỹ Linh Nguyễn Thị Oanh Đặng Thị My | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Tên đề tài nên điều chỉnh: Đánh giá sự hài lòng của người bệnh về thực hành Quy tắc ứng xử của điều dưỡng viên tại Khoa Khám bệnh, Trung tâm Y tế TP Huế năm 2019. - Tính mới và sáng tạo: Đề tài không mới. Đã có nhiều đề tài nghiên cứu về vấn đề này. - Mục tiêu nghiên cứu: 2 mục tiêu nên điều chỉnh là: Mục tiêu 1: Đánh giá việc thực hành Quy tắc ứng xử của điều dưỡng đối với bệnh nhân tại Khoa Khám bệnh, Trung tâm Y tế TP Huế năm 2019. Mục tiêu 2: Tìm hiểu các yếu tố liên quan đến sự hài lòng của người bệnh về thực hành Quy tắc ứng xử của điều dưỡng Khoa Khám bệnh ... - Tính ứng dụng: tại đơn vị. | 74.5 | Khá |
| 30.19.120 | “Tìm hiểu kiến thức và thực hành về nuôi con bằng sữa mẹ của các bà mẹ sau sinh tại Trung tâm Y tế Thành phố Huế năm 2019” | TTYT Thành Phố Huế | Hồ Thị Ngọc Khuê Trần Quốc Hùng Trương Đình Hải Phạm Hữu Nhân Nguyễn Đình Hoàng Đặng Văn Tín Hoàng Hạ Long Nguyễn Thị Kim Ngân Nguyễn Thị Thùy Nguyễn Thị Hậu Nguyễn Thị Lan Hương Lê Diên Quang Võ Thị Thu Vân Phan Thị Hiếu Nguyễn Khắc Hoàng Chuong | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Nuôi con bằng sữa mẹ là một nội dung trong công tác chăm sóc 1000 ngày đầu đời của trẻ đã được BHYT đưa vào kế hoạch hành động, nghiên cứu về nội dung này đã có nhiều đề tài trước đây Hiện nay, thực hiện quy trình chăm sóc thiết yếu bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và ngay sau đẻ đã có tác động cải thiện tỷ lệ bà mẹ cho con bú, nhưng nghiên cứu về nội dung này chưa nhiều, tác giả nên bổ sung vào nội dung nghiên cứu để có tính cập nhật - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Đề nghị điều chỉnh lại thời gian nghiên cứu 01/2018 đến 8/2018 tại sao? Vì nghiên cứu năm 2019. - Nội dung nghiên cứu: Tác giả có cập nhật kiến thức về NCBSM tuy nhiên còn thiếu các Văn bản ban hành quy trình kỹ thuật mới đây của BHYT. | 61.5 | Trung bình |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|--|--------------------|---|--------|---|---------|----------|
| 30.19.121 | “Đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi điều trị viêm ruột thừa tại Bệnh viện thành phố Huế năm 2018 - 2019” | TTYT Thành Phố Huế | Trần Tấn Phạm Như Minh Trần Quốc Hùng Lê Diên Diễm Phan Vũ Nghĩa Lộc Võ Thị Thu Vân Phan Thị Thùy Dương Đỗ Thị Tơ Trương Thị Như Ý Nguyễn Thị Nhật Linh Tôn Nữ Tô Ngân Trần Thị Hạnh Hồ Thị Cẩm Cát Đặng Mai Thùy Phương Trần Thị Lý Trần Thị Lệ Hương Nguyễn Thị Ngân Võ Thị Kim Anh Hoàng Thị Ý Nhi | 2019 | <p>Đề tài có tính cấp thiết phù hợp với bệnh nhân đến khám và điều trị tại TTYT huyện</p> <p>Nên đề tên đề tài “tại Trung tâm Y tế thành phố Huế”.</p> <p>- Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu nghiên cứu khá rõ ràng và phù hợp với nhu cầu của người bệnh và năng lực chuyên môn của TTYT huyện.</p> <p>- Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Đề nghị chỉnh lại Phương pháp NC là: Phương pháp mô tả, theo dõi dọc, có can thiệp lâm sàng, không có nhóm chứng.</p> <p>- Nội dung nghiên cứu: Tác giả cần lượng hóa các tiêu chí để đánh giá cụ thể kết quả phẫu thuật nội soi RTV cấp.</p> <p>- Tính khả thi của đề tài: Mức độ lan tỏa chi tại đơn vị.</p> <p>Tài liệu tham khảo bằng tiếng Việt về kỹ thuật này còn quá ít.</p> | 77.5 | Khá |
| 30.19.122 | Đánh giá kết quả điều trị phẫu thuật chỉnh hình gãy xương chính mũi phối hợp chấn thương đầu cổ | TTYT Thành Phố Huế | Nguyễn Duy Huy Trần Quốc Hùng Phạm Hữu Nhân Lê Diên Diễm Hoàng Thị Kim Lan Nguyễn Thị Như Ngọc Nguyễn Ngọc Hoàng Đặng Thị Thúy Vân Lê Thị Diệu Huyền Phan Thị Hiếu Hồ Ngọc Thu Hương Phạm Thị Minh Ngọc Nguyễn Trần Hoàng Anh Lê Đức Anh Nguyễn Hoài Thu | 2019 | <p>Tính cấp thiết của đề tài: Tính cấp thiết đề tài chưa cao.</p> <p>- Tính mới và sáng tạo: Tính mới và sáng tạo không cao, đã có nhiều nghiên cứu về vấn đề này.</p> <p>- Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Phần đối tượng nghiên cứu ở mục 2.2.1 là bệnh nhân tại Bệnh viện Trường Đại Học Y Dược Huế và Bệnh viện trung ương Huế nhưng ở phần 2.1.3 Tiêu chuẩn chọn bệnh nhân là bệnh nhân điều trị tại Bệnh viện Thành Phố Huế.</p> <p>Nêu rõ địa điểm nghiên cứu. Xem xét bổ sung X quang vào phương tiện nghiên cứu.</p> <p>- Tính khả thi của đề tài: Đề tài có tính khả thi, có thể thực hiện được.</p> <p>- Tính ứng dụng: Mức độ lan tỏa áp dụng trong toàn ngành khó thực hiện.</p> <p>- Thể thức trình bày: Thể thức trình bày khá tốt. Cần bổ sung thêm danh mục chữ viết tắt vì trong đề cương có chữ viết tắt như SOM trang 16...</p> | 72.5 | Khá |
| 30.19.123 | ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GÂY MÊ NỘI KHÍ QUẢN TRONG PHẪU THUẬT NỘI SOI Ở BỤNG TẠI TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ HUẾ NĂM 2019 | TTYT Thành Phố Huế | Lê Diên Diễm Trần Quốc Hùng Trương Đình Hải Lê Diên Quang Phạm Hữu Nhân Nguyễn Xuân Hà Hoàng Văn Tân Nguyễn Khoa Hiếu Nguyễn Thị Lan Hương Huỳnh Thị Hiếu Đoàn Vĩnh Minh Trang Hoàng Thị Mỹ Linh Võ Thị Thu Vân Nguyễn Thị Khánh Ngọc Dương Thị Ngọc Quý Trần Thị Lệ Hương | 2019 | <p>Đề tài có tính cấp thiết phù hợp với bệnh nhân đến khám và điều trị tại TTYT huyện.</p> <p>- Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu nghiên cứu rõ ràng, cụ thể và phù hợp</p> <p>- Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Ở phần đánh giá mức độ đau sau mổ theo thang điểm VAS nên chú thích theo tác giả và tài liệu tham khảo nào để có sức thuyết phục về tính khoa học của phương pháp nghiên cứu</p> <p>- Nội dung nghiên cứu: Nội dung nghiên cứu rõ ràng, hợp lý</p> <p>- Tính khả thi của đề tài: Đề tài có tính khả thi, có thể thực hiện được</p> <p>- Thể thức trình bày: Phần tổng quan tài liệu quá dài so với quy định</p> <p>Phần các mục tiêu ở trang 4 nên đánh số mục tiêu 1, 2 thay vì 2 dấu gạch ngang.</p> | 78.0 | Khá |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|--|---------------------|---|--------|---|---------|------------|
| 30.19.124 | Nghiên cứu một số yếu tố ảnh hưởng và kết quả xử trí giai đoạn 2 chuyển dạ ở sản phụ sinh con so tại trung tâm y tế Thành phố Huế | TTYT Thành Phố Huế | Trần Ngọc Tần Quyên Trương Đình Hải Đặng Văn Tín Võ Văn Minh Quang Đậu Quý Khôi Nguyễn Thị Kim Ngân Nguyễn Trần Nhật Hạnh Phan Thị Thanh Tâm Nguyễn Thị Thùy Nguyễn Thị Diễm Hằng Phan Thị Hồng Hạnh Võ Thị Thu Vân | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Đề tài nêu được tính cấp thiết. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Phương pháp nghiên cứu chưa rõ ràng Bộ câu hỏi chưa đủ, cũng như một số câu thiếu trọng tâm nội dung nghiên cứu. - Nội dung nghiên cứu: Chưa hợp lý trong phần nội dung nghiên cứu và phân đánh giá - Thể thức trình bày: Sai chính tả nhiều, phong chữ không đồng nhất, trình bày chưa rõ ràng. | 72.0 | Khá |
| 30.19.125 | Đánh giá hiệu quả điều trị bệnh hạt cơm bằng phương pháp đốt điện cao tần tại khoa khám bệnh Trung tâm y tế thành phố Huế năm 2019 | TTYT Thành Phố Huế | Hoàng Hạ Long Nguyễn Anh Tem Nguyễn Đức Quý Hoàng Thị Kim Lan Trần Thị Ngọc Phúc Nguyễn Thị Hồng Minh Nguyễn Thị Kim Chi Nguyễn Thị Hiền Phạm Thị Mỹ Linh Nguyễn Thị Oanh Lê Thị Hương Giang Nguyễn Thị Hậu Đặng Thị Mỹ Lê Thị Diệu Trang Lê Thị Tâm Hoàng Thị Xuân Đào Thị Mỹ Nhung Duong Thị Cẩm Tú Hoàng Thị Yến Linh | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Đề tài có tính cấp thiết chưa cao. Tính mới và sáng tạo: Tính mới và sáng tạo không cao, mức độ ảnh hưởng của đề tài khó lan rộng - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Phần tiêu chuẩn chẩn đoán ở mục 3.1 nên nên đưa ra rõ các tiêu chuẩn thể nào và chú thích dựa theo tài liệu tham khảo nào để có tính khoa học và sức thuyết phục - Tính khả thi của đề tài: Đề tài có tính khả thi, có thể thực hiện được - Tính ứng dụng: Mức độ lan tỏa áp dụng trong toàn ngành khó thực hiện - Thể thức trình bày: Bổ sung thêm danh mục chữ viết tắt vì có chữ viết tắt thể hiện trong đề cương ví dụ như SAL trang 7 Sửa lỗi chính tả ví dụ như phần trang 7, da lều trang 7,9... Tài liệu tham khảo nên sắp xếp theo thứ tự ABC, tài liệu tham khảo số 18,19 cần thể hiện tham khảo ở trang nào? | 73.0 | Khá |
| 25.19.126 | Khảo sát thực trạng giao tiếp ứng xử của nhân viên y tế với người bệnh đang điều trị nội trú tại Khoa Ngoại Sản, Trung Tâm y tế huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 | TTYT huyện Nam Đông | Diệp Thị Vân Hồ Thu Nguyễn Ngọc Thích Võ Phi Long Nguyễn Thị Kiều Nguyễn Hữu Can Trần Thị Xuân Thùy Hoàng Mạnh Tran Thị Thín Nguyễn Công Trường Phan Thị Thanh Nguyễn Thị Thanh Tâm Đào Thị Thu Thùy Phạm Thị Thảo Hồ Thị Thủy Ngân Nguyễn Thị Kim Ngọc Nguyễn Thị Thanh Thùy Lê Khánh Duy Nguyễn Thị Lan Lê Thị Ngọc Cẩm Nguyễn Thị Thùy My Trần Thị Ánh Nguyễn Văn Huy Nguyễn Trung Thành Nguyễn Thị Liên | 2019 | Đề tài có tính cấp thiết Tính mới và sáng tạo: Đã có nhiều đề tài nghiên cứu về vấn đề này. - Mục tiêu nghiên cứu: 2 mục tiêu chưa cụ thể, MT2 đưa vào kiến nghị, cần viết lại 2 mục tiêu là: MT1: Thực trạng giao tiếp ứng xử của nhân viên y tế đối với người bệnh tại Khoa Ngoại - Sản, TTYT Nam Đông. MT2: Tìm hiểu các yếu tố liên quan đến kỹ năng giao tiếp ứng xử đối với người bệnh của nhân viên y tế trên. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Cần dự kiến cỡ mẫu n=?. Xem lại phương pháp nghiên cứu. - Nội dung nghiên cứu: Cần mở rộng nội dung nghiên cứu và cả quá trình điều trị tại TTYT không nên chỉ tập trung một khoa. Thời gian nghiên cứu chưa phù hợp, vì cuối tháng 11 đã nộp đề tài cho HĐKHKT ngành. - Đề tài khả thi - Tính ứng dụng tại đơn vị. - Thể thức trình bày: TLTK viết chưa đúng. | 68.5 | Trung bình |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|--|---------------------|---|--------|--|---------|----------|
| 25.19.127 | Nghiên cứu hiệu quả điều trị bệnh thoái hóa cột sống thắt lưng bằng điện châm kết hợp với siêu âm điều trị tại Trung tâm Y tế huyện Nam Đông năm 2019. | TTYT huyện Nam Đông | Nguyễn Khắc Tân Hồ Thu Nguyễn Ngọc Thích Võ Phi Long Nguyễn Thị Kiều Hồ Thị Thúy Ngân Nguyễn Thị Kim Diệu Trần Thị Xuân Thùy Trần Thị Minh Thúy Trần Thị Hương Nguyễn Trọng Tấn Nguyễn Duy Đức Nguyễn Công Trường Nguyễn Thị Thanh Tâm Đoàn Thị Kim Sơn Nguyễn Thị Lan Hoàng Thị Nga Võ Văn Trình Mai Thị Thiên Trang Nguyễn Trọng Tài Nguyễn Thị Ánh Hồng Nguyễn Thị Thu Thùy Hồ Thị Mộng | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Cần thiết để nghiên cứu. - Tính mới và sáng tạo: trong tình - Mục tiêu nghiên cứu: rõ ràng - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu phù hợp. Căn so sánh 2 lô. Căn có đạt cỡ mẫu mỗi lô = 40 - Nội dung nghiên cứu: Giải quyết được các mục tiêu. - Đề tài khả thi. | 78.5 | Khá |
| 25.19.128 | Nghiên cứu tỷ lệ rối loạn lo âu và các yếu tố liên quan ở người cao tuổi huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 | TTYT huyện Nam Đông | Hồ Thị Thúy Ngân Hồ Thu Võ Phi Long Nguyễn Ngọc Thích Nguyễn Thị Kiều Nguyễn Duy Đức Nguyễn Công Trường Võ Văn Trình Phan Thị Thanh Hồ Việt Thoại Nguyễn Trung Thành Nguyễn Thị Thanh Tâm Lê Thị Nhã Ái Trương Thị Phượng Mai Thị Phương Loan Nguyễn Thị Diệu Hiền Đặng Thị Mỹ Châu Đình Thị Thế Nguyễn Văn Cầu Trần Thị Minh Thúy Nguyễn Thị Ngân Vân Thị Thanh Hương Nguyễn Khắc Tân Dương Thị Thanh Thùy Hồ Thị Thu Thanh Phạm Ngọc Mai | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Đề tài nghiên cứu tỷ lệ rối loạn lo âu và các yếu tố liên quan của người cao tuổi. Đề tài phân tích tỷ lệ qua đó đưa ra nguyên nhân để có hướng nâng cao chất lượng cuộc sống của người cao tuổi. Tính mới và sáng tạo: Đề tài nghiên cứu có đưa ra được số liệu sẽ làm cơ sở cho các nghiên cứu chuyên sâu. Đưa ra các giải pháp cũng như cải thiện chất lượng cuộc sống của người cao tuổi. - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu rõ ràng, cụ thể. Phù hợp với bối cảnh đề tài đưa ra. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Phương pháp nghiên cứu cần ghi rõ phương pháp nào? ví dụ: Phương pháp định tính, định lượng..... Từ 3 xã đã chọn, phân bố đối tượng nghiên cứu cho từng xã theo số đối tượng NCT, tiếp đó sẽ chọn ngẫu nhiên đơn trên danh sách đối tượng của mỗi xã - Nội dung nghiên cứu: Tương đối đầy đủ và phù hợp với mục tiêu nghiên cứu đưa ra. - Tính khả thi của đề tài: Có tính khả thi. - Tính ứng dụng: Có tính ứng dụng cấp ngành. - Thể thức trình bày: Tương đối. | 77.5 | Khá |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|---|---------------------|---|--------|---|---------|----------|
| 25.19.129 | Nghiên cứu tình hình tử vong do các bệnh không lây nhiễm tại địa bàn huyện miền núi Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế, từ năm 2015 đến năm 2019 | TTYT huyện Nam Đông | Nguyễn Ngọc Thích Hồ Thu Võ Phi Long Hồ Thị Thủy Ngân Nguyễn Thị Thanh Tâm Trần Hoài Lâm Mai Thị Hồng Nhung Diệp Thị Vân Nguyễn Thị Nga Hoài Thị Di Ngô Thị Đài Trang Trần Thị Minh Thúy Đương Thị Thanh Thủy Nguyễn Thị Kiều Hoàng Mạnh Trương Thị Hồng Hạnh Mai Thị Phương Loan Nguyễn Duy Đức Phan Thị Thanh Nguyễn Công Trường Lê Thị Ngọc Cẩm Đoàn Xuân Minh Nguyễn Văn Cường Vương Thị Kim Chi | 2019 | Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Tài liệu tham khảo quá cũ và thiếu các TLTK liên quan cần bổ sung. Nhiều số liệu báo cáo trích dẫn không chú thích TLTK tác giả cần bổ sung. Cần áp dụng tiêu chuẩn chẩn đoán bệnh và tử vong theo ICD - 10. Không có Phiếu thu thập số liệu ở phụ lục cần bổ sung. | 77.5 | Khá |
| 25.19.130 | Nghiên cứu thực trạng bệnh đái tháo đường điều trị nội trú, ngoại trú và các yếu tố liên quan tại TTYT Nam Đông | TTYT huyện Nam Đông | Võ Văn Trinh Lê Thị Nhã Ái Hồ Thu Nguyễn Ngọc Thích Đình Thị Thế Trần Thị Minh Thúy Nguyễn Khắc Tân Đặng Thị Mỹ Châu Trần Thị Xuân Thủy Võ Thị Tri Võ Thị Trung Nguyễn Công Trường Nguyễn Văn Cường Nguyễn Duy Đức Hoàng Dũng Nguyễn Thị Diệu Hiền Văn Thị Thanh Hương Mai Thị Phương Loan Nguyễn Thị Kiều Võ Phi Long Phạm Ngọc Mai | 2019 | Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Nên cập nhật tiêu chuẩn chẩn đoán ĐTĐ của ADA 2016 (tác giả lấy ADA 1997) | 71.0 | Khá |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|---|---------------------|--|--------|---|---------|------------|
| 25.19.131 | Nghiên cứu các yếu tố liên quan đến bệnh viêm phổi ở trẻ em dưới 60 tháng tuổi vào điều trị nội trú tại khoa Nội - Nhi - Truyền nhiễm, Trung tâm Y tế huyện Nam Đông năm 2019 | TTYT huyện Nam Đông | Trần Thị Minh Thúy Hồ Thu Nguyễn Ngọc Thích Võ Phi Long Hồ Thị Mộng Hồ Thị Êm Hồ Thị Thúy Ngân Mai Thị Thiên Trang Phạm Ngọc Mai Trần Thị Xuân Thủy Nguyễn Khắc Tân Nguyễn Trọng Tấn Nguyễn Trọng Tài Nguyễn Thị Diệu Hiền Trần Thị Hương Hoàng Thị Nga Đoàn Thị Kim Sơn Nguyễn Thị Lan Đình Văn Phong Nguyễn Thị Ánh Hồng Lê Thị Vinh | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Cần thiết để nghiên cứu đề tài này. Tính mới và sáng tạo: Ảnh hưởng tốt công việc chuyên môn BV. - Mục tiêu nghiên cứu: rõ ràng - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Đối tượng phù hợp theo chương trình nhiễm khuẩn HHCTTE. - Nội dung nghiên cứu: Mục tiêu 2 không cần thiết vì đó là đề xuất. - Đề tài khá thi. | 70.5 | Khá |
| 25.19.132 | Đánh giá sự hài lòng của người bệnh đến khám và điều trị ngoại trú, về chất lượng dịch vụ y tế tại Trung tâm Y tế Nam Đông năm 2019 | TTYT huyện Nam Đông | Nguyễn Thị Lan Hồ Thu Võ Phi Long Nguyễn Ngọc Thích Nguyễn Duy Đức Trần Thị Minh Thúy Nguyễn Hữu Can Hoàng Mạnh Nguyễn Thị Kiều Trần Thị Xuân Thủy Nguyễn Thị Kim Ngọc Trần Hoài Lâm Mai Thị Hồng Nhung Nguyễn Thị Thanh Tâm Hoàng Thị Thu Hiền Đoàn Xuân Minh Trần Thị Hương Nguyễn Trọng Tấn Nguyễn Khắc Tân Nguyễn Trọng Tài Nguyễn Thị Ánh Hồng Lê Thị Nhã Ái Phan Thị Thanh Nguyễn Trung Thành Nguyễn Công Trường | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Việc khảo sát, lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người bệnh ngoại trú và nội trú (theo mẫu của Bộ Y tế) là công việc bắt buộc phải làm hàng năm của các bệnh viện theo quy định của Bộ Y tế - Tính mới và sáng tạo: Lấy ý kiến đánh giá của người bệnh ngoại trú (theo mẫu của Bộ Y tế) là công việc bắt buộc phải làm hàng năm của các bệnh viện theo quy định của Bộ Y tế - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Khảo sát 400 trên khoảng bình quân 13 ngàn lượt bệnh nhân ngoại trú/năm. Tuy nhiên nhóm nghiên cứu không có phương pháp chọn mẫu phù hợp. - Tính ứng dụng: Trong phạm vi bệnh viện. | 67.5 | Trung bình |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|---|-----------------------|--|--------|--|---------|----------|
| 12.19.133 | Khảo sát nhu cầu được giáo dục về sức khỏe sinh sản của học sinh một số trường trung học phổ thông tại tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 | Chi cục dân số KHHGD | Nguyễn Văn Toàn Phan Duy Hiền Tôn Thất Chiểu Lê Đức Hy Bạch Thị Thủy Nguyễn Anh Vũ Nguyễn Anh Đức Hoàng Thị Kim Cúc Nguyễn Thị Hà Trương Thị Xuân Thy Nguyễn Thuý Dung Nguyễn Văn Mẫn | 2019 | <p>Tính cấp thiết của đề tài: Vấn đề nghiên cứu là cấp thiết, phù hợp đối với địa phương nghiên cứu. Tuy nhiên cần mở rộng nội dung nghiên cứu là nghiên cứu kiến thức, thái độ, hành vi và nhu cầu về sức khỏe sinh sản của học sinh THPT vì bộ câu hỏi đầy đủ các phân khai thác về các vấn đề đó.</p> <p>Cần đưa ra con số cụ thể về kiến thức, thái độ và hành vi về sức khỏe sinh sản của học sinh phổ thông cũng như nhu cầu để thuyết phục hơn.</p> <p>- Tính mới và sáng tạo: Đề tài đã được thực hiện trước đây như ThS Hoàng Thị Tâm (2003), Diệp Từ Mỹ (2010).</p> <p>- Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu nghiên cứu cụ thể, tuy nhiên cần thay đổi lại, Mục tiêu 2 không cần thiết vì đề xuất sẽ được đưa trong phần Kiến nghị.</p> <p>1. Khảo sát kiến thức, thái độ, hành vi và nhu cầu về sức khỏe sinh sản của học sinh THPT tỉnh Thừa Thiên Huế. 2. Tìm hiểu một số yếu tố liên quan ảnh hưởng đến kiến thức, thái độ, hành vi và nhu cầu về sức khỏe sinh sản của học sinh THPT tỉnh Thừa Thiên Huế.</p> <p>- Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu THPT đã được tiến hành trước đây, nếu có thể, nên mở rộng đối tượng THCS.</p> <p>Phương pháp và các luận cứ khoa học..</p> <p>- Nội dung nghiên cứu phù hợp với mục tiêu nghiên cứu. Các biến số được trình bày đầy đủ và có đưa ra tiêu chuẩn đánh giá.</p> <p>Phần chọn mẫu cần cụ thể chọn mẫu nhiều giai đoạn: + Bước 1: Chọn vùng địa lý + Bước 2: Chọn trường trong từng vùng theo phương pháp ngẫu nhiên + Bước thứ 3: Chọn lớp + Bước thứ 4: Chọn học sinh</p> <p>Phần phỏng vấn: Cần tổ chức phỏng vấn 1:1 trong phòng kín thay cho phát phiếu học sinh tự điền để học sinh mạnh dạn trả lời và có thể khai thác sâu các câu hỏi mở.</p> <p>Tên đề tài và mục tiêu nghiên cứu chi bản về nhu cầu giáo dục về sức khỏe sinh sản của học sinh tuy nhiên bộ câu hỏi thì khai thác về kiến thức, thái độ và hành vi của học sinh về sức khỏe sinh sản.</p> <p>- Tính khả thi của đề tài: có - Tính ứng dụng: mức ngành</p> | 70.5 | Khá |
| 12.19.134 | Đánh giá tỷ số giới tính khi sinh tại Thừa Thiên Huế giai đoạn 2017 - 2018 | Chi cục dân số KHHGD | Tôn Thất Chiểu Nguyễn Văn Toàn Hoàng Thanh Phi Trần Thị Lệ Minh Phan Thị Phúc Trương Nguyễn Khánh Chi Nguyễn Thị Bạch Tuyết Ngô Phước Tú Nguyễn Quang Định Võ Thị Bích Trần Mai Hương Nguyễn Thị Phương Khuyến Đặng Nguyễn Xuân Quang Phan Mậu Dương | 2019 | <p>Tính cấp thiết của đề tài: Mất cân bằng giới tính khi sinh là vấn đề được quan tâm nhiều trong chiến lược phát triển, nhiều đề tài đã thực hiện nội dung này trong 3-5 năm qua.</p> <p>- Mục tiêu nghiên cứu: Đề nghị viết lại mục tiêu 2. Vì nghiên cứu toàn tỉnh, nhưng tìm hiểu lại các xã vùng biên.</p> | 70.0 | Khá |
| 01.19.135 | Đánh giá hiệu quả điều trị của bài thuốc Quy tỷ thang trong điều trị bệnh mắt ngứa tại Bệnh viện Đa khoa Chân Mây | Bệnh viện ĐK Chân Mây | Nguyễn Như Bảo Thiện Hoàng Văn Thám Đình Ngọc Anh Phạm Thị Thanh Tâm Trần Ngọc Hương | 2019 | <p>Đề tài có tính cấp thiết.</p> <p>- Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: ác giả chọn 100 mẫu không giải thích lý do vì sao</p> <p>- Tính khả thi của đề tài: Đề tài khó có tính khả thi.</p> <p>- Thể thức trình bày: Tài liệu tham khảo ghi chưa đúng.</p> | 76.5 | Khá |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|--|---------------------------|---|-------------|--|---------|----------|
| 01.19.136 | Khảo sát kiến thức của bà mẹ về chăm sóc trẻ sốt tại bệnh viện Đa khoa Chân Mây. | Bệnh viện ĐK Chân Mây | Ngô Văn Dũng Hoàng Văn Thám Trần Toàn Đương Thị Lại Tôn Nữ Thanh Thủy Võ Thị Thu Thủy Bùi Thị Mỹ Thu | 2019 | <p>Đề tài có tính cấp thiết giải quyết được các vấn đề về chăm sóc sức khỏe cộng đồng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính mới và sáng tạo: Mức độ ảnh hưởng phạm vi cấp ngành, cộng đồng. <p>Có nhiều nghiên cứu trước về lĩnh vực này.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu 2 cần nói rõ, xác định các yếu tố liên quan. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Tiêu chuẩn loại trừ bệnh nhi không sốt là không đúng. Nên nói rõ cách chọn mẫu, phương pháp chọn mẫu thế nào để đủ mẫu. - Nội dung nghiên cứu: Nên bổ sung tuổi của trẻ. Các biện pháp hạ sốt phù hợp sử dụng cho trẻ. <p>Bổ sung một số yếu tố liên quan cần khai thác để giải quyết mục tiêu 2.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề tài có tính khả thi. - Tính ứng dụng: Có tính ứng dụng, lan toả trong đơn vị, ngành và chăm sóc sức khỏe cộng đồng. - Thể thức trình bày: Nhiều lỗi chính tả <p>Đề cương không trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo.</p> | 75.0 | Khá |
| 10.19.137 | Khảo sát sự tuân thủ sử dụng thuốc của bệnh nhân có tăng huyết áp đang điều trị tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Thừa Thiên Huế. | Bệnh viện Y học Cổ Truyền | Trương Như Hải Quý Nguyễn Thị Mỹ Linh Trần Thị Thúy Duyên Trương Thị Thoa | 2019 | <p>Tính cấp thiết của đề tài: Tính cấp thiết của đề tài chưa cao.</p> <p>Tính mới và sáng tạo: Tính mới và sáng tạo không cao, đã có nhiều đề tài nghiên cứu tương tự.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu nghiên cứu: Phần mục tiêu thứ 2 nên ngắn gọn hơn. - Tính khả thi của đề tài: Đề tài có tính khả thi, có thể thực hiện được - Tính ứng dụng: Mức độ lan toả áp dụng trong toàn ngành khó thực hiện. - Thể thức trình bày: Thể thức trình bày chưa theo mẫu quy định của đề cương, nên đóng thành 1 quyển, kế hoạch thực hiện chưa theo biểu đồ gantt. <p>Khi thể hiện phác đồ điều trị nên bỏ trí trong 1 trang để dễ theo dõi ví dụ Hướng dẫn điều trị THA của Hội tim mạch Việt nam ở trang 6 nên cho sang trang 7 luôn.</p> | 77.0 | Khá |
| 10.19.138 | “Đánh giá phương pháp chườm Ngải hồ trợ trong điều trị bệnh lý thoái hóa cột sống thắt lưng tại Bệnh viện Y học cổ truyền năm 2019-2020” | Bệnh viện Y học Cổ Truyền | Phan Thị Thanh Nhân Trần Đức Sáo Huỳnh Văn Minh Lê Chí Thuần Trần Giao Lê Công Danh Nguyễn Thị Thanh Hoa Bửu Huyền Hạnh Định Thị Xuân An Vũ Tuấn Anh Hồ Thị Thùy Bình Nguyễn Thị Hiền Lê Ngọc Quang Đoàn Xuân Thìn Trần Thị Mỹ Trần Thị Mỹ Liên Nguyễn Thị Ni Na Trần Thị Tư Phạm Thành Phi Đương Thị Hoài Hương Hồ Đăng Phương Thảo Hồ Thị Hồng Quế | 2019 - 2020 | <p>Tính cấp thiết của đề tài: Đặt vấn đề rõ ràng, mạch lạc. Tuy nhiên, phần tổng quan tài liệu viết quá dài so với quy định của 1 đề cương nghiên cứu cấp ngành.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính mới và sáng tạo: Có ý nghĩa thống kê cho các nghiên cứu về sau. - Mục tiêu nghiên cứu: rõ ràng - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu đạt yêu cầu - Nội dung nghiên cứu: Giải quyết được nội dung nghiên cứu. Nội dung nghiên cứu chưa thực sự bám sát vào mục tiêu nghiên cứu. - Đề tài khả thi. - Tính ứng dụng: Có tính ứng dụng cấp ngành. - Thể thức trình bày: Chưa đúng quy định theo mẫu đưa ra. (Phần tổng quan tài liệu viết quá dài). | 75.5 | Khá |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|---|---------------|---|-------------|---|---------|------------|
| 06.19.139 | Đánh giá tuân thủ vệ sinh tay của nhân viên y tế tại Bệnh viện Mắt Huế năm 2019 | Bệnh viện Mắt | Lê Thị Thùy Trang Hồ Hoàng Phương Thảo Võ Nguyễn Thị Thùy Tiên | 2019 | Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Cần phân bổ các mẫu cho các khoa cả bệnh viện để đánh giá, so sánh. Nội dung nghiên cứu: Chưa giải quyết mục tiêu 2. | 75.0 | Khá |
| 06.19.140 | Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và kết quả phẫu thuật mộng thịt tại bệnh viện Mắt Huế | Bệnh viện Mắt | Trần Sĩ Phước Tôn Tuấn Phong Nguyễn Thị Quý Trần Thị Dung Trần Sĩ Phước | 2019 - 2020 | Tính cấp thiết của đề tài: Có ý nghĩa thực tiễn. Phù hợp với định hướng phát triển của đơn vị. Tên đề tài nên cụ thể để phù hợp đối tượng nghiên cứu phẫu thuật mộng thịt bằng phương pháp ghép kết mạc tự thân. - Tính mới và sáng tạo: Đề tài đã có nhiều tác giả nghiên cứu. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Không nêu tiêu chuẩn lựa chọn. - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu nghiên cứu khá rõ ràng và phù hợp với nhu cầu của người bệnh - Nội dung nghiên cứu: Phần nội dung nghiên cứu, Bệnh nhân trong 2 lô khảo sát nghiên cứu điều được theo dõi trong thời gian 6 tháng. Nhưng tác giả không nói rõ 2 lô khảo sát là gì. Chưa nêu phương tiện nghiên cứu Chưa nêu cụ thể phương pháp tính toán Chưa nêu cụ thể tiêu chí đánh giá lâm sàng, sau phẫu thuật. Thế thức trình bày: Bổ sung phiếu NC. | 73.0 | Khá |
| 06.19.141 | Đánh giá tình hình nhiễm virus viêm gan B ở bệnh nhân đến phẫu thuật tại Bệnh viện Mắt Huế năm 2019. | Bệnh viện Mắt | Nguyễn Chiến Thắng Trương Thị Hồng Phương | 2019 | Mục tiêu nghiên cứu: Hai mục tiêu cần bổ sung thêm "năm 2019" vào. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Cần bổ sung công thức tính cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu theo quy định vì đây là nghiên cứu cắt ngang. Xem lại phương pháp nghiên cứu khoa học: Đề tài không có cỡ mẫu. Mục tiêu 2: "Nghiên cứu các yếu tố liên quan, nhưng trong nội dung nghiên cứu không biết là yếu tố gì". - Tài liệu tham khảo quá cũ và thiếu các TLTK liên quan đến chẩn đoán xét nghiệm của Bộ y tế tác giả cần bổ sung. - Thiếu các nội dung, biến số nghiên cứu của mục tiêu 2 để tìm các yếu tố liên quan. - Thiếu các nội dung nghiên cứu của mục tiêu 2 trong phiếu điều tra. | 63.5 | Trung bình |
| 06.19.142 | Nghiên cứu kết quả điều trị đục thể thủy tinh căng phòng tăng nhãn áp tại Bệnh viện Mắt Huế | Bệnh viện Mắt | Nguyễn Thị Thanh Trúc Phạm Minh Trường Nguyễn Thế Hùng Nguyễn Thị Thanh Thúy Phan Thị Thanh Thanh | 2019 - 2020 | Tính cấp thiết của đề tài: Khá tốt. Phù hợp với định hướng phát triển của đơn vị. Tính mới và sáng tạo: Không mới, ít sáng tạo, chưa nêu các nghiên cứu trong nước và ở nước ngoài về lĩnh vực liên quan. không trùng lặp với các đề tài nghiên cứu trước đây - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu nghiên cứu khá rõ ràng, cụ thể. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Cỡ mẫu nhỏ. - Nội dung nghiên cứu: Nội dung nghiên cứu đủ và hợp lý để đạt mục tiêu - Tính ứng dụng: Áp dụng trong ngành. | 78.0 | Khá |
| 06.19.143 | Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và các tổn hại chức năng mắt của lệ biểu hiện ở trẻ em tại Bệnh viện Mắt Huế năm 2019-2020 | Bệnh viện Mắt | Hồ Hoàng Phương Thảo Dương Nguyễn Thanh Sơn Nguyễn Thị Hòa Lê Thị Thùy Trang Dương Thị Mên Võ Nguyễn Thị Thùy Tiên Lê Văn Hòa | 2019 - 2020 | Tính cấp thiết của đề tài: Tật Lệ mắt là khá phổ biến ở trẻ và có thể gây nhiều biến chứng cho trẻ, ảnh hưởng đến sinh lý, sức khỏe và tinh thần. Ít có nghiên cứu về lĩnh vực này được báo cáo. | 77.0 | Khá |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|---|---------------|---|-------------|---|---------|------------|
| 06.19.144 | Nghiên cứu tình hình thực hiện nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 giai đoạn 2012-2018 và đề ra các giải pháp để thực hiện tự chủ chi thường xuyên theo nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ giai đoạn 2019-2020 tại Bệnh viện Mắt Huế | Bệnh viện Mắt | Nguyễn Thanh Tiến Phạm Minh Trường Nguyễn Thị Kim Hồng Nguyễn Thị Hòa Nguyễn Thị Như Mai Nguyễn Thúc Phương Anh Nguyễn Vũ Hồng Ân | 2019 - 2020 | <ul style="list-style-type: none"> - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Đề nghị tác giả: - Tìm hiểu các đề tài nghiên cứu tương tự trong ngành (kể cả luận văn cao học) - Xác định rõ đối tượng nghiên cứu: mang tính lý luận = “...tập trung nghiên cứu các giải pháp” khác với tên đề tài “Nghiên cứu tình hình thực hiện...” chỉ rõ đối tượng nghiên cứu phải là: <p>1) Các báo cáo tài chính của Bệnh viện Mắt Huế qua các năm 2012-2018 và đối chiếu với Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị được lập và phê duyệt theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ kết quả đạt được cùng với đánh giá sự phát triển của đơn vị trên các mặt</p> <p>2) Nghị định 16/2015NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định rõ mục tiêu mục tiêu nghiên cứu: mục tiêu không phải là đề xuất... - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: - Đối tượng nghiên cứu cụ thể rất phù hợp với thực tế tại đơn vị. - Cần nêu được phương pháp nghiên cứu và phương pháp tính toán cụ thể hơn. | 68.0 | Trung bình |
| 06.19.145 | Đánh giá kết quả điều trị đục thể thủy tinh bằng phẫu thuật Phaco trên mắt đồng tử kém giãn có can thiệp tại bệnh viện Mắt Huế | Bệnh viện Mắt | Lê Thị Mỹ Hạnh Nguyễn Thế Hùng Lương Thanh Sơn Châu Việt Hòa Lê Trương Phương Anh Nguyễn Thị Như Trang | 2019 - 2020 | <p>Tính cấp thiết của đề tài: Đề tài có tính cấp thiết phù hợp với nhu cầu của bệnh nhân đến khám và điều trị tại Bệnh viện chuyên khoa Mắt.</p> <p>Nên đưa thời gian nghiên cứu vào tên đề tài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính mới và sáng tạo: có nhiều tính mới - Mục tiêu nghiên cứu: rõ, khả thi cao - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Chưa xây dựng Tiêu chí đánh giá kết quả cụ thể để lượng giá hóa về kỹ thuật áp dụng mang lại. | 78.0 | Khá |
| 06.19.146 | Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và nguyên nhân gây bệnh của bệnh lý xuất huyết dưới võng mạc trên OCT-A tại Bệnh viện Mắt Huế năm 2019-2020 | Bệnh viện Mắt | Phan Thị Thanh Thanh Lê Thị Thùy Trang Nguyễn Thị Thanh Thúy Trần Hoàng Cẩm | 2019 - 2020 | <p>Đề tài có tính cấp thiết, có tính mới và sáng tạo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu nghiên cứu: mục tiêu nghiên cứu cụ thể. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Khá tốt - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu nghiên cứu cụ thể - Nội dung nghiên cứu: Đầy đủ đề giải quyết mục tiêu nghiên cứu. - Thể thức trình bày: Thiếu biểu mẫu nội dung NC. - Đề tài có tính khả thi. | 84.0 | Tốt |
| 06.19.147 | Đánh giá kết quả phẫu thuật điều trị sa trẻ mi trên tại Bệnh viện Mắt Huế | Bệnh viện Mắt | Nguyễn Khoa Toàn Trương Nguyên Hưng Châu Việt Hòa Nguyễn Thị Phương Thu Trương Thị Cẩm Trang | 2019 | <p>Đề tài có tính cấp thiết phù hợp với nhu cầu của bệnh nhân đến khám và điều trị tại Bệnh viện chuyên khoa Mắt.</p> <p>Nên đưa thời gian nghiên cứu vào tên đề tài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính mới và sáng tạo: Có mức độ ảnh hưởng tại đơn vị. - Mục tiêu nghiên cứu: Tốt - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Chưa đề ra tiêu chuẩn cụ thể để đánh giá kết quả phẫu thuật cách đánh giá, đo lường kết quả cải thiện tình trạng sa trẻ. Không nêu phương pháp tính toán. - Nội dung nghiên cứu: Nội dung nghiên cứu rõ ràng, hợp lý. | 73.5 | Khá |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|---|------------------------------|---|--------|---|---------|----------|
| 30.19.148 | Nghiên cứu tình hình tiêu chảy ở trẻ em dưới 5 tuổi điều trị nội trú tại Trung tâm y tế thành phố Huế năm 2019 | TTYT Thành Phố Huế | Nguyễn Thị Hoài Phương Hồ Thị Thim Lê Thương Luong Thị Thanh Hoàng Nhật Hồ Văn Huyền Trần Ngọc Hiền Lê Quý Thiều Hải Lê Thị Kim Ngân Hồ Thị Hòa Hồ Thị Bích Hà Đặng Thị Thúy Hương Nguyễn Thị Như Ngọc Nguyễn Thị Kim Anh Nguyễn Thị Thanh Trâm Nguyễn Thị Diệu Linh Lê Thị Thùy Dung Nguyễn Thị Thùy An Hồ Thị Thiên Trang Hồ Thị Lam Phương Trần Thanh Liêm | 2019 | <p>Đề tài có tính cấp thiết giải quyết được các vấn đề về tiêu chảy ở trẻ em là bệnh thường gặp ở trẻ dưới 5 tuổi.</p> <p>Tính mới và sáng tạo: Đề tài có phạm y ảnh hưởng đến trong ngành. Có nhiều nghiên cứu trước về lĩnh vực này.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu cần nói rõ trẻ dưới 5 tuổi có loại trừ trẻ sơ sinh hay không. <p>Cỡ mẫu tính sai (n=148), nên nói rõ phương pháp chọn mẫu thế nào để đủ mẫu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung nghiên cứu: Một số nội dung trong phần nghiên cứu chưa cụ thể: như đánh giá phân loại mất nước, đánh giá suy dinh dưỡng. - Tính ứng dụng: Có tính ứng dụng, lan toả trong đơn vị, ngành và chăm sóc sức khoẻ cộng đồng. - Thể thức trình bày: Trình bày rõ ràng, đầy đủ, còn có một số lỗi chính tả. <p>Phần tổng quan quá dài. Một số tài liệu trích dẫn không đúng.</p> | 83.5 | Tốt |
| 00.19.149 | Phát triển hệ sinh thái y tế thông minh trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020 định hướng đến 2025 | Văn phòng Sở Y tế | Nguyễn Đào Nguyễn Nam Hùng Lê Việt Bắc Nguyễn Đắc Ngọc Nguyễn Mậu Duyên Hoàng Văn Đức Nguyễn Thanh Sơn Trương Như Sơn Lê Quang Phú Nguyễn Văn Vỹ Hồ Thư Nguyễn Đức Lợi Nguyễn Đình Lập Nguyễn Phương Tuấn Trần Quốc Hùng Lê Đình Thao | 2019 | <p>Tính cấp thiết của đề tài: Đề tài đề cập đến vấn đề Phát triển hệ sinh thái y tế thông minh trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2020 định hướng đến 2025, là vấn đề rất cấp thiết trong hoạt động chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân trên địa bàn.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính mới và sáng tạo: Đề tài có ảnh hưởng lớn đến việc đề ra các giải pháp để phát triển các ứng dụng trong hệ sinh thái y tế thông minh trên địa bàn tỉnh. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Bổ sung phương pháp đánh giá nhận thức của 3 đối tượng nghiên cứu dựa vào bảng câu hỏi. - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu nghiên cứu rõ, phù hợp. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu phù hợp. <p>Phương pháp nghiên cứu tốt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung nghiên cứu: Nội dung nghiên cứu giải quyết tốt được mục tiêu nghiên cứu. - Đề tài có tính khả thi. - Tính ứng dụng: Đề tài có tính ứng dụng cao trong toàn ngành. - Thể thức trình bày: Tốt | 89.0 | Tốt |
| 13.19.150 | Nghiên cứu tình trạng rối loạn Lipid máu trên bệnh nhân gan nhiễm mỡ đến khám tại phòng Bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 | Phòng bảo vệ sức khỏe cán bộ | Huỳnh Công Minh Văn Thị Thanh Vân Bùi Quang Vinh Lê Trung Quân Lê Viết Khâm Hồ Thúy Mai Hồ Thị Ngọc Anh Huỳnh Thế Thiện Giác Nguyễn Thị Thanh Thúy Huỳnh Thị Sáu Nguyễn Thị Hằng Hoàng Ngọc Hiếu Trọng | 2019 | <p>Tính cấp thiết của đề tài: Đề tài này cần thực hiện</p> <p>Tính mới và sáng tạo: Ảnh hưởng tốt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu nghiên cứu: Mục tiêu nghiên cứu rõ ràng, phù hợp. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu là tất cả bệnh nhân đến khám tại Phòng bảo vệ sức khỏe cán bộ có chẩn đoán Gan nhiễm mỡ trong năm 2019, Dự kiến 120 người bệnh. - Nội dung nghiên cứu: Giải quyết được mục tiêu. - Đề tài khả thi. | 73.0 | Khá |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|---|------------------------|--|--------|---|---------|----------|
| 02.19.151 | Nghiên cứu tình hình đái tháo đường thai kỳ và một số yếu tố liên quan ở phụ nữ mang thai đến khám tại Bệnh viện Đa khoa Bình Điền năm 2019 | Bệnh viện ĐK Bình Điền | Trần Bắc Phan Lê Minh Tuấn Hoàng Hữu Nam Nguyễn Thanh Sơn Ngô Cưu Hoàng Thị Nhâm Lê Thị Hoài Lê Thị Hoài Thu Hoàng Thị Oanh Ngô Thị Mỹ Duyên Hoàng Thị Kim Liên Lê Thị Ngọc Quý Trương Thị Uyển Nhi Nguyễn Đăng Sơn Trần Thị Hoa Trần Thị Thu Hương | 2019 | Đề tài có tính cấp thiết, có tính ứng dụng. | 81.5 | Tốt |
| 02.19.152 | Phân tích chi phí của bệnh nhân đái tháo đường đến khám và điều trị tại Bệnh viện đa khoa Bình Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2019 | Bệnh viện ĐK Bình Điền | Phan Lê Minh Tuấn Trần Bắc Nguyễn Ngà Ngô Cưu Nguyễn Văn Hà Lê Đình Nhân Nguyễn Thị Thu Hà Hoàng Thị Oanh Ngô Thị Mỹ Duyên Trương Thị Hồng Kiều Lê Thị Hoài Trương Thị Uyển Nhi Phan Thị Như Ngọc Nguyễn Đăng Sơn Nguyễn Thanh Bình Nguyễn Định | | Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Xem lại Đối tượng nghiên cứu để giải quyết vấn đề gì? Vì hiện nay các chi phí mà đề tài nghiên cứu đều đã có trong giá dịch vụ y tế. | 70.5 | Khá |
| 00.19.153 | Tuyển dụng viên chức đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Y tế tỉnh Thừa Thiên Huế | Văn phòng Sở Y tế | Nguyễn Nam Hùng Nguyễn Đắc Ngọc Hoàng Văn Đức Hoàng Thị Minh Châu Nguyễn Đào Nguyễn Thị Ba Hồng Đặng Thị Quỳnh Trang Trần Thị Nhân Hạnh Võ Thanh Minh Phạm Huy Quốc | 2019 | Tính mới và sáng tạo: Trong phạm vi của tỉnh - Mục tiêu nghiên cứu: Chưa rõ ràng, cụ thể - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Đề nghị điều chỉnh biểu đồ Gantt: Thời gian thu thập và phân tích số liệu có thể trong năm 2018. Thời gian viết và hoàn thành đề tài phải sau khi đề cương được phê duyệt. - Tính ứng dụng: Trong phạm vi của tỉnh Thừa Thiên Huế. - Thể thức trình bày: Tên đề tài cần cụ thể thời gian (từ 2012 đến 2018). | 87.5 | Tốt |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|---|------------------|---|--------|--|---------|------------|
| 17.19.154 | Nghiên cứu xây dựng qui trình kiểm nghiệm các loại rượu cao cấp dòng Cognac và Whisky để phát hiện hàng giả, hàng kém chất lượng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế | Trung tâm KNMPTP | Trần Công Dũng Đặng Văn Khánh Hà Xuân Cừ Nguyễn Tấn Sĩ Trần Lê Thùy Linh Nguyễn Thị Thanh Ánh Nguyễn Thị Minh Hiếu Nguyễn Trí Đặng Thị Minh Hiền Hoàng Thị Lan Hương Nguyễn Thị Diễm Hồng Lê Anh Toàn Nguyễn Phan Đông Anh Phan Phước Hồng Vân Huỳnh Thị Túy Ngọc Đoàn Kim Ngân Hà Trương Thị Hương Thu Lê Thị Kim Chi Nguyễn Trọng Hiếu Ngô Thị Tuyết Mai Võ Thị Bạch Nhạn | 2019 | Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Lấy ngẫu nhiên trên thị trường tỉnh Thừa Thiên Huế được quản lý thị trường, công an kinh tế,... gởi đến kiểm nghiệm (Không đại diện). Chất chuẩn để nghiên cứu, lấy từ đâu. - Nội dung nghiên cứu: Mục tiêu 1 Xây dựng quy trình kiểm nghiệm các loại rượu cao cấp dòng Cognac và Whisky. Mục tiêu 2: Áp dụng quy trình nghiên cứu phát hiện một số rượu dòng cao cấp được lưu hành trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (khó thực hiện được). - Tính khả thi của đề tài: Đề tài khó có tính khả thi. | 68.0 | Trung bình |
| 17.19.155 | Xây dựng phương pháp định lượng đồng thời Vinpocetin và Piracetam trong thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ chức năng tuần hoàn não | Trung tâm KNMPTP | Nguyễn Thị Diễm Hồng Đặng Văn Khánh Hoàng Thị Lan Hương Lê Thị Kim Chi Nguyễn Trọng Hiếu Hoàng Thế Thuận Ngô Thị Phượng Vỹ Trần Công Dũng Trần Lê Thùy Linh Đặng Thị Minh Hiền Đoàn Văn Quang Trần Thị Mi Nguyễn Thị Minh Hiếu | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: “Xây dựng phương pháp định lượng đồng thời Vinpocetin và Piracetam trong thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ chức năng tuần hoàn não”. Có nhiều phương pháp làm, nhưng ở đây tác giả làm bằng phương pháp nào? Thực phẩm bảo vệ sức khỏe hỗ trợ chức năng tuần hoàn não là không chính xác. Viết lại tên đề tài “Xây dựng phương pháp định lượng đồng thời Vinpocetin và Piracetam trong thực phẩm chức năng hỗ trợ tuần hoàn não bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao”. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: “Thực phẩm bảo vệ sức khỏe (Health Supplement, Dietary Supplement) là những sản phẩm được dùng để bổ sung thêm vào chế độ ăn uống hàng ngày nhằm duy trì, tăng cường, cải thiện các chức năng của cơ thể con người, giảm nguy cơ mắc bệnh.” Cỡ mẫu thấp (5.10). - Tính khả thi của đề tài: Đề tài có tính khả thi. | 71.0 | Khá |
| 17.19.156 | Nghiên cứu xác định hàm lượng độc tố vi nấm Deoxynivalenol trong một số sản phẩm thực phẩm bằng phương pháp sắc ký khí khối phổ hai lần GC-MS/MS. | Trung tâm KNMPTP | Lê Anh Toàn Đặng Văn Khánh Hà Xuân Cừ Trần Công Dũng Nguyễn Tấn Sĩ Võ Thị Bạch Nhạn Huỳnh Thị Túy Ngọc Phan Phước Hồng Vân Đoàn Kim Ngân Hà Trương Thị Hương Thu Hoàng Thị Lan Hương Lê Thị Kim Chi Nguyễn Trí Đặng Thị Minh Hiền Đoàn Văn Quang Trần Thị Mi Trần Thị Thanh Thúy | 2019 | Tính cấp thiết của đề tài: Đề tài có tính cấp thiết. Nên đổi tên đề tài thêm 1 số thực phẩm chế biến từ bột ngô...Nên mở rộng phạm vi nghiên cứu của đề tài trên nhóm độc tố vi nấm. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Cỡ mẫu 10 thấp. - Tính khả thi của đề tài: Đề tài có tính khả thi. | 73.5 | Khá |

| Mã ĐC | Tên đề cương | Đơn vị | Nhóm thực hiện | T/g TH | Ý kiến phản biện | Điểm TB | Xếp loại |
|-----------|--|-------------------|--|--------|---|---------|----------|
| 17.19.157 | Đánh giá mức độ nhiễm vi khuẩn Coliforms và E. Coli trong thịt và sản phẩm thịt tại các chợ trên địa bàn thành phố Huế | Trung tâm KNMPTP | Ngô Thị Tuyết Mai Đặng Văn Khánh Hà Xuân Cừ Nguyễn Phan Đông Anh Thái Thị Hương Trần Thị Thanh Thủy Trần Quang Sơn Trần Công Dũng Đặng Thị Minh Hiền Trần Thị Mì Nguyễn Tấn Sĩ Ngô Thị Thanh Xuân Võ Đức Bảo | 2019 | Mục tiêu nghiên cứu: Đề tài chỉ có 1 mục tiêu Trong khi trong phần nội dung nghiên cứu lại có 3 là khảo sát tình hình buôn bán thịt. Xác định tỷ lệ nhiễm khuẩn và xác định các yếu tố liên quan. Do đó tác giả cần làm lại các mục tiêu của đề tài. - Tính khoa học của phương pháp nghiên cứu: Tác giả cần bổ sung phương pháp chọn mẫu là tại bao nhiêu chợ và lấy bao nhiêu mẫu. Các biến số nghiên cứu không có. Tiêu chuẩn chẩn đoán và xét nghiệm theo quyết định nào của bộ y tế. Labo xét nghiệm? Phiếu điều tra lấy mẫu không có trong phụ lục. Tác giả cần bổ sung các tài liệu tham khảo và chú thích vào đề cương. | 76.0 | Khá |
| 00.19.158 | Nghiên cứu kiến thức, thái độ, thực hành về phòng chống rắn độc cắn của người dân tại hai phường thuộc thành phố Huế, năm 2017 | Văn phòng Sở Y tế | Nguyễn Mậu Duyên Lê Đình Nhân Nguyễn Thanh Phong Lương Văn Định Nguyễn Hoàng Lan Trần Văn Vui | 2019 | Đề tài đạt, có tính khả thi. | 86.0 | Tốt |